



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, P. Võ Cường,
Tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 02223827974

Email: cdcnbn.bci@gmail.com

Fax:

Web: www.bci.edu.vn

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH TỰ ĐỘNG HOÁ CÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2025**

Bắc Ninh, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TỰ ĐỘNG HOÁ CÔNG NGHIỆP	5
1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG	5
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:	5
1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	8
1.2.1. Cơ cấu tổ chức:	8
1.2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường.....	10
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
2.1. Quá trình hình thành và phát triển	11
2.2. Chức năng, nhiệm vụ	13
2.3. Đội ngũ giảng viên	13
2.4. Cơ cấu tổ chức.....	14
2.5. Các nghề đào tạo	14
3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	15
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật.....	15
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	16
3.2.1. Mục tiêu chung.....	16
3.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	16
3.3. Phương thức đào tạo.....	20
3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo	21
3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp.....	25
3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:.....	26
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....	27
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	29
1. TỔNG QUAN CHUNG	29
1.1. Căn cứ tự đánh giá	29
1.2. Mục đích tự đánh giá.....	29
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	29
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	29
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	30
2. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	30

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	30
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:.....	36
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	36
2.2.2. Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	50
2.2.3. Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo	84
2.2.4. Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	101
2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu.....	120
2.2.6. Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	136
2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	154
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	170
1. Mục tiêu, quản lý và tài chính	170
2. Hoạt động đào tạo	170
3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên	170
4. Chương trình, giáo trình.....	171
5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	171
6. Dịch vụ cho người học	171
7. Giám sát, đánh giá chất lượng.....	171
PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	172
1. KẾT LUẬN	172
2. KIẾN NGHỊ	172

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
4.	TC	Trung cấp
5.	CĐ	Cao đẳng
6.	BGH	Ban Giám hiệu
7.	BCH	Ban chấp hành
8.	P.TK	Phó Trưởng khoa
9.	P.TP	Phó Trưởng phòng
10.	CB	Cán bộ
11.	GV	Giảng viên
12.	CNV	Công nhân viên
13.	CNVC	Công nhân viên chức
14.	GVGDNN	Giảng viên Giáo dục nghề nghiệp
15.	TW	Trung ương
16.	CTĐT	Chương trình đào tạo
17.	CTK	Chương trình khung
18.	LLCT	Lý luận chính trị
19.	NĐ	Nghị định
20.	QĐ	Quyết định
21.	ĐH	Đại học
22.	HSSV	Học sinh, sinh viên
23.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
24.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
25.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
26.	KTX	Ký túc xá
27.	CTĐT	Công trình đô thị
28.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
29.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
30.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31.	CNTT	Công nghệ thông tin
32.	SPGDNN	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
33.	TDTT	Thể dục thể thao
34.	Th.S	Thạc sỹ
35.	UBHC	Ủy ban hành chính
36.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
37.	TĐHCN	Tự động hóa công nghiệp

Số: /BC - CDCN

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tự động hóa công nghiệp Trình độ Cao đẳng năm 2025

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TỰ ĐỘNG HOÁ CÔNG NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

- Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- Tên Tiếng Anh: Bacninh College of Industry
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ trường: Số 499 - Đường Hàn Thuyên - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.
- Số điện thoại: 0222 3 827 974
- Email: cdcn.bci@gmail.com
- Website: www.bci.edu.vn
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: Năm 1970 - Trường công nghiệp Hà Bắc.
 - + Năm thành lập trường Trung cấp nghề: Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh
 - + Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh, năm 2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh
- Loại hình trường: Công lập ☒

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày trên 50 năm xây dựng và trưởng thành. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982-1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988-1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.
- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các nghề nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số nghề nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với tổng số nghề đào tạo, ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp;
2	Điện tử công nghiệp;
3	Hàn;
4	Cắt gọt kim loại;

5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Cơ điện tử;
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);
10	Tự động hoá công nghiệp;
11	Công nghệ chế tạo máy
12	Thương Mại điện tử

+ Trình độ Trung cấp với 10 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp;
2	Điện tử công nghiệp;
3	Hàn;
4	Cắt gọt kim loại;
5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;
8	Kỹ thuật chế biến món ăn;
9	Bảo trì, sửa chữa ô tô
10	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);

+ Trình độ Sơ cấp với 29 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp
2	Điện tử công nghiệp
3	Điện dân dụng
4	Lắp đặt thiết bị lạnh
5	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp
6	Công nghệ ô tô phần gầm
7	Công nghệ ô tô phần động cơ
8	Công nghệ ô tô phần điện
9	Sửa chữa thiết bị tự động hóa
10	Nguội sửa chữa máy công cụ
11	Hàn điện hồ quang tay
12	Hàn (Hàn hơi và inox)
13	Phay CNC
14	Tiện trên máy vạn năng

15	<i>Cơ điện tử</i>
16	<i>May công nghiệp</i>
17	<i>Tin học văn phòng</i>
18	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
19	<i>Quản lý khai thác công trình thuỷ lợi</i>
20	<i>Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG</i>
21	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
22	<i>Chăn nuôi thú y</i>
23	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc</i>
24	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm</i>
25	<i>Trồng rau an toàn</i>
26	<i>Trồng và chăm sóc cây hoa</i>
27	<i>Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh</i>
28	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>
29	<i>Bảo trì, sửa chữa ô tô</i>

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, thực hiện đào tạo một số nghề nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

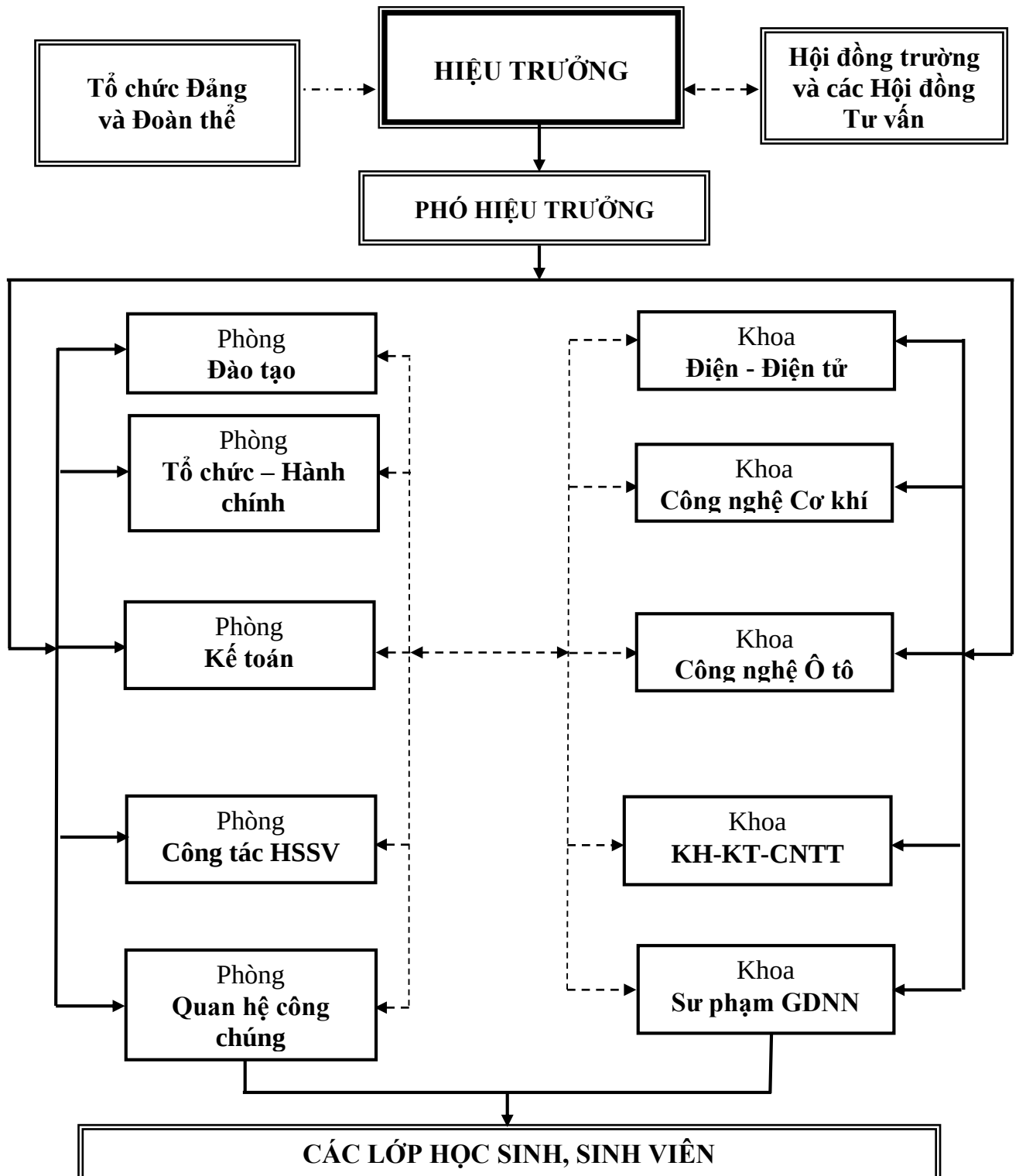
1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

1.2.1. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng (05 phòng):
 - + Phòng Đào tạo;
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn (05 khoa):
 - + Khoa Điện - Điện tử;
 - + Khoa công nghệ Cơ khí;

- + Khoa công nghệ Ô tô;
- + Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT;
- + Khoa sư phạm GDNN.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ TRƯỜNG



1.2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng (Phụ trách)
	Trần Văn Thực	1977	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sĩ	Bí thư Đảng uỷ
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sĩ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ 1	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thực	1977	Thạc sĩ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Phạm Nhật Minh	1999	Kỹ sư	Bí thư
Hội sinh viên	Phan Văn Nghiêm	1993	Thạc sĩ	Chủ tịch
3. Các phòng (05 phòng):				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đinh Công Thuyền	1966	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Duy Diễn	1982	Thạc sĩ	P. Trưởng phòng PT
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Thạc sĩ	Phó trưởng phòng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng quan hệ công chúng	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Các khoa (05 khoa):				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Khoa học-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Sư phạm GDNN	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc sĩ	Giảng viên
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông tin khái quát

Tên khoa : ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
 Tên Tiếng Anh : Electrical and Electronics Faculty
 Số điện thoại : 02223.824.007
 Số fax : Không có
 Email : Khoadiendientu.bci@gmail.com

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Khoa Điện - Điện tử (trước đây là khoa Điện) được thành lập tháng 10 năm 2003 mà tiền thân là Ban Nghề thuộc Trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, tiếp theo là Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh và hiện nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của nhà trường, tập thể cán bộ, giảng viên khoa Điện - Điện tử có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có lòng nhiệt tình, yêu nghề và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường đã đào tạo hàng vạn học sinh sinh viên của ba cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp thuộc các nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, **Tự động hóa công nghiệp** và nghề Vận hành và sửa chữa Trạm bơm điện cho để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các thành phần kinh tế trong địa phương và cả nước. Ngoài ra cán bộ, giảng viên của Khoa còn tham gia giảng dạy cho các lớp Đại học VHVL liên kết với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên tại trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa Điện - Điện tử đã đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua dạy và học:

*** Phong trào thi đua trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên:**
 - Trong giảng dạy:

- + 15 giảng viên đạt danh hiệu Giảng viên dạy giỏi cấp Tỉnh
- + 07 giảng viên đạt danh hiệu Giảng viên dạy giỏi cấp Quốc gia

+ 01 giảng viên được nhận giải thưởng Nguyễn Văn Trỗi

- *Trong nghiên cứu khoa học:*

+ Tham gia đề tài Quản lý xưởng theo mô hình 5S

+ Tham gia sáng kiến cải tiến và chế tạo đồ dùng dạy học: Có 01 thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải Nhất trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2016, có 01 thiết bị tham gia Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2019 (giải ba).

+ Năm 2021 Khoa điện – Điện tử có 01 Giảng viên tham gia Thi giảng Hội giảng Nhà giáo GDNN toàn quốc 2021 là cô Nguyễn Thị Hồng - Giảng viên nghề Điện tử công nghiệp đạt giải Nhất.

+ Năm 2022 Khoa điện – Điện tử tham gia Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm đạt nhiều thành tích cao:

- Cấp trường: 01 giải Nhất; 02 giải Ba.
- Cấp tỉnh: 01 giải Nhất; 02 giải Ba.
- Toàn quốc: 01 giải Nhì

+ Năm 2024 Khoa điện – Điện tử có 02 Giảng viên tham gia Thi giảng Hội giảng Nhà giáo GDNN toàn quốc 2024 là cô Ngô Thị Thúy - Giảng viên nghề Điện tử công nghiệp đạt giải Ba, thầy Nguyễn Đình Vui đạt giải Khuyến khích;

**** Phong trào thi đua trong học tập của HSSV:***

+ Năm 2012: 02 sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh.

+ Năm 2014: 03/03 sinh viên nghề Điện tử công nghiệp đạt giải HSGN trong Hội thi tay nghề giỏi cấp Tỉnh (trong đó có 01 nhất, 01 ba và 01 giải khuyến khích).

+ Năm 2018: 01 SV nghề Điện tử công nghiệp đạt giải ba kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia;

+ Năm 2020: 01 SV nghề Điện tử công nghiệp đạt Chứng nhận kỹ năng nghề xuất sắc trong kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia;

+ Năm 2024: 02/02 Sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp đạt giải HSGN trong Hội thi tay nghề giỏi cấp Tỉnh (trong đó có 01 nhất, 01 nhì).

+ HSSV ngoài việc luyện tập kỹ năng cơ bản còn thường xuyên được tham gia sản xuất các sản phẩm gắn với thực tế, do đó khả năng tay nghề của HSSV luôn được nâng cao.

Khoa Điện-Điện tử có hệ thống các phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị thực hành hiện đại có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo cho mọi thành phần kinh tế. Các thiết bị này được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm, của tổ chức GTV (Italia) và nguồn vốn ODA của “Chương trình Đào tạo nghề 2008” trong khuôn khổ hợp tác với chính phủ CHLB Đức.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ

- Nhiệm vụ trọng tâm của khoa là tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy các môn học, mô-đun của các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp, Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện và một số nghề liên quan của ba cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp.

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường.

- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề.

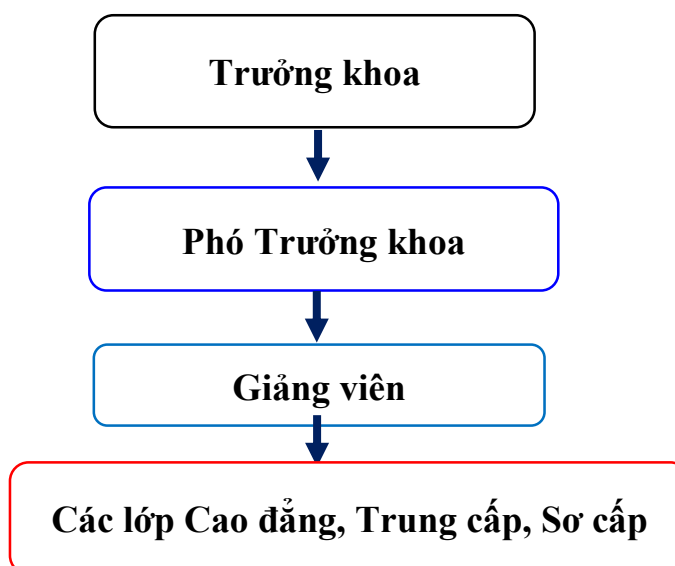
- Quản lý giảng viên, quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Trường; đề xuất xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị đào tạo.

2.3. Đội ngũ giảng viên

TT	HỌ VÀ TÊN		Năm sinh	Học vị	Chức vụ	Chức vụ Đảng/Đoàn thể
1	Trần Trung	Hậu	1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa	Bí thư chi bộ
2	Dương Văn	Nhung	1977	Thạc sĩ	P. Trưởng khoa	Phó bí thư chi bộ
3	Nguyễn Đức	Hạnh	1980	Thạc sĩ	P. Trưởng khoa	Chi ủy viên chi bộ
4	Thân Văn	Dũng	1995	Thạc sĩ	Giảng viên	
5	Lê Thị	Hiền	1988	Thạc sĩ	,,	
6	Nguyễn Thị	Hiền	1982	Thạc sĩ	,,	
7	Nguyễn Thị	Sử	1978	Thạc sĩ	,,	
8	Nguyễn Thị	Hồng	1989	Thạc sĩ	,,	
9	Nguyễn Duy	Hưng	1984	Cử nhân	,,	
10	Nguyễn Văn	Khoa	1991	Thạc sĩ	,,	
11	Dương Quỳnh	Nga	1979	Thạc sĩ	,,	
12	Nguyễn Thị	Quyên	1982	Thạc sĩ	,,	
13	Đông Văn	Huân	2002	Kỹ sư	,,	

14	Nguyễn Thị Thu	1987	Thạc sĩ	„	
15	Ngô Thị Thúy	1987	Thạc sĩ	„	
16	Nguyễn Đình Vui	1986	Thạc sĩ	„	
17	Đỗ Đình Bắc	1979	Cử nhân	„	
18	Đỗ Xuân Trung	1986	Thạc sĩ	„	
19	Nguyễn Hữu Bắc	2001	Cử nhân	„	
20	Phạm Nhật Minh	1999	Cử nhân	„	
21	Nguyễn Thị Mai Thương	1982	Cử nhân	„	
22	Lê Văn Phụng	1980	Thạc sĩ	„	
23	Nguyễn Xuân Bách	1993	Kỹ sư		

2.4. Cơ cấu tổ chức



2.5. Các nghề đào tạo

STT	Tên nghề, trình độ đào tạo	Ghi chú
1	Điện công nghiệp (trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp)	
2	Điện tử công nghiệp (trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp)	
3	Tự động hóa công nghiệp (trình độ đào tạo: Cao đẳng)	
4	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện (trình độ đào tạo: Trung cấp, Sơ cấp)	
5	Lắp đặt thiết bị lạnh (trình độ đào tạo: Sơ cấp)	
6	Điện dân dụng (trình độ đào tạo: Sơ cấp)	

3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo chi tiết của nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng đã được ban hành theo Quyết định số: 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh

Ngành, nghề: Tự động hóa công nghiệp

Mã ngành, nghề: 6520264

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2,5 năm

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Năm học 2017 – 2018, Trên nền tảng đội ngũ Giảng viên giảng dạy nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, các giảng viên có chuyên nghề Tự động hóa cùng với các trang thiết bị, máy móc hiện đại được đầu tư hàng năm của Chương trình mục tiêu..Nhà trường đã tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng khoá đầu tiên Tự động hóa Công Nghiệp (khóa 8: Niên khóa 2017 – 2020). Những năm gần đây, với sự phát triển mạnh của KHCN, nhu cầu về vị trí việc làm lĩnh vực TĐHCN tăng nhanh, theo đó là lượng SV nghề TĐHCN theo học tại Trường tăng lên. Nhà trường đã và đang đào tạo các khóa: 8, 9, 10,11, 12,13 và 14.

Cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo tại Trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp được phát triển trên cơ sở chương trình đào tạo do Bộ LĐTB&XH ban hành. Với đội ngũ GV tuy tuổi đời còn ít nhưng có tay nghề tốt, luôn cập nhật kiến thức kỹ năng mới đưa vào chương trình giảng dạy. Từ đó đáp ứng được nhu cầu nhân lực của các tập đoàn sản xuất lắp ráp điện tử hàng đầu đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như SamSung, Foxconn, Canon...

Năm 2022 Nhà trường đã ký kết với Công ty TNHH Goertek Vina về hợp tác đào tạo nhân lực, theo đó: SV chuyên nghề Tự động hóa Công Nghiệp (khóa 11: Niên khóa 2020 – 2022) thực tập tốt nghiệp tại Trung tâm Đào tạo kỹ thuật công nghệ và xưởng sản xuất của Công ty TNHH Goertek Vina; SV chuyên nghề Tự động hóa Công Nghiệp (khóa 13: Niên khóa 2022 – 2025) đào tạo kép tại Trung tâm Đào tạo kỹ thuật công nghệ của Công ty TNHH Goertek Vina.

Hàng năm, khoa Điện – Điện tử phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong toàn thể GV và HSSV; GV đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trình lên BGH đúng thời hạn, tham gia Hội giảng cấp trường, cấp tỉnh, đồng thời cử HSSV tham gia các kỳ thi Tay nghề cấp tỉnh, cấp quốc gia, với

nhiều thầy cô và HSSV đạt kết quả cao. Kết quả các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của GV được công nhận và ứng dụng trong giảng dạy.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của ngành trong lĩnh vực công nghiệp; có phẩm chất chính trị vững vàng; có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp; có sức khỏe tốt để tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm được việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết về đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và những vấn đề cấp bách của thời đại.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

+ Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất và chương trình giáo dục quốc phòng theo quy định.

+ Có kiến thức về bảo vệ môi trường, kiến thức về các phương pháp sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên nhất là năng lượng xanh và năng lượng tái tạo.

+ Trình bày được các qui tắc về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

+ Hiểu được các kí hiệu, qui ước của các bản vẽ kỹ thuật, các sơ đồ điện chuyên ngành theo tiêu chuẩn IEC.

+ Trình bày được phương pháp đo kiểm các thiết bị điện và không điện.

+ Trình bày được chức năng, nguyên lý hoạt động và ứng dụng của: Các loại động cơ, các loại cảm biến, các mạch điện tử cơ bản; thiết bị đo lường, các bộ điều khiển lập trình (PLC, vi điều khiển), các bộ điều khiển chuyên dụng, hệ thống điều khiển điện - khí nén, các thiết bị đóng cắt, bảo vệ như: Rơle, công tắc tơ, cảm biến...

+ Trình bày được các phương pháp lắp đặt các thiết bị tự động hóa công nghiệp.

+ Trình bày được các phương pháp lập trình điều khiển các quá trình tuần tự, song song, ngẫu nhiên.

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động, các chức năng, cách lập trình chuyển động cho Robot công nghiệp.

+ Nhận biết được các thành phần cơ khí – điện – điều khiển của Robot công nghiệp.

+ Trình bày được nguyên lý cơ bản của xử lý ảnh công nghiệp

+ Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo trì định kỳ và khẩn cấp.

+ Phân loại được các chuẩn truyền thông công nghiệp.

+ Phân tích được các giải thuật điều khiển cơ bản trong công nghiệp: ON/OFF, PID.

+ Trình bày được ý nghĩa các thông số cài đặt trong các bộ điều khiển công nghiệp thông dụng.

+ Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh các hệ thống điều khiển tự động.

+ Phân tích được quy trình, nội dung tư vấn kỹ thuật và kinh doanh thiết bị tự động.

+ Tiếp cận được những kiến thức chuyên ngành mới của ngành Tự động hóa công nghiệp.

+ Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Robot công nghiệp và AI sẽ được trang bị thêm kiến thức về hệ thống sản xuất linh hoạt, trí tuệ nhân tạo (AI).

+ Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Hệ thống nhúng và IoT sẽ được trang bị thêm kiến thức về hệ thống sản xuất linh hoạt, hệ thống nhúng và IoT.

+ Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Định hướng mô đun chuyên ngành tiếng Trung Quốc sẽ được trang bị thêm kiến thức về hệ thống năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời), kiến thức tiếng Trung Quốc trình độ HSK 2.

- Kỹ năng:

+ Có kỹ năng về bảo vệ môi trường và kỹ năng sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên nhất là năng lượng xanh, năng lượng tái tạo.

+ Tổ chức thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật trong thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị trong hệ thống điều khiển tự động hóa.

+ Đọc được các kí hiệu, qui ước của các bản vẽ kỹ thuật, các sơ đồ điện chuyên ngành theo tiêu chuẩn IEC.

+ Tính toán, lựa chọn, kiểm tra được tình trạng hoạt động và sử dụng các loại động cơ, cảm biến, mạch điện tử cơ bản, thiết bị đo lường và điều khiển, các cơ cấu chấp hành khí nén/thủy lực, các thiết bị trung gian như: Role/công tắc tơ...

+ Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng để tính toán, thiết kế sơ đồ mạch và lắp ráp các mạch điện tử cơ bản; tính toán, thiết kế sơ đồ đấu nối các bộ điều khiển với thiết bị ngoại vi.

+ Lắp đặt, cài đặt được thông số và vận hành được các thiết bị, tủ điện, dây chuyền sản xuất và hệ thống tự động.

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo kiểm thông dụng trong công nghiệp như: Vôn - mét, Ampe - mét, Đồng hồ đo điện vạn năng, Ampe - kìm, đồng hồ đo điện trở cách điện, đồng hồ đo thứ tự pha, đồng hồ kiểm tra RCD...

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ đồ nghề chuyên dùng thông dụng.

+ Lập trình điều khiển được hệ thống sử dụng các bộ điều khiển số: PLC, vi điều khiển...

+ Lập trình được giao diện điều khiển giám sát trên HMI.

+ Cài đặt và cấu hình được hệ thống thị giác máy

+ Sử dụng được phần mềm xử lý ảnh công nghiệp, sử dụng thành thạo các công cụ trên phần mềm để nhận diện được các sản phẩm theo yêu cầu cụ thể

+ Lập trình được ứng dụng điều khiển chuyển động cơ bản của cánh tay Robot, lập trình được các bài toán điều khiển Robot như gấp – đặt, phân loại sản phẩm.

+ Vận hành được Robot theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn.

+ Mô phỏng và xuất chương trình Robot trên phần mềm (RoboDK, RobotStudio...).

+ Tích hợp được cảm biến, xử lý tín hiệu vào/ra để điều khiển Robot tự động.

+ Xây dựng và lập trình được các hệ thống nhúng.

+ Đọc và phân tích được bản vẽ kỹ thuật của hệ thống sản xuất linh hoạt

+ Bảo trì, sửa chữa được thiết bị và hệ thống tự động.

+ Phát hiện và xử lý lỗi cơ bản trên Robot.

+ Sử dụng công cụ chẩn đoán và backup chương trình Robot để phát hiện lỗi Robot.

+ Bảo trì được Robot đúng quy trình đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

+ Tư vấn kỹ thuật được cho khách hàng về kinh doanh thiết bị tự động

+ Có khả năng cập nhật kiến thức, tư duy nghề nghiệp, nâng cao trình độ phù hợp với yêu cầu công việc.

+ Có kỹ năng giao tiếp chuyên môn và xã hội linh hoạt.

+ Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học sáng tạo.

+ Có khả năng ứng dụng Tiếng Anh, tin học để nâng cao hiệu quả công việc, tra cứu tài liệu qua internet.

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề

+ Phát hiện và giải quyết các vấn đề ở mức độ cơ bản nảy sinh trong thực tiễn của ngành học.

*Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về **Robot công nghiệp và AI (TĐ 01)** sẽ được trang bị thêm kỹ năng về:*

+ Lắp đặt và đấu nối các phần tử cơ, điện, khí nén và điều khiển theo sơ đồ, phát hiện và khắc phục được các sự cố thường gặp của hệ thống sản xuất linh hoạt.

+ Ứng dụng được các thuật toán AI đơn giản trong các bài toán nhận dạng, điều khiển, dự đoán, sử dụng được trí tuệ nhân tạo gợi ý trong quá trình lập trình, điều khiển Robot và các dây chuyền sản xuất tự động trong nhà máy.

*Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về **Hệ thống nhúng và IoT (TĐ 02)** sẽ được trang bị thêm kỹ năng về:*

+ Lắp đặt và đấu nối các phần tử cơ, điện, khí nén và điều khiển theo sơ đồ, phát hiện và khắc phục được các sự cố thường gặp của hệ thống sản xuất linh hoạt.

+ Nhận dạng được hệ thống nhúng và thiết bị IoT, sử dụng được trí tuệ nhân tạo gợi ý trong quá trình lập trình, sử dụng hệ thống nhúng và IoT để giám sát điều khiển thiết bị dây chuyền tự động hóa có sử dụng Robot.

*Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về **Mô đun đào tạo tiếng Trung Quốc (TĐ 03)** sẽ được trang bị thêm kỹ năng về:*

+ Tính toán, lựa chọn được các trang thiết bị năng lượng điện gió và điện mặt trời đảm bảo kinh tế, chất lượng và phù hợp với tải. Lắp đặt, đấu nối, vận hành, khắc phục lỗi hệ thống năng lượng điện gió và điện mặt trời đảm bảo kỹ thuật.

+ Sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc để giải quyết các công việc chuyên môn. Năng lực Tiếng Trung đạt trình độ HSK 2.

+ Có khả năng cập nhật kiến thức, tư duy nghề nghiệp, nâng cao trình độ phù hợp với yêu cầu công việc.

+ Có kỹ năng giao tiếp chuyên môn và xã hội linh hoạt.

+ Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học sáng tạo.

+ Có khả năng ứng dụng Tiếng Anh, tin học để nâng cao hiệu quả công việc, tra cứu tài liệu qua internet.

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề

+ Phát hiện và giải quyết các vấn đề ở mức độ cơ bản nảy sinh trong thực tiễn của ngành học.

+ Có đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

+ Có tinh thần cầu tiến, thiết lập mối quan hệ công tác tốt với đồng nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn và giao tiếp xã hội.

+ Có tác phong làm việc cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, kỷ luật, thích ứng với môi trường công nghiệp năng động.

+ Sử dụng được tiếng Trung Quốc trong giao tiếp và các lĩnh vực điện công nghiệp, tự động hóa công nghiệp.

3.3. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề Tự động hóa công nghiệp là phương thức đào tạo tập trung, học theo niên chế (áp dụng từ khóa 8, 9) và tích lũy mô đun, tín chỉ (áp dụng từ khóa 10,11,12, 13,14,15 và hiện tại là khóa 16: 2025 ÷ 2028).

Phương thức đào tạo của Trường hiện nay thực hiện theo đào tạo tích lũy mô đun, tín chỉ, chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp đào tạo trong thời 2,5 năm, một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt sinh viên phải hoàn thành nội dung môn học, mô đun đã được ấn định theo học kỳ, năm học; sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện. Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ: Phải tích lũy đủ toàn bộ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo và hoàn thành mô đun Đồ án tốt nghiệp đạt yêu cầu thì được công nhận tốt nghiệp

Để tăng thời gian học thực hành (thực hành, luyện tập, thực tập, thí nghiệm/ bài tập/thảo luận) của Sinh viên, chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp có số giờ thực hành chiếm khoảng 70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để Sinh viên thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giảng viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho Sinh viên

nhóm theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông trình độ cao đẳng lên đại học với nghề tương ứng.

3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thực hiện các quy định, yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; năm 2017, Trường thực hiện xây dựng mới tất cả các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng là nghề mới, thời gian đào tạo 2,5 năm, tuân thủ đúng quy trình và được thẩm định theo đúng quy định. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động và tham khảo chương trình đào tạo của các Trường đào tạo chất lượng cao, tham khảo ý kiến của các Giảng viên có kinh nghiệm trong trường và ngoài trường, ý kiến của Chuyên gia, cũng như tham khảo ý kiến của một số Doanh nghiệp sử dụng lao động, cán bộ quản lý GDNN, năm 2019 Trường tổ chức thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo Tự động hóa công nghiệp tăng thời lượng cho Sinh viên học ngoài doanh nghiệp để vừa học tập thực tế sản xuất, vừa làm quen và thích ứng với môi trường sản xuất, vị trí việc làm tương lai, áp dụng đào tạo cho Sinh viên khóa 10, 11, 12. Năm 2022, Trường tổ chức thực hiện rà soát, xây dựng chương trình đào tạo Tự động hóa công nghiệp áp dụng cho từ khóa 13 (2022 ÷ 2025) bắt đầu từ năm học 2022 ÷ 2023 trở đi.

Thông kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp ban hành theo QĐ số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 đào tạo trình độ cao đẳng bắt đầu khoá 13: 2022÷2025, khoá 14: 2023÷2026, khoá 15: 2024÷2027 có khung chương trình đào tạo như sau:

TT	Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	29	435	157	255	23
1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4

4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH 06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	103	2895	850	1968	77
	<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	17	315	140	158	17
7	MH 07	An toàn lao động	2	30	17	11	2
8	MH 08	Kỹ thuật điện	3	45	28	14	3
9	MĐ 09	Đo lường Điện - Điện tử	2	45	15	28	2
10	MH 10	Thiết kế mạch điện	2	30	18	10	2
11	MH 11	Máy điện	3	45	32	10	3
12	MĐ 12	Điện tử cơ bản	3	75	15	57	3
13	MĐ 13	Sử dụng dụng cụ cầm tay	2	45	15	28	2
	<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	86	2580	710	1810	60
14	MĐ 14	Trang bị điện	4	90	30	56	4
15	MĐ 15	Kỹ thuật cảm biến	4	90	30	56	4
16	MĐ 16	Điện tử công suất	4	90	30	56	4
17	MH 17	Lý thuyết điều khiển tự động	3	45	30	12	3
18	MĐ 18	Điều khiển khí nén-thủy lực	5	120	30	85	5
19	MĐ 19	Vi điều khiển	3	75	15	57	3
20	MĐ 20	Điều khiển lập trình PLC	5	120	30	85	5
21	MĐ 21	Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	3	75	15	57	3
22	MĐ 22	Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động	5	120	30	85	5

23	MĐ 23	Mạng truyền thông công nghiệp	5	120	30	85	5
24	MĐ 24	Thiết bị iot 4.0 trong hệ thống tự động hóa công nghiệp	5	120	30	85	5
25	MĐ 25	Robot công nghiệp	4	90	30	56	4
26	MĐ 26	Lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống cơ điện tử	6	150	30	114	6
27	MĐ 27	Thiết kế lắp đặt hệ thống Smart Home	4	90	30	56	4
28	MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	21	960	220	740	
29	MĐ 29	Đồ án tốt nghiệp	5	225	100	125	
Tổng cộng			132	3330	1007	2223	100

Thông kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp ban hành theo QĐ số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 đào tạo trình độ cao đẳng bắt đầu khoá 16: 2025÷2028, có khung chương trình đào tạo như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số:	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6

II	Các môn học, mô đun chuyên môn	88	2616	806	1670	140
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	16	351	126	183	42
MĐ 07	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	1	36	6	22	8
MH 08	Kỹ thuật điện	3	45	35.5	5	4.5
MĐ 09	Đo lường điện - điện tử	2	45	15	24	6
MH 10	An toàn lao động	2	30	24.5	2	3.5
MĐ 11	Kỹ thuật điện tử	3	75	15	53	7
MĐ 12	Máy điện	3	75	15	53	7
MĐ 13	Sử dụng dụng cụ cầm tay	2	45	15	24	6
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	61	2010	605	1330	75
MĐ 14	Điện tử công suất	3	75	15	53	7
MĐ 15	Trang bị điện	4	90	30	52	8
MĐ 16	Kỹ thuật cảm biến	3	75	15	53	7
MĐ 17	Điều khiển khí nén- thủy lực	3	75	15	53	7
MĐ 18	Điều khiển lập trình PLC	3	75	15	53	7
MĐ 19	Lắp đặt hệ thống cơ điện tử	4	90	30	52	8
MĐ 20	Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động	3	75	15	53	7
MĐ 21	Robot công nghiệp	4	90	30	52	8
MĐ 22	Xử lý ảnh công nghiệp	4	90	30	52	8
MĐ 23	Lắp đặt hệ thống điều khiển tự động hóa	4	90	30	52	8
MĐ 24	Thực tập tốt nghiệp	21	960	320	640	
MĐ 25	Đồ án tốt nghiệp	5	225	60	165	
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	11	255	75	157	23
II.3.1	Robot công nghiệp và AI (TĐ)					

	01)					
MĐ 26	Bảo trì Robot công nghiệp	4	90	30	52	8
MĐ 27	Hệ thống nhúng và trí tuệ nhân tạo	4	90	30	52	8
MĐ 28	Hệ thống sản xuất linh hoạt	3	75	15	53	7
II.3.2	Hệ thống nhúng và IoT (TĐ 02):					
MĐ 26	Bảo trì Robot công nghiệp	4	90	30	52	8
MĐ 27	Hệ thống nhúng và IoT	4	90	30	52	8
MĐ 28	Hệ thống sản xuất linh hoạt	3	75	15	53	7
II.3.3	Mô đun đào tạo tiếng Trung Quốc (TĐ 03):					
MĐ 26	Bảo trì Robot công nghiệp	4	90	30	52	8
MĐ 27	Tiếng Trung Quốc	5	120	30	81	9
MĐ 28	Lắp đặt vận hành hệ thống năng lượng tái tạo	2	45	15	24	6
Tổng cộng		107	3051	963	1925	163

3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Số lượng tốt nghiệp	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)=(6)*100/(5)	
1	Khóa 11 (2020-2023)	40	55	44	80%	
2	Khóa 12 (2021-2024)	40	58	41	70,6%	
3	Khóa 13 (2022-2025)	40	71	56	78,9%	
4	Khóa 14 (2023-2026)	90	148	Đang học		

5	Khóa 15 (2024-2027)	120	206	Đang học		
6	Khóa 16 (2025-2028)	200	306	Đang học		

3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:

STT	Đơn vị	Số lượng GV		
		Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Khoa Điện - Điện tử	14	19	23
2	Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT	08	03	03
3	Khoa Công nghệ ô tô	01	01	01
4	Khoa Công nghệ cơ khí	02	0	0
5	Khoa Sư phạm GDNN	0	01	01
6	Phòng Đào tạo	0	02	02
7	Phòng Công tác HSSV	0	01	01
8	Phòng Quan hệ công chúng	0	01	01
9	Ban giám hiệu	0	02	02
Tổng		25	31	34

Năm học	Số lượng nhà giáo cơ hữu	Số lượng nhà giáo thỉnh giảng	Nhà giáo dạy các môn chung
Năm học 2022-2023	25	0	08
Năm học 2023-2024	29	0	10
Năm học 2024-2025	32	0	10

Tổng số: 34 Giảng viên, trong đó:

- Cơ hữu: 23 GV (Nam: 14, Nữ: 9) trong đó:

+ Thạc sĩ: 16 (Nam: 08; Nữ: 08).

+ Đại học: 07 (Nam: 06; Nữ: 01).

- Kiêm nhiệm (GV thuộc các Khoa, phòng khác dạy nghề ĐCN): 11 GV (Nam: 09, Nữ: 03) trong đó:

+ Tiến sĩ: 01 (Nam).

+ Thạc sĩ: 07 (Nam: 06; Nữ: 01).

+ Đại học: 03 (Nam: 01; Nữ: 02).

- Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	01	-	01
Thạc sĩ	14	09	23
Đại học	07	03	10
Cao đẳng	-	-	-
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-
Trình độ khác	-	-	-

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

TT	Hạng mục, công trình	Diện tích (m²)
1	Khu học tập	
1.1	Phòng 202 - Phòng học lý thuyết	105
1.2	Phòng 203 - Phòng học ngoại ngữ	105
1.3	Phòng 204 - Phòng thực hành máy vi tính	105
1.4	Phòng 205 - Phòng học lý thuyết	105
1.5	Phòng 206 - Phòng học lý thuyết	105
1.6	Phòng 302 - Phòng học tin học	105
1.7	Phòng 305 - Phòng học lý thuyết	105
1.8	Phòng 307 - Phòng học lý thuyết	105
1.9	Phòng 308 - Phòng học lý thuyết	105
2	Khu thực hành	
2.1	Phòng 301 - Thực hành lắp đặt hệ thống điều khiển	125
2.2	Phòng 304 - Thực hành Trang bị điện	105
2.3	Phòng 401 - Thực hành Trang bị điện	125
2.4	Phòng 402 - Thực hành Điều khiển lập trình 1	105
2.5	Phòng 403 - Thực hành Điều khiển lập trình 2	105
2.6	Phòng 404 - Thực hành Trang bị điện (GTV)	105
2.7	Phòng 405 - Thực hành Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	105
2.8	Phòng 406 - Thực hành Điện tử công suất	105
2.9	Phòng 407 - Thực hành robot và tự động hóa	105

2.10	Phòng 408 - Thực hành Điện tử công suất	105
2.11	Phòng 501 - Thực hành Kỹ thuật Lắp đặt điện	125
2.12	Phòng 502 - Thực hành Kỹ thuật cảm biến	105
2.13	Phòng 503 - Thực hành Điện khí nén	105
2.14	Phòng 504 - Thực hành điện - điện tử	105
2.15	Phòng 505 - Thực hành Máy điện	105
2.16	Phòng 506 - Thực hành Máy điện	105
2.17	Phòng 507 - Thực hành thiết bị điện Gia dụng	105
2.18	Phòng thực hành Điện - Điện tử (Trung tâm công nghệ cao)	171
2.19	Phòng Thực hành Cơ điện tử (Phòng thực hành khí nén - thủy lực) (Trung tâm công nghệ cao)	171
2.20	Phòng Thực hành Kỹ thuật Lắp đặt điện (Xưởng 24/7)	291
2.21	Phòng Thực hành Sử dụng dụng cụ cầm tay (Khu công nghệ cao)	300
2.22	Phòng thực hành Cơ điện tử (Trung tâm công nghệ cao)	300

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. TỔNG QUAN CHUNG

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 14/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề trọng điểm, đánh giá toàn bộ hoạt động theo hệ thống tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Nâng cao nhận thức của viên chức, GV, nhân viên và học sinh, sinh viên trong trường công tác tự đánh giá; đánh giá mức độ, hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận, xem xét thực trạng, chất lượng của chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu chất lượng cho thời gian tiếp theo.

- Duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của Trường, của chương trình đào tạo so với các tiêu chuẩn có liên quan trong bộ tiêu chí để kịp thời có những giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường hàng năm.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của chương trình đào tạo, có sự tham gia của tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Thu thập tài liệu, thông tin, rà soát các hoạt động của Trường, đối chiếu các kết

quả đạt được với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Xác định mức độ đạt của các tiêu chuẩn, lập kế hoạch cải thiện các tồn tại để nâng cao chất lượng của Trường.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Bước 2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Bước 3: Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT.
- Bước 4: Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. TỰ ĐÁNH GIÁ

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt</i>
	Tổng điểm	100	100
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7,5	7,5
1.1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.	2,5	2,5
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	2,5	2,5
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề	2,5	2,5

	nghiệp.		
2	Tiêu chí 2 - Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17,5	17,5
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	2,5
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3	Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo	17,5	17,5
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người	2,5	2,5

	học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.		
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	2,5	2,5
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	2,5	2,5
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2,5	2,5
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2,5	2,5
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	2,5
4	Tiêu chí 4 - Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động	15	15
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2,5	2,5

4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2,5	2,5
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	2,5	2,5
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	2,5	2,5
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	15	15

5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.	2,5	2,5
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2,5	2,5
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
6	Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét	2,5	2,5

	công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.		
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2,5	2,5
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	2,5
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2,5	2,5
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	17,5	17,5
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin	2,5	2,5

	phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.		
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.6	Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.7	Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2,5	2,5

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của Trường là tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho HSSV có năng lực thích ứng với việc làm trong xã hội, tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển các nghề công nghiệp trọng yếu của thành phố và phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các hoạt động của Trường thực hiện theo đúng theo Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng.

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Trường đặc biệt chú trọng và có chế độ khuyến khích hỗ trợ tài chính cho đội ngũ GV, cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. Ngoài ra, việc nắm bắt và quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được Trường chú trọng qua

việc duy trì hoạt động của Đảng bộ hàng tháng, phát huy vai trò của các đoàn thể đem lại những cải tiến tích cực, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, luôn ổn định nên không gây xáo trộn lớn trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm của nhà trường. Trường đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất, đã triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, định kỳ hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, viên chức toàn trường để điều chỉnh bổ sung các định mức chi tiêu căn cứ theo quy định quản lý tài chính hiện hành. Công tác quản lý tài chính của trường thực hiện theo mô hình tập trung nên đã bám sát được nhu cầu thực tiễn để lập dự toán và điều chỉnh. Ưu tiên kinh phí cho hoạt động đào tạo và NCKH, các kế hoạch, dự toán ngân sách hằng năm được lập đúng với mục đích và mục tiêu phát triển của nhà trường. Kinh phí của trường được phân bổ, sử dụng hợp lý, minh bạch và đúng quy định, việc phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí được công khai tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong trường thông qua Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm.

Hàng năm việc lập và điều chỉnh dự toán, kế hoạch đều căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường và sự chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo, mua sắm đầu tư trang thiết bị phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức và giảng viên, đồng thời thường xuyên thực hiện tiết kiệm chi phí một cách hợp lý, có hiệu quả. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường;

Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường đạt chuẩn theo các văn bản pháp quy và đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính của đơn vị.

Chế độ quản lý tài chính thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công khai.

** Những điểm mạnh:*

Trường có đủ các quyết định thành lập Trường được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, có văn bản qui định việc rà soát, điều chỉnh, định hướng chủ yếu vào việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, cơ cấu và danh mục nghề đào tạo của Trường đã cơ bản đáp ứng với tình hình kinh tế-xã hội của Tỉnh Bắc Ninh. Trường công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên Website của Trường.

Trường có đầy đủ các văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ phận trực thuộc theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các bộ phận được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Trường đã thực hiện định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản này cho phù hợp với thực tế và điều kiện của Trường; tổ chức Đảng, các Đoàn thể trong Trường phát huy được sức mạnh

Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ giảng viên, nhân viên; đầu tư kinh phí để nâng cao trình độ của cán bộ giảng viên hàng năm, vì vậy số cán bộ giảng viên đạt trình độ cao ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Trường xây dựng và hoạt động theo Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật hàng năm qua Hội nghị Cán bộ viên chức và dựa trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Quá trình thực hiện quy chế đó đã thực sự phát huy tác dụng hiệu quả của nó và đảm bảo sự cho phát triển của nhà trường trong tình hình mới.

Trường thực hiện đúng quy định của Nhà nước về công tác lập báo cáo tài chính, sổ sách công khai, minh bạch, rõ ràng và đầy đủ cho từng năm hoạt động;

Công tác lập kế hoạch tài chính phù hợp với thực tế và với nhu cầu đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường, việc quản lý và sử dụng kinh phí được công khai hóa, minh bạch, tuân thủ các quy định của Nhà nước.

** Những tồn tại:*

Kế hoạch tài chính của trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Tuy nhiên định mức hiện đang áp dụng chưa phù hợp với tình hình giá cả thị trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng.*

Nhà trường luôn đảm bảo nguồn lực về tài chính để phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường, nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo

Nhà trường tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu mà xã hội cần, có như vậy mới thu hút người học và tạo nguồn thu cho đơn vị. Phối hợp sắp xếp lớp học hợp lý để giảm chi phí giảng dạy.

Xây dựng và thực hiện các quy trình quản lý chất lượng quản lý thu-chi ngân sách trong nhà trường.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các

khoa. Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyển sinh để thu hút HSSV vào trường ngày càng tăng.

Xây dựng quy trình cụ thể về phân bổ tài sản cho các đơn vị và quy định trách nhiệm khai thác, sử dụng có hiệu quả; lập kế hoạch dự toán và phân phối vật tư thực tập cho các xưởng thực hành; phối hợp với các bộ phận chức năng để xây dựng định mức chi phí tài chính cho từng nghề đào tạo;

Hàng năm trường điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường trên cơ sở chi tiêu đúng chế độ quy định, đảm bảo theo hướng khuyến khích đầu tư phát triển, đồng thời quan tâm hơn nữa đến việc tăng thu nhập của cán bộ, giảng viên, công nhân viên;

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	7,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5

Tiêu chuẩn 1.1. *Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

** Mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp*

Năm 2022: Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được rà soát điều chỉnh từ chương trình đào tạo năm 2019, trong đó xây dựng mục tiêu là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của ngành Tự động hoá công nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo...

Năm 2025: Nhà trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo sau 3 năm (2022 đến 2025) trên cơ sở mục tiêu đã xác định của ngành Tự động hoá công nghiệp là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc ngành Tự động hoá công nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm

việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm...hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển chung của Nhà trường. **(1.1.01 - Bộ CTĐT ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2017, 2019, 2022, 2025 của trường CĐCN Bắc Ninh (CTĐT ban hành năm 2017 theo QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017; CTĐT ban hành năm 2019 theo QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019; CTĐT ban hành năm 2022 theo QĐ số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/08/2022; CTĐT ban hành năm 2022 theo QĐ số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025).**

Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được xây dựng với mục tiêu đào tạo phù hợp mục tiêu và sứ mệnh của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh **(1.1.02- Đề án xây dựng và phát triển trường CĐCN Bắc Ninh; 1.1.03- Hệ thống quản lý chất lượng nhà trường giai đoạn 2020-2024 (Quyết định, công bố Sổ tay chất lượng, sứ mệnh, chiến lược, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng))**

Mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp hoàn toàn phù hợp Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Tự động hoá công nghiệp được quy định tại Thông tư số 47/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

** Mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp phù hợp nhu cầu của thị trường lao động*

Theo báo cáo của Sở LĐTBXH Bắc Ninh cho thấy hiện nay trên địa bàn tỉnh có 18.879 doanh nghiệp, với nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp-dịch vụ dự kiến là 145-150 nghìn lao động. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định cơ cấu lao động của tỉnh như sau: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 12.9%, công nghiệp - xây dựng: 55.8%, dịch vụ 31,3%. Như vậy cơ cấu lao động trên toàn tỉnh thay đổi theo hướng nâng cao tỉ lệ lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ và xây dựng, giảm lao động trong nông nghiệp. Việc đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành Tự động hoá công nghiệp cũng nằm trong mục tiêu phát triển chung và cung cấp nhân lực chất lượng cao cho tỉnh nhà và các tỉnh lân cận đặc biệt là tỉnh Bắc Ninh một tỉnh có sức nóng phát triển công nghiệp rất mạnh mẽ.

Tính đến tháng 8/2021, Bắc Ninh đã có 100% các doanh nghiệp đã hoạt động trở lại sau Covid 19; có 305.000 lao động làm việc trong các doanh nghiệp, trong đó các Khu công nghiệp có 190.000 người, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp tăng thêm hơn 40.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 21%. Như vậy phát triển nhân lực kỹ thuật qua đào tạo nói chung và nhân lực nghề Điện công nghiệp nói riêng hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển đặc biệt phù hợp với Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt

Chương trình "Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư" (**1.1.04-** Quyết định số 680/QĐ-UBND về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, **1.1.05** - Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2007 của ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Về Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020; **1.1.06** - Quyết định 1662/ QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch UBND Bắc Ninh về việc “Phê duyệt Dự án đầu tư và phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đến năm 2025 trở thành trường chất lượng cao).

Nhà trường thực hiện phối hợp cùng Trung tâm dịch vụ việc làm Bắc Ninh thuộc sở lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Bắc Ninh, trung tâm dịch vụ việc làm thanh niên thuộc Tỉnh Đoàn Bắc Ninh tổ chức ngày hội việc làm ngay trong ngày Lễ trao bằng tốt nghiệp cho HSSV(**1.1.07-** Ảnh chụp các hoạt động liên quan tổ chức chương trình ngày hội việc làm, tư vấn việc làm, tuyển dụng cho HSSV sau khi tốt nghiệp các năm 2022, 2023,2024, 2025; **1.1.08-** Website công bố về sứ mệnh và mục tiêu phát triển của nhà trường: <https://bci.edu.vn/muc-tieu-phat-trien.html>).

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ có liên quan (**1.1.09-** Quyết định ban hành phiếu khảo sát người học về mục tiêu của chương trình đào tạo các năm 2023, 2024, 2025; Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát các năm 2023, 2024, 2025).

** Mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được được xác định rõ ràng*

Mục tiêu của CTĐT ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng được xác định rõ ràng ở mục 1. Mục tiêu đào tạo trong chương trình đào tạo năm 2022 như sau:

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ; có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Tự động hóa trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe; tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được chức năng và ứng dụng của các cảm biến, thiết bị đo lường và điều khiển.

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của các mạch điện tử cơ bản.

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động, chức năng và ứng dụng của các cơ cấu chấp hành và các thiết bị tự động chuyên dùng.

+ Trình bày được các phương pháp lập trình ứng dụng PLC, vi điều khiển.

+ Trình bày được các kí hiệu, qui ước của các sơ đồ điện chuyên ngành.

+ Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh được các hệ thống điều khiển tự động.

+ Trình bày được các định nghĩa, các thuật ngữ trong lĩnh vực số hóa/công nghiệp 4.0.

+ Trình bày và hiểu được các ngôn ngữ lập trình mới liên quan đến CNTT

+ Làm quen với khả năng ứng dụng của các thiết bị công nghiệp IoT 4.0 trên không gian mạng

+ Hiểu được những rủi ro cho các hệ tổng kết nối mạng trong công nghiệp và các biện pháp an toàn tránh rủi ro trên không gian mạng

+ Trình bày được các quy trình và nguyên tắc thiết kế các hệ thống tự động hóa trong lĩnh vực số hóa

+ Trình bày được các quy tắc về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Nhận dạng, phân loại, lựa chọn và sử dụng được các cảm biến, thiết bị đo lường và điều khiển.

+ Vẽ mạch và lắp ráp được các mạch điện tử cơ bản.

+ Vẽ được sơ đồ nối các bộ điều khiển với thiết bị ngoại vi.

+ Đấu nối và vận hành được các bộ điều khiển với thiết bị ngoại vi.

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ đồ nghề chuyên dùng thông dụng.

+ Lập trình ứng dụng PLC, vi điều khiển.

+ Giải thích được nguyên lý hoạt động của các sơ đồ mạch điều khiển.

+ Vận hành được các thiết bị, dây chuyền sản xuất và hệ thống tự động.

+ Vận hành các hệ thống nối mạng và thực hiện được công việc bảo trì một cách tối ưu.

+ *Kết nối thành thạo phần cứng của của hệ thống IoT 4.0 kết nối với hệ thống tự động hóa công nghiệp*

+ *Viết chương trình và nạp được chương trình đưa được dữ liệu hệ thống tự động hóa lên Cloud thông qua các bộ IoT công nghiệp.*

+ *Quản lý, giám sát và bảo mật các dữ liệu trên cloud, chuẩn đoán khắc phục các sự cố của hệ thống tự động thông qua các thiết bị điều khiển từ xa.*

+ *Áp dụng được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật trong thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị trong hệ thống điều khiển tự động hóa.*

Mục tiêu của CTĐT ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng được xác định rõ ràng ở mục 2. Mục tiêu đào tạo trong chương trình đào tạo năm 2025 như sau:

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của ngành trong lĩnh vực công nghiệp; có phẩm chất chính trị vững vàng; có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp; có sức khỏe tốt để tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm được việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ *Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết về đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và những vấn đề cấp bách của thời đại.*

+ *Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật,*

quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

+ *Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất và chương trình giáo dục quốc phòng theo quy định.*

+ *Có kiến thức về bảo vệ môi trường, kiến thức về các phương pháp sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên nhất là năng lượng xanh và năng lượng tái tạo.*

- + Trình bày được các qui tắc về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.
- + Hiểu được các kí hiệu, qui ước của các bản vẽ kỹ thuật, các sơ đồ điện chuyên ngành theo tiêu chuẩn IEC.
- + Trình bày được phương pháp đo kiểm các thiết bị điện và không điện.
- + Trình bày được chức năng, nguyên lý hoạt động và ứng dụng của: Các loại động cơ, các loại cảm biến, các mạch điện tử cơ bản; thiết bị đo lường, các bộ điều khiển lập trình (PLC, vi điều khiển), các bộ điều khiển chuyên dụng, hệ thống điều khiển điện - khí nén, các thiết bị đóng cắt, bảo vệ như: Role, công tắc tơ, cảm biến...
- + Trình bày được các phương pháp lắp đặt các thiết bị tự động hóa công nghiệp.
- + Trình bày được các phương pháp lập trình điều khiển các quá trình tuần tự, song song, ngẫu nhiên.
- + Trình bày được nguyên lý hoạt động, các chức năng, cách lập trình chuyển động cho Robot công nghiệp.
- + Nhận biết được các thành phần cơ khí – điện – điều khiển của Robot công nghiệp.
- + Trình bày được nguyên lý cơ bản của xử lý ảnh công nghiệp
- + Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo trì định kỳ và khẩn cấp.
- + Phân loại được các chuẩn truyền thông công nghiệp.
- + Phân tích được các giải thuật điều khiển cơ bản trong công nghiệp: ON/OFF, PID.
- + Trình bày được ý nghĩa các thông số cài đặt trong các bộ điều khiển công nghiệp thông dụng.
- + Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh các hệ thống điều khiển tự động.
- + Phân tích được quy trình, nội dung tư vấn kỹ thuật và kinh doanh thiết bị tự động.
- + Tiếp cận được những kiến thức chuyên ngành mới của ngành Tự động hóa công nghiệp.
- + Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Robot công nghiệp và AI sẽ được trang bị thêm kiến thức về hệ thống sản xuất linh hoạt, trí tuệ nhân tạo (AI).

+ Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Hệ thống nhúng và IoT sẽ được trang bị thêm kiến thức về hệ thống sản xuất linh hoạt, hệ thống nhúng và IoT.

+ Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Định hướng mô đun chuyên ngành tiếng Trung Quốc sẽ được trang bị thêm kiến thức về hệ thống năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời), kiến thức tiếng Trung Quốc trình độ HSK 2.

- Kỹ năng:

+ Có kỹ năng về bảo vệ môi trường và kỹ năng sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên nhất là năng lượng xanh, năng lượng tái tạo.

+ Tổ chức thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật trong thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị trong hệ thống điều khiển tự động hóa.

+ Đọc được các kí hiệu, qui ước của các bản vẽ kỹ thuật, các sơ đồ điện chuyên ngành theo tiêu chuẩn IEC.

+ Tính toán, lựa chọn, kiểm tra được tình trạng hoạt động và sử dụng các loại động cơ, cảm biến, mạch điện tử cơ bản, thiết bị đo lường và điều khiển, các cơ cấu chấp hành khí nén/thủy lực, các thiết bị trung gian như: Role/công tắc tơ...

+ Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng để tính toán, thiết kế sơ đồ mạch và lắp ráp các mạch điện tử cơ bản; tính toán, thiết kế sơ đồ đấu nối các bộ điều khiển với thiết bị ngoại vi.

+ Lắp đặt, cài đặt được thông số và vận hành được các thiết bị, tủ điện, dây chuyền sản xuất và hệ thống tự động.

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo kiểm thông dụng trong công nghiệp như: Vôn - mét, Ampe - mét, Đồng hồ đo điện vạn năng, Ampe - kìm, đồng hồ đo điện trở cách điện, đồng hồ đo thứ tự pha, đồng hồ kiểm tra RCD...

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ đồ nghề chuyên dùng thông dụng.

+ Lập trình điều khiển được hệ thống sử dụng các bộ điều khiển số: PLC, vi điều khiển...

+ Lập trình được giao diện điều khiển giám sát trên HMI.

+ Cài đặt và cấu hình được hệ thống thị giác máy

+ Sử dụng được phần mềm xử lý ảnh công nghiệp, sử dụng thành thạo các công cụ trên phần mềm để nhận diện được các sản phẩm theo yêu cầu cụ thể

+ Lập trình được ứng dụng điều khiển chuyển động cơ bản của cánh tay Robot, lập trình được các bài toán điều khiển Robot như gấp – đặt, phân loại sản phẩm.

+ Vận hành được Robot theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn.

- + Mô phỏng và xuất chương trình Robot trên phần mềm (RoboDK, RobotStudio...).
 - + Tích hợp được cảm biến, xử lý tín hiệu vào/ra để điều khiển Robot tự động.
 - + Xây dựng và lập trình được các hệ thống nhúng.
 - + Đọc và phân tích được bản vẽ kỹ thuật của hệ thống sản xuất linh hoạt
 - + Bảo trì, sửa chữa được thiết bị và hệ thống tự động.
 - + Phát hiện và xử lý lỗi cơ bản trên Robot.
 - + Sử dụng công cụ chẩn đoán và backup chương trình Robot để phát hiện lỗi Robot.
 - + Bảo trì được Robot đúng quy trình đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.
 - + Tư vấn kỹ thuật được cho khách hàng về kinh doanh thiết bị tự động
 - + Có khả năng cập nhật kiến thức, tư duy nghề nghiệp, nâng cao trình độ phù hợp với yêu cầu công việc.
 - + Có kỹ năng giao tiếp chuyên môn và xã hội linh hoạt.
 - + Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học sáng tạo.
 - + Có khả năng ứng dụng Tiếng Anh, tin học để nâng cao hiệu quả công việc, tra cứu tài liệu qua internet.
 - + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề
 - + Phát hiện và giải quyết các vấn đề ở mức độ cơ bản nảy sinh trong thực tiễn của ngành học.
- Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Robot công nghiệp và AI sẽ được trang bị thêm kỹ năng về:
- + Lắp đặt và đấu nối các phần tử cơ, điện, khí nén và điều khiển theo sơ đồ, phát hiện và khắc phục được các sự cố thường gặp của hệ thống sản xuất linh hoạt.
 - + Ứng dụng được các thuật toán AI đơn giản trong các bài toán nhận dạng, điều khiển, dự đoán, sử dụng được trí tuệ nhân tạo gợi ý trong quá trình lập trình, điều khiển Robot và các dây chuyền sản xuất tự động trong nhà máy.
- Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Hệ thống nhúng và IoT sẽ được trang bị thêm kỹ năng về:
- + Lắp đặt và đấu nối các phần tử cơ, điện, khí nén và điều khiển theo sơ đồ, phát hiện và khắc phục được các sự cố thường gặp của hệ thống sản xuất linh hoạt.

+ Nhận dạng được hệ thống nhúng và thiết bị IoT, sử dụng được trí tuệ nhân tạo gợi ý trong quá trình lập trình, sử dụng hệ thống nhúng và IoT để giám sát điều khiển thiết bị dây chuyền tự động hóa có sử dụng Robot.

Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp học chuyên sâu về Định hướng mô đun chuyên ngành tiếng Trung Quốc sẽ được trang bị thêm kỹ năng về:

+ Tính toán, lựa chọn được các trang thiết bị năng lượng điện gió và điện mặt trời đảm bảo kinh tế, chất lượng và phù hợp với tải. Lắp đặt, đấu nối, vận hành, khắc phục lỗi hệ thống năng lượng điện gió và điện mặt trời đảm bảo kỹ thuật.

+ Sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc để giải quyết các công việc chuyên môn. Năng lực Tiếng Trung đạt trình độ HSK 2.

+ Có khả năng cập nhật kiến thức, tư duy nghề nghiệp, nâng cao trình độ phù hợp với yêu cầu công việc.

+ Có kỹ năng giao tiếp chuyên môn và xã hội linh hoạt.

+ Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học sáng tạo.

+ Có khả năng ứng dụng Tiếng Anh, tin học để nâng cao hiệu quả công việc, tra cứu tài liệu qua internet.

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề

+ Phát hiện và giải quyết các vấn đề ở mức độ cơ bản nảy sinh trong thực tiễn của ngành học.

+ Có đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

+ Có tinh thần cầu tiến, thiết lập mối quan hệ công tác tốt với đồng nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn và giao tiếp xã hội.

+ Có tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, kỷ luật, thích ứng với môi trường công nghiệp năng động.

+ Sử dụng được tiếng Trung Quốc trong giao tiếp và các lĩnh vực điện công nghiệp, tự động hóa công nghiệp.

Mục tiêu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được được xác định rõ ràng và đảm bảo các quy định.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề

ng nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 48/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông. Chuẩn đầu ra đã quy định rõ về: Khối lượng kiến thức, được tính bằng giờ, số tín chỉ; Kiến thức; Kỹ năng; Mức độ tự chủ và trách nhiệm; Các năng lực của nghề; Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ.

Năm 2025, căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường đã tiến hành rà soát, cập nhật lại chuẩn đầu ra ngành Tự động hoá công nghiệp.

Chuẩn đầu ra đã quy định rõ về: Kiến thức; Kỹ năng; Mức độ tự chủ và trách nhiệm; Các năng lực của nghề; Khối lượng kiến thức, được tính bằng giờ, số tín chỉ người học phải tích lũy cho mỗi trình độ.

Trong quá trình biên soạn, rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, thẩm định chuẩn đầu ra ngành Tự động hoá công nghiệp, Nhà trường đều mời các chuyên gia ở trường khác và doanh nghiệp tham gia, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn đã giúp cho Nhà trường cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác (**1.2.01** - Quyết định thành lập Tổ rà soát, biên soạn chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo năm 2022, 2025; **1.2.02** - Kế hoạch rà soát, biên soạn chuẩn đầu ra ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, 2025; **1.2.03** - Biên bản họp phân công rà soát, biên soạn chuẩn đầu ra ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, 2025; **1.2.04**- Biên bản hội thảo điều chỉnh, xây dựng chuẩn đầu ra ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, 2025; **1.2.05**- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo năm 2022, 2025; **1.2.06**- Ý kiến thẩm định, nghiệm thu chuẩn đầu ra ngành Tự

động hoá công nghiệp năm 2022, 2025; **1.2.07**- *Biên bản thẩm định, nghiệm thu chuẩn đầu ra ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, 2025; 1.2.08* - *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo năm 2022, 2025*).

Đề chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, Nhà trường hàng năm sẽ lấy ý kiến của Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp. Họ đều nhất trí đánh giá *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, được công bố công khai (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025)*.

Chuẩn đầu ra của ngành Tự động hoá công nghiệp là cơ sở để Nhà trường rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng và được công bố công khai trên Website của nhà trường, Đài phát thanh và truyền hình Bắc Ninh; các trang thông tin tuyển sinh của Bộ lao động và các bộ ngành khác (**1.2.12** - *Website công bố chương trình đào tạo nghề Tự động hóa Công nghiệp của trường: <https://bci.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-cao-dang-nganh-tu-dong-hoa-cong-nghiep.html>; 1.2.13* - *Tờ rơi tuyển sinh các năm 2023, 2024, 2025, 2026; 1.2.14* - *Văn bản tuyển sinh đến các trường THPT*)

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã có tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nghề nghiệp. Để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới và phù hợp với xu hướng phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyên số, căn cứ vào Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và tham khảo mô đun “Năng lực số” theo Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ

ngày 23/11/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”, khi rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra ngành Tự động hoá công nghiệp, Nhà trường đã xác định kiến thức, kỹ năng số cơ bản và nâng cao đối với người lao động trên môi trường số; lồng ghép vào các năng lực liên quan tới kiến thức, kỹ năng số, công nghệ thông tin nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho người học (**1.2.08 - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo năm 2022, 2025**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2,5 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

TC	Tên Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá	Tỷ lệ %
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17.5	17.5	100%
2.1	Tiêu chuẩn 2.1. Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2.5	2.5	100%
2.2	Tiêu chuẩn 2.2. Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2.5	2.5	100%
2.2	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2.5	2.5	100%
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2.5	2.5	100%
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2.5	2.5	100%

2.6	Tiêu chuẩn 2.6: : Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2.5	2.5	100%
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2.5	2.5	100%

Chương trình, giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được xây dựng, biên soạn, lựa chọn theo Danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Hàng năm nhà trường thường xuyên xây dựng rà soát chỉnh sửa chương trình và giáo trình đào tạo, trong đó các Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được xây dựng, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định, thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Năm 2017 thực hiện theo Luật giáo dục nghề nghiệp ngành Tự động hoá công nghiệp đã được đăng ký theo giấy chứng nhận. Năm 2019, Nhà trường đã triển khai rà soát và thay đổi chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình các ngành theo tích lũy mô-đun trong đó có ngành Tự động hoá công nghiệp. Năm 2022, Nhà trường tiếp tục triển khai rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành trong đó có ngành Tự động hoá công nghiệp. Năm 2025, Nhà trường tiếp tục triển khai rà soát và chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo các ngành trong đó có ngành Tự động hoá công nghiệp.

Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo, giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học

trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

** Những điểm mạnh:*

- Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.

- Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.

- Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.

- Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

- Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.

** Những tồn tại:* Không có.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại.

Phối hợp với một số cơ sở giáo dục đại học có cùng khối nghề đào tạo nhằm thiết kế, xây dựng và công nhận liên thông về chương trình đào tạo.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giảng viên, HSSV về chất lượng chương trình và giáo trình nhằm tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17,5 điểm
Tiêu chuẩn 2.1	2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.2	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 2.3	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 2.4	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 2.5	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 2.6	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 2.7	2,5 điểm

2.1. Tiêu chuẩn 2.1: *Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo ngành Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng, tại mục 2 (Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học), cho thấy, chương trình thường phân bổ các môn học chung, các môn học cơ sở và cơ sở nghề, các môn học/mô-đun chuyên môn nghề được sắp xếp ở các học kỳ sau, thực tập tốt nghiệp được bố trí sau khi đã hoàn thành tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo. Chương trình môn học/mô-đun trong chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng đều chỉ rõ vị trí, tính chất của môn học/mô-đun, điều kiện tiên quyết hoặc song hành của môn học/mô-đun, điều này đảm bảo sự logic, kế thừa các kiến thức, kỹ năng lẫn nhau giữa các môn học/môn học đảm bảo thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra của nghề Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng của Nhà trường. Trong chương trình đào tạo Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng, ở mục 3 (Nội dung chương trình), thể hiện rõ thời gian học tập (giờ) của từng MH/MĐ. Nội dung cụ thể của từng MH/MĐ cũng thể hiện rõ thời gian cho từng bài, từng chương, từng mục, thời gian lý thuyết, thời gian thực hành, thời gian kiểm tra, thi

- Nhà trường đã ban hành các quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo như “*Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo*”, quy trình này căn cứ theo Điều 6 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, **(2.1.01– Quyết định số 445/QĐ-CĐCN ngày 23/12/2021 “Ban hành 19 quy trình bổ sung vào hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ bảo đảm chất lượng năm 2021; 2.1.02 – Quyết định số 223/QĐ-CĐCN ngày 27/5/2024 Ban hành “Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng”**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp (**2.1.03 –Kế hoạch số 15/ KH-CĐCN ngày 28/2/2022 “Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022”**; Kế hoạch số 01/ KH-CĐCN ngày 03/01/2025 “Kế hoạch xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành, nghề năm 2025”).

-Tiếp đó, Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp:

+ Danh sách trích ngang Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022 (Kèm theo quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh) như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Chức danh	Bằng cấp chuyên môn	Số năm kinh nghiệm
1	Nguyễn Đức Lưu	Hiệu trưởng	Trưởng Ban	Thạc sỹ; Kinh tế	30
2	Vũ Quang Khuê	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng Ban	Tiến sỹ: Vật liệu Điện tử	19
3	Nguyễn Văn Mễ	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	Thạc sỹ: Chế tạo máy	15
4	Trần Văn Thực	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	Thạc sỹ: Kỹ thuật Điện tử	22
5	Trần Mạnh Hùng	Trưởng phòng đào tạo	Thư ký	Thạc sỹ: Sư phạm Kỹ thuật điện	13
6	Nguyễn Thị Như Hoa	Trưởng Khoa KH-KT-CNTT	Ủy viên	Cử nhân Tiếng Anh	15
7	Võ Văn Hùng	Trưởng Khoa CN Ô tô	Ủy viên	Thạc sỹ: Tự động hóa	19
8	Trần Trung Hậu	Trưởng khoa Điện-Điện tử	Ủy viên	Thạc sỹ: Sư phạm Kỹ thuật điện	17

9	Đỗ Thị Vân	Trưởng Khoa Sư phạm GDNN	Ủy viên	Thạc sỹ: Sư phạm Kỹ thuật điện	17
10	Nguyễn Thị Hà	Phó trưởng phòng, Kế toán trưởng	Ủy viên	Thạc sỹ: Tài chính NH	10
11	Nguyễn Văn Hưng	Phó trưởng Khoa CN Cơ khí	Ủy viên	Thạc sỹ: Kỹ thuật cơ khí	17

(2.1.04 – Quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 về việc Thành lập ban chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022).

+ Danh sách trích ngang Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2025 (Kèm theo quyết định số 84/QĐ-CĐCN ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh) như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Chức danh	Bằng cấp chuyên môn	Số năm kinh nghiệm
1	Vũ Quang Khuê	Hiệu trưởng	Trưởng Ban	Tiến sỹ: Vật liệu Điện tử	22
2	Trần Văn Thực	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng Ban thường trực	Thạc sỹ: Kỹ thuật Điện tử	25
3	Nguyễn Văn Mễ	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng Ban	Thạc sỹ: Chế tạo máy	18
4	Trần Mạnh Hùng	Trưởng phòng đào tạo	Thành viên - Thư ký	Thạc sỹ: Sư phạm Kỹ thuật điện	16
5	Lê Trọng Nghĩa	Phó trưởng phòng đào tạo	Thành viên	Thạc sỹ: Kỹ thuật Điện tử	18
6	Nguyễn Thị Như Hoa	Trưởng Khoa KH-KT-CNTT	Thành viên	Cử nhân Tiếng Anh	18
7	Nguyễn Xuân Hà	Phó trưởng Khoa KH-KT-CNTT	Thành viên	Cử nhân Đại học TĐTT	22
8	Võ Văn Hùng	Trưởng Khoa CN Ô tô	Thành viên	Thạc sỹ: Tự động h	22

9	Nguyễn Công Phước	Phó trưởng Khoa CN Ô tô	Thành viên	Kỹ sư Tự động hóa	25
10	Trần Trung Hậu	Trưởng khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ: Sư phạm Kỹ thuật điện	20
11	Dương Văn Nhung	Phó trưởng khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ: Kỹ thuật điện	25
12	Nguyễn Đức Hạnh	Phó trưởng khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ: Sư phạm Kỹ thuật điện	22
13	Nguyễn Văn Hưng	Trưởng Khoa CN Cơ khí	Thành viên	Thạc sỹ: Kỹ thuật cơ khí	20
14	Phan Đăng Thực	Phó trưởng Khoa CN Cơ khí	Thành viên	Thạc sỹ: Kỹ thuật cơ khí	10
15	Nguyễn Thị Hà	Phó trưởng phòng, Kế toán trưởng	Thành viên	Thạc sỹ: Tài chính NH	13

(2.1.05 – Quyết định số 84/QĐ-CĐCN ngày 11/02/2025 về việc Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành, nghề năm 2025).

- Nhà trường thành lập Ban rà soát và xây dựng/ Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp gồm các giảng viên lâu năm, có nhiều kinh nghiệm, giảng dạy ngành Tự động hoá công nghiệp:

+ Danh sách trích ngang Ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022 *(Kèm theo quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 về việc Thành lập ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh)* như sau:

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh	Bằng cấp chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Nguyễn Đức Hạnh	P. Trưởng khoa Điện – Điện tử	Trưởng tiểu ban	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	19

2	Nguyễn Văn Khoa	GV khoa Điện – Điện tử	Thành viên, thư ký	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	9
3	Nguyễn Thị Hiền	GV khoa Điện – Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ Kỹ thuật điện	15
4	Nguyễn Thị Hồng	GV khoa Điện – Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	9
5	Nguyễn Văn Chung	P. GD Công ty TNHH Điện tử Thành Long	Thành viên	Ks Công nghệ Kỹ thuật điện	11

2.1.06 – Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 về việc thành lập ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2022).

+ Danh sách trích ngang Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2025 (Kèm theo quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025) như sau:

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh	Bằng cấp chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Ths. Trần Văn Thực	Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng	Thạc sỹ: Kỹ thuật Điện tử	25
2	Ths. Trần Trung Hậu	Trưởng Khoa Điện - Điện tử	Tổ phó - Thường trực	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	20
3	Ths. Nguyễn Đức Hạnh	Phó TK Điện - Điện tử	Thành viên, thư ký	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	22
4	Ths. Nguyễn Đình Vui	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	13

5	Ths. Nguyễn Thị Hồng	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Ks Công nghệ Kỹ thuật điện	13
6	Ths. Nguyễn Thị Thu	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	13
7	Ths. Nguyễn Văn Khoa	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sĩ sư phạm Kỹ thuật điện	13
8	Ths. Nguyễn Thị Sử	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	20
9	KS. Phạm Công Lượng	Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Goertek Vina	Thành viên	Kỹ sư Tự động hoá	17
10	KS. Nguyễn Văn Chinh	Công Ty TNHH ABB Việt Nam	Thành viên	Kỹ sư Kỹ Thuật điện	15

2.1.07 – Quyết định số 91/QĐ-CDCN ngày 14/02/2025 về Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025.

- Ban chủ nhiệm, ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp đã tiến hành các cuộc họp để thực hiện đúng theo “Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo” kết hợp với Thông tư 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong việc: “Xác định mục tiêu của chương trình, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với ngành, nghề đào tạo; xác định thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung để đưa vào chương trình đào tạo trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề, chuẩn đầu ra theo cấp trình độ của ngành, nghề đào tạo; Thiết kế cấu trúc chương trình đào tạo, xác định danh mục các môn học, mô đun, thời

gian và phân bổ thời gian thực hiện; Thiết kế đề cương chi tiết các môn học, mô đun theo chương trình đào tạo đã xác định, yêu cầu và cách thức đánh giá kết quả học tập của người học; Tổ chức biên soạn chương trình đào tạo, chương trình chi tiết các môn học, mô đun, xây dựng phụ lục “Sơ đồ quan hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun” kèm theo chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với trình tự của logic nhận thức, logic sư phạm.

Ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp tiếp thu trực tiếp các ý kiến đóng góp của Quản lý khoa, các Giảng viên của Khoa Điện – Điện tử trong quá trình rà soát, xây dựng Chương trình đào tạo thông qua các cuộc họp chuyên môn của Khoa về rà soát, chỉnh sửa Chương trình đào tạo, các cuộc họp tổ rà soát, xây dựng. *(2.1.08 – Các biên bản họp ban rà soát, xây dựng chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; 2.1.09 - Các biên bản họp tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2025).*

Sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp, tiểu ban xây dựng rà soát, xây dựng chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng đã hoàn thành “Dự thảo chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng” và tiến hành Hội thảo lấy ý kiến của chuyên gia là giảng viên trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo này *(2.1.10 – Giấy mời tham dự Hội thảo góp ý, thẩm định chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025; 2.1.11 - Phiếu xin ý kiến của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025);*

- Sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo chương trình ngành Tự động hoá công nghiệp, tiểu ban biên soạn họp và tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, khắc phục những tồn tại, thiếu sót để hoàn chỉnh Dự thảo Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp, tiến hành tổ chức thẩm định chương trình đào tạo này. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đáp ứng đúng tiêu chuẩn theo Điều 11-Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH:

+ Danh sách trích ngang Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022 *(Kèm theo quyết định số 225/QĐ-CĐCN ngày 20/6/2022 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh)* như sau:

TT	Họ tên	Đơn vị/chức vụ	Nhiệm vụ	Chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Vũ Quang Khuê	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	Tiến sĩ khoa học vật liệu	19
2	Lê Trọng Nghĩa	Phó TP Đào tạo	Phó chủ tịch hội đồng	Thạc sĩ kỹ thuật điện tử	15
3	Nguyễn Duy Diễn	Phó TP CTHSSV	Ủy viên, thư ký	Thạc sĩ kỹ thuật điện tử	17
4	Ngô Gia Vịnh	Phó TP QLDN Sở LĐ-TBXH	Ủy viên	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	22
5	Trần Văn Quân	Giám đốc công ty TNHH Nhật Anh	Ủy viên	Kỹ sư Điện tử - Công nghệ thông tin	11
6	Nguyễn Sỹ Tùng	Phó GD Công ty TNHH SymKos	Ủy viên	Kỹ sư Tự động hóa	9
7	Đỗ Văn Toàn	Giảng viên Khoa Điện - Điện tử trường Cao đẳng công nghiệp Hưng Yên	Ủy viên	Thạc sĩ LL và PP dạy học (Chuyên sâu kỹ thuật điện tử)	13
8	Vũ Quang Vịnh	Giảng viên – Phó trưởng phòng đào tạo – Trường cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	Ủy viên	Thạc sĩ kỹ thuật điện tử	17
9	Nguyễn Hữu Thiết	Giảng viên Khoa Cơ khí – Trường cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	Ủy viên	Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí	17

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2025 có Ts. Vũ Quang Khuê - Phó Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Ths. Ngô Gia Vịnh - Phó trưởng phòng Quản lý dạy nghề Sở LĐTB&XH tỉnh

Bắc Ninh - Ủy viên (đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp), 03 Giảng viên thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác; 02 đại diện doanh nghiệp (đơn vị sử dụng lao động) *(2.1.12 - Quyết định số 225/QĐ-CĐCN ngày 20/6/2022 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022).*

+ Danh sách trích ngang Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2025 *(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025)* như sau:

TT	Họ tên	Đơn vị/chức vụ	Nhiệm vụ	Chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Ths. Trần Văn Thực	Phó hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	Kỹ thuật điện tử	25
2	Ths. Nguyễn Văn Mễ	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Hội đồng	Kỹ thuật cơ khí	18
3	Ths. Đỗ Thị Vân	GV Khoa Sư phạm GDNN	Ủy viên -Thư ký	SPKT Điện	20
4	Ths. Ngô Gia Vịnh	Phó Trưởng phòng Quản lý GDNN	Ủy viên	Quản lý giáo dục	25
5	Th. Bùi Xuân Đoàn	Trưởng Phòng Quan hệ Công chúng	Ủy viên	LL và PP dạy học kỹ thuật điện	20
6	Ths. Vũ Quang Vịnh	Phó Trưởng khoa Điện tử -Tin học; Trường Cao đẳng CDXD Bắc Ninh	Ủy viên	Kỹ thuật điện tử	20
7	Ths. Nguyễn Hữu Vụ	GV Trường Cao đẳng công nghiệp Hưng Yên	Ủy viên	KT điều khiển và Tự động hóa	18
8	KS. Nguyễn Sỹ Tùng	Phó tổng Giám đốc	Ủy viên	Tự động hóa	12

		Công ty TNHH Symkos			
9	KS. Trần Thanh Tuấn	Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Goertek Vina	Ủy viên	KT điều khiển và Tự động hóa	16

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022 có Ths. Trần Văn Thực - Phó Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng thẩm định; Ths. Nguyễn Văn Mễ - Phó Hiệu trưởng - Phó chủ tịch Hội đồng thẩm định; Ths. Ngô Gia Vĩnh - Phó Trưởng phòng Quản lý GDNN - Ủy viên (đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp), 02 Giảng viên của Nhà trường và 02 Giảng viên thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác; 02 đại diện doanh nghiệp (đơn vị sử dụng lao động) (**2.1.13 - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025**).

Đối với 6 môn học chung của các chương trình đào tạo các nghề, Nhà trường thực hiện đúng nội dung trong các thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH. Trong đó các môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Tin học, Giáo dục thể chất, Pháp luật, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh được giữ nguyên nội dung và phân phối thời gian theo quy định (**2.1.14- Quyết định số 01/QĐ-CĐN ngày 02/01/2019 Ban hành 5 môn học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng; 2.1.15 - Quyết định số 70/QĐ-CĐN ngày 28/02/2019 Ban hành chương trình môn học MH06: Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng**).

Tất cả các ý kiến đóng góp, nhận xét, đánh giá của các phản biện và các thành viên của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2019, 2022 đều được đưa vào biên bản trong quá trình thẩm định (**2.1.16 - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025**).

- Sau khi Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua, nghiệm thu. Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp để Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định ban hành chương trình đào tạo này (**2.1.17 – Biên bản**

nghiệm thu Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025; **2.1.18** – Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2022”; **2.1.19** – Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025”).

- Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được cập nhật và đánh giá theo đúng quy định tại Điều 9 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH về thời gian ít nhất 03 năm 01 lần (Năm 2019, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2017; Năm 2022, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2019). Việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung những nội dung trong chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước quy định tại Điều 6, Điều 7 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp sau khi được sửa đổi, cập nhật, bổ sung thành Chương trình đào tạo đã được hoàn thiện, Hội đồng chuyên môn đề xuất Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định ban hành.

Để đáp ứng được xu hướng phát triển của xã hội, Ban xây dựng chương trình ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ Cao đẳng đã lấy ý kiến của ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp về Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp (**1.2.09** - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.10** - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.11** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành” như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá			
				1 (Rất tốt)	2 (Tốt)	3 (Trung bình)	4 (Không tốt)
1	Giáo viên, cán bộ quản lý	2022 ÷ 2023	Số phiếu	17	29	0	0
			Tỷ lệ %	36,96%	63,04%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	19	28	0	0

			Tỷ lệ %	40,43%	59,57%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	21	38	0	0
			Tỷ lệ %	35,59%	64,41%	0%	0%
2	Người học sau tốt nghiệp	2022 ÷ 2023	Số phiếu	8	18	1	0
			Tỷ lệ %	29,63%	66,67%	3,7%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	22	20	1	0
			Tỷ lệ %	51,16%	46,51%	2,33%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	22	20	1	0
			Tỷ lệ %	51,16%	46,51%	2,33%	0%
3	Đơn vị sử dụng lao động	2021 ÷ 2022	Số phiếu	9	7	0	0
			Tỷ lệ %	52,25%	43,75%	0%	0%
		2022 ÷ 2023	Số phiếu	8	8	0	0
			Tỷ lệ %	50%	50%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	6	10	0	0
			Tỷ lệ %	37,5%	62,5%	0%	0%

Như vậy, Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

2.2. Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình phát triển của Ngành, địa phương và Đất nước thì tỉnh Bắc Ninh phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025. Tập trung phát triển các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ có nhu cầu và lợi thế phát triển, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Bắc Ninh gồm: Sản xuất, lắp ráp sản phẩm linh kiện điện tử, cơ khí chính xác, công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghệ cao, chế biến thực phẩm - đồ uống. Đặc biệt là phát triển hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Do vậy trong Đề án thành lập Trường và đề án Trường chất lượng cao, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã xác định rõ mục tiêu phát triển: “Tiếp tục xây dựng Nhà trường trở thành Trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập Quốc tế. Là cơ sở giáo dục nghề

nghiệp có uy tín, chất lượng cao, cấp độ khu vực ASEAN”, với phương châm: “Trật tự kỷ cương, khách quan, công bằng, sáng tạo và hiệu quả”, (2.2.01 – Đề án thành lập trường Cao đẳng, Đề án trường chất lượng cao năm 2021; 2.2.02 – Quyết định 1662/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Bắc Ninh về việc “Phê duyệt Dự án đầu tư và phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đến năm 2025 trở thành trường chất lượng cao”). Đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động là phương châm hoạt động của trường; trong đó, Nhà trường xác định việc xây dựng các chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động là hết sức cần thiết. Căn cứ điều 3 chương II Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH: Nội dung chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển của nghề, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ, Nhà trường khi xây dựng, chỉnh sửa các Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp có nội dung đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động, đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

Tất cả các mô đun, môn học của Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025 được thông qua Hội đồng thẩm định chương trình, được lấy ý kiến của Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp hàng năm (năm 2023, 2024, 2025). Các ý kiến đóng góp và đánh giá của họ đều nhất trí là Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương” như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát	Mức đánh giá			
			1	2 (Tốt)	3	4

				(Rất tốt)		(Trung bình)	(Không tốt)
1	Giáo viên, cán bộ quản lý	2022 ÷ 2023	Số phiếu	17	29	0	0
			Tỷ lệ %	36,96%	63,04%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	20	27	0	0
			Tỷ lệ %	42,55%	57,45%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	22	37	0	0
			Tỷ lệ %	37,29%	62,71%	0%	0%
2	Người học sau tốt nghiệp	2022 ÷ 2023	Số phiếu	12	14	1	0
			Tỷ lệ %	44,44%	51,85%	3,71%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	18	24	1	0
			Tỷ lệ %	41,86%	55,81%	2,33%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	18	24	1	0
			Tỷ lệ %	41,86%	55,81%	2,33%	0%
3	Đơn vị sử dụng lao động	2022 ÷ 2023	Số phiếu	8	8	0	0
			Tỷ lệ %	50%	50%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	4	12	0	0
			Tỷ lệ %	25%	75%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	10	6	0	0
			Tỷ lệ %	62,5%	37,5%	0%	0%

Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025 có *Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.*

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: *Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Nhà trường, vì vậy, khi xây dựng chương trình, Nhà trường đều mời các đại diện cho các

doanh nghiệp tham gia, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành giúp cho Nhà trường điều chỉnh chương trình theo sát với thực tế. Khi thẩm định các chương trình, Nhà trường cũng mời đại diện các doanh nghiệp, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định (**2.1.12 - Quyết định số 225/QĐ-CĐCN ngày 20/6/2022 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022; 2.1.13 - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025**).

Căn cứ vào thông tư 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 04 năm 2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Thông tư 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông.

Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng thể hiện chi tiết mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể về kiến thức kỹ năng nghề nghiệp, yêu cầu đầu ra của nghề được xác định rõ ràng đảm bảo đúng theo quy định ban hành về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học trình độ cao đẳng đạt được sau khi tốt nghiệp (**2.3.01 – Quy định khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025**). Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng đã quy định rõ các chuẩn đầu ra về: Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm; Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp có thể đảm nhận; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Chuẩn đầu ra của ngành Tự động hoá công nghiệp là cơ sở để Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng.

Trong chương trình đào tạo mỗi môn học/ mô-đun của ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng đều chỉ rõ khối lượng kiến thức và thời gian, mục tiêu của mỗi mô-đun/môn học và mục tiêu của từng chương, bài: về kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học sau mỗi chương, bài; khối lượng kiến thức và thời gian. Chương trình đào tạo của mỗi môn học/ mô-đun đều có phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học được thể hiện ở Mục V (Nội dung và Phương pháp đánh

giá) bao gồm: (1) Nội dung đánh giá: Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; (2) Phương pháp đánh giá: kiểm tra định kỳ, thi kết thúc môn học/mô-đun

- Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022 có tổng số giờ tín chỉ là 3330 giờ - 132 tín chỉ, gồm có 29 môn học, mô-đun. Khối lượng lý thuyết 1007 giờ (30,24%); khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm 2323 giờ (69,76%) (**2.1.18** - Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2022).

- Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2025 có 3 chuyên sâu đó là Robot công nghiệp và AI (TĐ 01); Hệ thống nhúng và IoT (TĐ 02); Mô-đun đào tạo tiếng Trung Quốc (TĐ 03) với tổng số giờ - tín chỉ là 3051 giờ/107 tín chỉ, gồm có 28 môn học, mô-đun. Khối lượng lý thuyết 963 giờ (31,56%); khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm 2088 giờ (68,44%) (**2.1.19** - Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025”).

- Tất cả các môn học, mô-đun thuộc Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng được thông qua Hội đồng thẩm định chương trình, được đánh giá là *Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* (**2.1.16** - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025).

Để đáp ứng được xu hướng phát triển của xã hội, thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, Nhà trường hàng năm sẽ lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp. Họ đều nhất trí đánh giá *Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* (**1.2.09** - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.10** - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.11** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “*Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi*

của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo” như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá			
				1 (Rất tốt)	2 (Tốt)	3 (Trung bình)	4 (Không tốt)
1	Giáo viên, cán bộ quản lý	2022 ÷ 2023	Số phiếu	17	29	0	0
			Tỷ lệ %	36,96%	63,04%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	19	28	0	0
			Tỷ lệ %	40,43%	59,57%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	21	38	0	0
			Tỷ lệ %	35,59%	64,41%	0%	0%
2	Người học sau tốt nghiệp	2022 ÷ 2023	Số phiếu	8	18	1	0
			Tỷ lệ %	29,63%	66,67%	3,7%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	22	20	1	0
			Tỷ lệ %	51,16%	46,51%	2,33%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	22	20	1	0
			Tỷ lệ %	51,16%	46,51%	2,33%	0%
3	Đơn vị sử dụng lao động	2022 ÷ 2023	Số phiếu	9	7	0	0
			Tỷ lệ %	52,25%	43,75%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	8	8	0	0
			Tỷ lệ %	50%	50%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	6	10	0	0
			Tỷ lệ %	37,5%	62,5%	0%	0%

Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025 được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: *Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được cập nhật và đánh giá theo đúng quy định tại Điều 9 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH về thời gian ít nhất 03 năm 01 lần (Năm 2022, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2019; Năm 2025, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022). Việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung những nội dung trong chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước quy định tại Điều 6, Điều 7 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp sau khi được sửa đổi, cập nhật, bổ sung thành Chương trình đào tạo đã được hoàn thiện, Hội đồng chuyên môn đề xuất Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định ban hành (*Các minh chứng 2.1.03; 2.1.04; 2.1.05; 2.1.06; 2.1.07; 2.1.08; 2.1.09; 2.1.10; 2.1.11; 2.1.12; 2.1.13; 2.1.14; 2.1.15; 2.1.16; 2.1.17; 2.1.18; 2.1.19*).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp về Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp (**1.2.09** - *Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10* - *Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11* - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “*Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương*” như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá			
				1 (Rất tốt)	2 (Tốt)	3 (Trung bình)	4 (Không tốt)
1		2022 ÷ 2023	Số phiếu	16	29	1	0
			Tỷ lệ %	34,78%	63,04%	2,18%	0%

	Giáo viên, cán bộ quản lý	2023 ÷ 2024	Số phiếu	19	28	0	0
			Tỷ lệ %	40,43%	59,57%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	20	39	0	0
			Tỷ lệ %	33,90%	66,10%	0%	0%
2	Người học sau tốt nghiệp	2022 ÷ 2023	Số phiếu	12	15	0	0
			Tỷ lệ %	44,44%	55,56%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	14	29	0	0
			Tỷ lệ %	32,56%	67,44%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	14	29	0	0
			Tỷ lệ %	32,56%	67,44%	0%	0%
3	Đơn vị sử dụng lao động	2022 ÷ 2023	Số phiếu	7	9	0	0
			Tỷ lệ %	43,75%	56,25%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	10	6	0	0
			Tỷ lệ %	62,5%	37,5%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	8	8	0	0
			Tỷ lệ %	50%	50%	0%	0%

Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025 được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình, năm 2019 Nhà trường rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo. Nhà trường đã ban hành nhiều quy trình bổ sung vào hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ bảo đảm chất lượng, trong đó có “Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình, **giáo trình** đào tạo”, quy trình này căn cứ theo Điều 6 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, **(1.1.01— Quyết định số 445/QĐ-CĐCN ngày 23/12/2021 “Ban hành 19 quy trình bổ sung vào hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ bảo đảm chất lượng năm 2021; 1.1.02 — Quyết định số 223/QĐ-CĐCN ngày 27/5/2024 Ban**

hành “Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng”

- Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp (**1.1.03 – Kế hoạch số 12/ KH-CĐCN ngày 22/3/2019 “Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2019”**; Kế hoạch số 15/ KH-CĐCN ngày 28/2/2022 “Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022”).

- Nhà trường đã thành lập Ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025.

+ Danh sách trích ngang Ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022 (Kèm theo quyết định số 395/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập ban rà soát, biên soạn giáo trình các ngành nghề đào tạo năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh) như sau:

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh	Bằng cấp chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Nguyễn Đức Hạnh	P. Trưởng khoa Điện – Điện tử	Trưởng tiểu ban	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	19
2	Nguyễn Văn Khoa	GV khoa Điện – Điện tử	Thư ký	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	9
3	Nguyễn Thị Hiền	GV khoa Điện – Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ Kỹ thuật điện	15
4	Nguyễn Thị Hồng	GV khoa Điện – Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	9
5	Nguyễn Văn Chung	P. GD Công ty TNHH Điện tử Thành Long	Thành viên	Ks Công nghệ Kỹ thuật điện	11

(**2.5.01 – Quyết định số 395/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập ban rà soát, chỉnh sửa giáo trình các ngành nghề đào tạo năm 2022**).

+ Danh sách trích ngang Tổ biên soạn giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2025 (Kèm theo Quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về Thành

lập tổ biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025) như sau:

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh	Bằng cấp chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Ths. Trần Văn Thực	Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng	Thạc sỹ: Kỹ thuật Điện tử	25
2	Ths. Trần Trung Hậu	Trưởng Khoa Điện - Điện tử	Tổ phó - Thường trực	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	20
3	Ths. Nguyễn Đức Hạnh	Phó TK Điện - Điện tử	Thành viên, thư ký	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	22
4	Ths. Nguyễn Đình Vui	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	13
5	Ths. Nguyễn Thị Hồng	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Ks Công nghệ Kỹ thuật điện	13
6	Ths. Nguyễn Thị Thu	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	13
7	Ths. Nguyễn Văn Khoa	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ sư phạm Kỹ thuật điện	13
8	Ths. Nguyễn Thị Sử	GV Khoa Điện - Điện tử	Thành viên	Thạc sỹ Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	20
9	KS. Phạm Công Lượng	Công ty TNHH Khoa	Thành viên	Kỹ sư Tự động hoá	17

		học kỹ thuật Goertek Vina			
10	KS. Nguyễn Văn Chinh	Công Ty TNHH ABB Việt Nam	Thành viên	Kỹ sư Kỹ Thuật điện	15

2.1.07 – Quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025.

- Ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp tuân thủ đúng mục tiêu, nội dung các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức, kỹ năng phải đảm bảo đúng mục tiêu của từng chương, từng bài trong mỗi môn học mô đun. Trình bày ngắn gọn dễ hiểu đảm bảo phù hợp với trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học (**2.1.18 – Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2022; 2.1.19 – Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025”**).

- Ban rà soát, biên soạn giáo trình đã tổ chức họp ban biên soạn giáo trình, phân công các thành viên, tổ chức hội thảo để tiến hành biên soạn giáo trình cho tất cả các môn học, mô đun của giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp

- Ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp tiếp thu trực tiếp các ý kiến đóng góp của Quản lý khoa, các Giảng viên của Khoa Điện – Điện tử trong quá trình rà soát, xây dựng giáo trình đào tạo thông qua các cuộc họp chuyên môn của Khoa về rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo, thông qua các cuộc họp tiểu ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo. (**2.5.02 – Các biên bản họp ban rà soát, biên soạn giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; 2.5.03 – Các biên bản họp ban rà soát, biên soạn giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2025**).

Sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp, tiểu ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng đã hoàn thành “Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng” và tiến hành Hội thảo lấy ý kiến của chuyên gia là giảng viên trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo này (**2.5.04– Giấy mời tham dự Hội thảo góp ý, thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025; 2.5.05 - Phiếu xin ý kiến của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán**

bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025);

- Sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp, tiểu ban biên soạn hợp và tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, khắc phục những tồn tại, thiếu sót để hoàn chỉnh Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp, tiến hành tổ chức thẩm định giáo trình đào tạo này.

Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp:

+ Danh sách trích ngang Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022 (Kèm theo quyết định số 395a/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh) như sau:

TT	Họ tên	Đơn vị/chức vụ	Nhiệm vụ	Chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Vũ Quang Khuê	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	Tiến sĩ khoa học vật liệu	19
2	Lê Trọng Nghĩa	Phó TP Đào tạo	Phó chủ tịch hội đồng	Thạc sĩ kỹ thuật điện tử	15
3	Nguyễn Duy Diễm	Phó TP CTHSSV	Thư ký	Thạc sĩ kỹ thuật điện tử	17
4	Ngô Gia Vịnh	Phó TP QLDN Sở LĐ-TBXH	Ủy viên	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	22
5	Trần Văn Quân	Giám đốc công ty TNHH Nhật Anh	Ủy viên	Kỹ sư Điện tử - Công nghệ thông tin	11
6	Nguyễn Sỹ Tùng	Phó GD Công ty TNHH SymKos	Ủy viên	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện tử	9
7	Đỗ Văn Toàn	Giảng viên Khoa Điện - Điện tử trường Cao đẳng	Ủy viên	Thạc sĩ LL và PP dạy học (Chuyên sâu	13

		công nghiệp Hưng Yên		kỹ thuật điện tử)	
8	Vũ Quang Vịnh	Giảng viên – Phó trưởng phòng đào tạo – Trường cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	Ủy viên	Thạc sĩ kỹ thuật điện tử	17
9	Nguyễn Hữu Thiết	Giảng viên Khoa Cơ khí – Trường cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	Ủy viên	Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí	17

Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022 có Ts.Vũ Quang Khuê - Phó Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Ths. Ngô Gia Vịnh – Phó trưởng phòng Quản lý dạy nghề Sở LĐTB&XH tỉnh Bắc Ninh – Ủy viên (đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp), 03 Giảng viên thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác; 02 đại diện doanh nghiệp (đơn vị sử dụng lao động) (2.5.06 - Quyết định số 395a/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022).

+ Danh sách trích ngang Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2025 (Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025) như sau:

TT	Họ tên	Đơn vị/chức vụ	Nhiệm vụ	Chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Ths. Trần Văn Thực	Phó hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	Kỹ thuật điện tử	25
2	Ths. Nguyễn Văn Mễ	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Hội đồng	Kỹ thuật cơ khí	18
3	Ths. Đỗ Thị Vân	GV Khoa Sư phạm GDNN	Ủy viên -Thư ký	SPKT Điện	20

4	Ths. Ngô Gia Vĩnh	Phó Trưởng phòng Quản lý GDNN	Ủy viên	Quản lý giáo dục	25
5	Th. Bùi Xuân Đoàn	Trưởng Phòng Quan hệ Công chúng	Ủy viên	LL và PP dạy học kỹ thuật điện	20
6	Ths. Vũ Quang Vĩnh	Phó Trưởng khoa Điện tử -Tin học; Trường Cao đẳng CĐXD Bắc Ninh	Ủy viên	Kỹ thuật điện tử	20
7	Ths. Nguyễn Hữu Vụ	GV Trường Cao đẳng công nghiệp Hưng Yên	Ủy viên	KT điều khiển và Tự động hóa	18
8	KS. Nguyễn Sỹ Tùng	Phó tổng Giám đốc Công ty TNHH Symkos	Ủy viên	Tự động hóa	12
9	KS. Trần Thanh Tuấn	Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Goertek Vina	Ủy viên	KT điều khiển và Tự động hóa	16

Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2025 có Ths. Trần Văn Thực - Phó Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng thẩm định; Ths. Nguyễn Văn Mễ - Phó Hiệu trưởng - Phó chủ tịch Hội đồng thẩm định; Ths. Ngô Gia Vĩnh - Phó Trưởng phòng Quản lý GDNN - Ủy viên (đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp), 02 Giảng viên của Nhà trường và 02 Giảng viên thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác; 02 đại diện doanh nghiệp (đơn vị sử dụng lao động) **(2.1.13 - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025).**

Tất cả các ý kiến đóng góp, nhận xét, đánh giá của các phản biện và các thành viên của Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, 2025 đều được đưa vào biên bản trong quá trình thẩm định **(2.5.07 - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025).**

- Có 6 môn học chung căn cứ theo Thông tư 10/2018/TTBLĐTBXH, 11/2018/TT-BLĐTBXH, 12/2018/TT-BLĐTBXH, 13/2018/TTBLĐTBXH, 24/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH quy định về các môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh, Tin học, Giáo dục thể chất, Pháp luật, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng vào chương trình ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng. thì Nhà trường ra quyết định ban hành giáo trình các môn học chung lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, cao đẳng

Sau khi giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua, nghiệm thu. Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp để Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định ban hành giáo trình đào tạo này (**2.5.08** – *Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025; 2.5.09* – *Quyết định số 433a/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 Quyết định ban hành giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ năm 2022; 2.5.10* - *Quyết định số 388/QĐ-CĐCN ngày 03/9/2025 Quyết định ban hành danh mục Giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2025*).

Tất cả các môn học/ mô đun (100%) trong chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp đều có đầy đủ giáo trình đào tạo (**2.5.11** - *Bảng thống kê giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022, năm 2025; 2.5.12* - *Bản in giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022, năm 2025*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp về Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp (**1.2.09** - *Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10* - *Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11* - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “*Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo*” như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát	Mức đánh giá			
			1	2	3	4

				(Rất tốt)	(Tốt)	(Trung bình)	(Không tốt)
1	Giáo viên, cán bộ quản lý	2022 ÷ 2023	Số phiếu	16	29	1	0
			Tỷ lệ %	34,78%	63,04%	2,18%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	19	28	0	0
			Tỷ lệ %	40,43%	59,57%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	20	39	0	0
			Tỷ lệ %	33,90%	66,10%	0%	0%
2	Người học sau tốt nghiệp	2022 ÷ 2023	Số phiếu	12	15	0	0
			Tỷ lệ %	44.44%	55.56%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	14	29	0	0
			Tỷ lệ %	32.56%	67.44%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	14	29	0	0
			Tỷ lệ %	32.56%	67.44%	0%	0%
3	Đơn vị sử dụng lao động	2022 ÷ 2023	Số phiếu	7	9	0	0
			Tỷ lệ %	43,75%	56,25%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	10	6	0	0
			Tỷ lệ %	62,5%	37,5%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	8	8	0	0
			Tỷ lệ %	50%	50%	0%	0%

Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025 được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng chương trình đào tạo cũng như biên soạn giáo trình, các tổ biên soạn bám sát quy định của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông trong đó có ngành/ ngành Tự động hoá công nghiệp.

Giáo trình đào tạo được xây dựng, biên soạn hoặc lựa chọn trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong CTĐT đã xây dựng, đảm bảo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong CTĐT, nội dung trong giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun/môn học trong chương trình đào tạo. Trong từng mô đun có yêu cầu về kiến thức cần nắm được, kỹ năng vận dụng, phương pháp giảng dạy, bài tập liên hệ, bài tập nhóm và hướng dẫn tự học, giúp học sinh vận dụng kiến thức trong bài học được tốt hơn. Giáo trình thuận lợi cho việc dạy học tích hợp, có nội dung dạy học lý thuyết, nội dung dạy học thực hành, và hệ thống bài tập đan xen nhằm đảm bảo chất lượng giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học. Từ đó Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo, tổ chức thẩm định và ban hành toàn bộ giáo trình đào tạo cho các chương trình cao đẳng năm 2022, 2025.

Giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022, 2025 đã *cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo thể hiện qua ý kiến, nhận xét đánh giá của các chuyên gia, giảng viên, phản biện.., thể hiện trong biên bản, hồ sơ của Hội thảo biên soạn giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp, biên bản của Hội đồng thẩm định giáo trình (2.5.05 – Phiếu xin ý kiến của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025; 2.5.07 - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025; 2.5.08 – Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025).*

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp. Các ý kiến đóng góp và đánh giá của họ đều nhất trí đối với *giáo trình đào tạo đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của*

nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025)

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “*cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo*” như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá			
				1 (Rất tốt)	2 (Tốt)	3 (Trung bình)	4 (Không tốt)
1	Giáo viên, cán bộ quản lý	2022 ÷ 2023	Số phiếu	17	28	1	0
			Tỷ lệ %	36,96%	60,87%	2,17%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	19	28	0	0
			Tỷ lệ %	40,43%	59,57%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	22	37	0	0
			Tỷ lệ %	37,29%	62,71%	0%	0%
2	Người học sau tốt nghiệp	2022 ÷ 2023	Số phiếu	7	20	0	0
			Tỷ lệ %	25.93%	74.07%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	13	30	0	0
			Tỷ lệ %	30.23%	69.77%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	13	30	0	0
			Tỷ lệ %	30.23%	69.77%	0%	0%
3	Đơn vị sử dụng lao động	2022 ÷ 2023	Số phiếu	5	11	0	0
			Tỷ lệ %	31.25%	68.75%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	7	9	0	0
			Tỷ lệ %	43.75%	56.25%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	8	8	0	0
			Tỷ lệ %	50%	50%	0%	0%

Toàn bộ giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025 của Nhà trường biên soạn đã *cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.*

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: *Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để chất lượng của giáo trình đảm bảo phù hợp giữa giảng dạy và thực tiễn cũng như phù hợp với sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến của Giảng viên chuyên môn, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, cán bộ quản lý, HSSV sau khi tốt nghiệp, đánh giá về chất lượng giáo trình và mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới về kỹ thuật công nghệ để nhà trường rút kinh nghiệm cho việc biên soạn giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp đảm bảo chất lượng và phù hợp với yêu cầu thực tế, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào giáo trình đào tạo.

Giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo. Khi Nhà trường có kế hoạch rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì đều có kế hoạch để rà soát, cập nhật, chỉnh sửa giáo trình theo chương trình đào tạo. 100% giáo trình của Nhà trường đều được rà soát, cập nhật đúng quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo (2.1.03 - Kế hoạch số 15/ KH-CĐCN ngày 28/2/2022 “Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022”; Kế hoạch số 01/ KH-CĐCN ngày 03/01/2025 “Kế hoạch xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành, nghề năm 2025”; 2.5.01 - Quyết định số 395/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập ban rà soát, chỉnh sửa giáo trình các ngành nghề đào tạo năm 2022; 2.1.07 - Quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025; 2.5.02 - Các biên bản họp ban rà soát, biên soạn giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; 2.5.03 - Các biên bản họp ban rà soát, biên soạn giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2025; 2.5.04 - Giấy mời tham dự Hội thảo góp ý, thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025; 2.5.05 - Phiếu xin ý kiến của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022, năm 2025; 2.5.06 - Quyết định số 395a/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập hội

đồng thẩm định giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022; **2.1.13** - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025; **2.5.07** - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025; **2.5.08** - Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2022; năm 2025; **2.5.09** - Quyết định số 433a/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 Quyết định ban hành giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ năm 2022; **2.5.10** - Quyết định số 388/QĐ-CĐCN ngày 03/9/2025 Quyết định ban hành danh mục Giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2025; **2.5.11** - Bảng thống kê giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022, năm 2025; **2.5.12** - Bản in giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022, năm 2025

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp (**1.2.09** - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.10** - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.11** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo” như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá			
				1 (Rất tốt)	2 (Tốt)	3 (Trung bình)	4 (Không tốt)
1	Giáo viên, cán bộ quản lý	2022 ÷ 2023	Số phiếu	17	28	1	0
			Tỷ lệ %	36,96%	60,87%	2,17%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	19	28	0	0
			Tỷ lệ %	40,43%	59,57%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	22	37	0	0
			Tỷ lệ %	37,29%	62,71%	0%	0%
2		2022 ÷ 2023	Số phiếu	7	20	0	0

	Người học sau tốt nghiệp		Tỷ lệ %	25.93%	74.07%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	13	30	0	0
			Tỷ lệ %	30.23%	69.77%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	13	30	0	0
			Tỷ lệ %	30.23%	69.77%	0%	0%
3	Đơn vị sử dụng lao động	2022 ÷ 2023	Số phiếu	5	11	0	0
			Tỷ lệ %	31.25%	68.75%	0%	0%
		2023 ÷ 2024	Số phiếu	7	9	0	0
			Tỷ lệ %	43.75%	56.25%	0%	0%
		2024 ÷ 2025	Số phiếu	8	8	0	0
			Tỷ lệ %	50%	50%	0%	0%

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo

TC	Tên Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá	Tỷ lệ %
3	Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo	17.5	17.5	100%
3.1	Tiêu chuẩn 3.1. Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2.5	2.5	100%
3.2	Tiêu chuẩn 3.2. Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2.5	2.5	100%
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	2.5	2.5	100%

3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	2.5	2.5	100%
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2.5	2.5	100%
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2.5	2.5	100%
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2.5	2.5	100%

Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm đánh giá
Tiêu chí 3	17,5 (Mười bảy phẩy năm điểm)
<i>Tiêu chuẩn 3.1</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.2</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.3</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.4</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.5</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.6</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.7</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>

** Các điểm mạnh:*

Trong những năm qua, với sự nỗ lực rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên nhà trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã ngày càng khởi sắc trên tất cả các phương diện. Trong đó, khoa Điện - Điện tử đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao thể hiện ở các mặt:

- Kết quả tuyển sinh nhiều năm từ 2023-2025 đều đạt từ 100% trở lên so với kế hoạch đề ra. Thực hiện đúng các quy định về công tác tuyển sinh, xét tuyển.

- Trường và khoa đã xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo hợp lý khoa học, chương trình giáo trình đầy đủ được cập nhật và điều chỉnh hàng năm. Trong giảng dạy nghề Tự động hóa công nghiệp, giáo viên đã sử dụng nhiều phương pháp, nhiều phần mềm ứng dụng, video mô phỏng phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học.

- Công tác phối hợp với doanh nghiệp được Trường và khoa chuyên môn chú trọng. Sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp được thực tập, thực hành ở nhiều doanh nghiệp khác nhau, nội dung thực tập, thực hành phù hợp với chuyên môn nghề. Đặc biệt, đã phối hợp với doanh nghiệp để sản xuất ra sản phẩm ngay tại xưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và sinh viên được tiếp cận môi trường doanh nghiệp trong suốt thời gian đào tạo.

- Thực hiện công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đúng quy chế, nghiêm túc, công khai. Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp kịp thời tạo điều kiện cho người học, hồ sơ được lưu trữ đầy đủ.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hiệu quả. Trường khoa có kế hoạch kiểm tra nội bộ đã góp phần kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. Nhà trường có tổ thanh kiểm tra công tác đào tạo, luôn thực hiện kiểm tra đột xuất, kiểm tra có kế hoạch..

** Những tồn tại:*

Không

** Các điểm cần cải thiện:*

- Mặc dù Trường và khoa chuyên môn đã rất cố gắng chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, đội ngũ, chương trình, giáo trình nhưng hiệu quả chưa tương xứng.

- Cần chú trọng nâng cao các kỹ năng cho sinh viên, cập nhật thêm các tài liệu, các phần mềm mà Trường chưa có và các doanh nghiệp đang sử dụng.

- Cần có chiến lược mở rộng quy mô các ngành nghề, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và có chính sách để thu hút giảng viên có kinh nghiệm và trình độ tham gia giảng dạy.

Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện công tác đào tạo trên cơ sở đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, giáo trình và các điều kiện khác để tổ chức giảng dạy và học tập. Trường đã đăng ký và Tổng cục GDNN cấp giấy phép đào tạo với tổng số 08 nghề cao đẳng trong đó có nghề Tự động hóa công nghiệp với quy mô 30 sinh viên hệ cao đẳng, 18 trung cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (3.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 175/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 23/6/2017, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 175a/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 25/8/2017). Hàng năm nhà trường căn cứ vào Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019; Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động TB&XH, Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trên cơ sở đó, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển trình độ trung cấp, cao đẳng với đầy đủ các thông tin về đối tượng áp dụng, thời gian, hình thức tuyển sinh, nội dung, hồ sơ, tổ chức thực hiện. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các quy định và Giấy chứng nhận đăng ký GDNN được cấp, các chính sách ưu tiên được thể hiện rõ. Trong đó nghề Tự động hóa công nghiệp với chỉ tiêu 3 năm 2023, 2024, 2025 trên 80 sinh viên (3.1.02 - Các Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp, cao đẳng hàng năm).

Năm 2023, 2024, 2025 chỉ tiêu nghề Tự động hóa công nghiệp hiện nhà trường đang tuyển sinh theo kế hoạch (3.1.03 - Kế hoạch tuyển sinh của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh hàng năm).

Bảng tổng hợp kế hoạch và kết quả tuyển sinh:

TT	Năm học	Kế hoạch tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh	Tỷ lệ kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*100/(3)	
1	2022-2023	40	71	177,5%	Khóa 13
2	2023-2024	90	148	164,4%	Khóa 14
3	2024-2025	120	206	171,6%	Khóa 15
4	2025-2026	200	306	153%	Khóa 16

Hàng năm, trên cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh, nhà trường đã ra thông báo tuyển sinh và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như tại

trang Website của trường www.bci.edu.vn, mã QR code để tuyển sinh online, treo các banzon tại cổng trường, tại các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và trên đài, báo Bắc Ninh, trong các chương trình tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm của trường trong đó có nghề Tự động hóa công nghiệp được chú trọng tuyên truyền đào tạo chất lượng cao (**3.1.04** - *Thông báo tuyển sinh hàng năm*; **3.1.05**- *Hình ảnh banzon, mã QR code dùng cho công tác tuyển sinh*).

Các năm 2023, 2024, 2025 Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh với thành phần đúng quy định, thành lập Ban thư ký hội đồng làm chức năng tham mưu tổ chức xét tuyển theo đúng các quy chế tuyển sinh tùy theo ngành, nghề. Trình độ có điều kiện xét tuyển khác nhau, sau khi xét tuyển có bộ phận thanh kiểm tra lại kết quả tuyển sinh để đảm bảo học sinh, sinh viên trúng tuyển đáp ứng các yêu cầu của ngành, nghề theo học trong đó có nghề Tự động hóa công nghiệp dựa trên kết quả thi hoặc tổng kết 3 môn (Toán, Lý, Hóa) (**3.1.06**-*Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm*; *Quyết định thành lập Ban thư ký và tư vấn tuyển sinh hàng năm*).

Tại Trường, phòng Quan hệ công chúng được giao nhiệm vụ thu nhận hồ sơ dự tuyển của HSSV bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, hồ sơ gửi qua bưu điện, tổng hợp hồ sơ chuyển cho Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo từng đợt trong năm. Kết quả xét duyệt được thông báo rộng rãi và niêm yết công khai tại trường (**3.1.07** - *Hồ sơ đăng ký xét tuyển hàng năm* ; **3.1.08** - *Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm* ; **3.1.09** - *Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển hàng năm*).

Sau khi có kết quả phê duyệt trúng tuyển, Trường xác định thời điểm nhập học và gửi giấy báo kết quả trúng tuyển, dự kiến thời gian nhập học, các hồ sơ cần hoàn thiện, người học có thể nhận giấy báo trực tiếp tại trường các trường hợp ở xa nhà, trường gửi qua đường bưu điện đồng thời gọi điện thông báo tới người học.

Căn cứ vào danh sách trúng tuyển các ngành nghề, phòng Đào tạo biên chế các lớp học đảm bảo số lượng theo quy định, cụ thể nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng kết quả tuyển sinh và biên chế các lớp qua các năm 2023, 2024, 2025 kết quả đều đạt trên 70% chỉ tiêu (**3.1.10** - *Các Quyết định biên chế các lớp tuyển sinh hàng năm*).

Hàng năm nhà trường đều có các Báo cáo đánh giá về công tác tuyển sinh, trong đó đã nêu cụ thể số sinh viên các nghề tuyển được so với kế hoạch, đánh giá được những khó khăn, tồn tại trên cơ sở đó đề ra phương hướng, giải pháp cho các năm tiếp theo. Báo cáo tuyển sinh năm 2021, phương án tuyển sinh năm 2022 ngày 25/11/2021; Báo cáo tuyển sinh năm 2022, phương án tuyển sinh năm 2023, Báo cáo tuyển sinh năm 2023, phương án tuyển sinh năm 2024; Báo cáo tuyển sinh năm 2024, phương án tuyển sinh năm 2025 các Báo cáo được gửi về Sở Lao động TB&XH tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục

GDNN tổng hợp theo quy định **(3.1.11 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026)**.

Để công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy chế tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường đã thành lập Ban thanh kiểm tra công tác tuyển sinh: **(3.1.12 – Quyết định thành lập ban thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025)**; tại các biên bản kiểm tra các năm không có các trường hợp vi phạm quy chế tuyển sinh, việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với quy mô và kế hoạch được giao, không có các khiếu nại, tố cáo sai phạm về công tác tuyển sinh **(3.1.13 - Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025)**.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện quản lý công tác đào tạo đúng quy định theo Thông tư số 23/2018/TT – BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động TB&XH nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về việc quản lý, sử dụng hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại Quyết định số 38/QĐ-CĐCN ngày 25/3/2019 trong đó quy định đầy đủ về kế hoạch, tiến độ đào tạo, kế hoạch giáo viên cũng như hồ sơ, sổ sách của giáo viên. **(3.2.01 - Quyết định số 38/QĐ-CĐCN ngày 25/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc quản lý, sử dụng hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng)**.

Hàng năm phòng Đào tạo chủ trì phối hợp cùng các khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo cho chung toàn trường trong đó có nghề Tự động hóa công nghiệp đã được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt **(3.2.02 - Kế hoạch đào tạo khóa học 2023-2026, 2024-2027, 2025-2028; 3.2.03 - Tiến độ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026)** sau khi có kế hoạch và tiến độ Khoa căn cứ vào chuyên môn, nhiệm vụ của từng giáo viên. Khoa xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ, 22 giáo viên tham gia giảng dạy thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy và tiến độ giảng dạy đúng theo thời khóa biểu đã được Ban Giám hiệu ký duyệt **(3.2.04 - Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.2.05 - Thời khóa biểu theo tuần học của năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026)**. Riêng năm 2022 do tình hình dịch Covid-19 vẫn còn, Trường đã điều chỉnh tiến độ đào tạo vào thời gian hè, thay đổi học theo hình thức học lý thuyết online, điều chỉnh kế hoạch học tập đối với

các lớp đang học mô đun **(3.2.06 - Các Thông báo điều chỉnh tiến độ đào tạo năm học do dịch Covid-19)**

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế **(3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế)**; Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun **(3.2.08- Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 30/7/2019; Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun; Quyết định số 233/QĐ-CĐCN ngày 17/5/2023, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun kèm theo Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/08/2022; Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-CĐCN, ngày 06/02/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun).**

Các năm học 2022 đến 2025 trường thực hiện đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun áp dụng cho toàn bộ các lớp nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng. Kế hoạch đào tạo được xây dựng theo từng khóa nhập học, tiến độ đào tạo được xây dựng theo từng năm học cho các lớp. Kế hoạch và tiến độ thể hiện nội dung đào tạo theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch và tiến độ các lớp nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng có mặt trong 3 năm tính tới thời điểm đánh giá (tháng 12/2025) như sau:

- Năm học 2022 - 2023: Tổng số 10 lớp các khóa 11, 12, 13;
- Năm học 2023 - 2024: Tổng số 15 lớp các khóa 12, 13, 14.
- Năm học 2024 - 2025: Tổng số 18 lớp các khóa 13, 14, 15.
- Năm học 2025 - 2026: Tổng số 24 lớp các khóa 14, 15, 16

Giáo viên tham gia giảng dạy nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng có đầy đủ hồ sơ, giáo án, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp. Các hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, rõ ràng đúng quy định **(3.2.09-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề Tự động hóa công nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.10 - Các Biên bản dự giờ ngày năm 2024, 2025, 2025).**

Khoa ký duyệt hồ sơ, giáo án cho giáo viên trước khi lên lớp, tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất đối với giáo viên trong khoa; Trường hàng năm thành lập các tổ

thanh kiểm tra đào tạo và để nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã thành lập Tổ khảo thí và đảm bảo chất lượng trực thuộc phòng Đào tạo tại Quyết định số 96/QĐ-CĐCN ngày 23/3/2022 **(3.3.11 - Quyết định thành lập tổ thanh kiểm tra đào tạo, khảo thí BDBCL hàng năm)**.

Thực hiện các quyết định, hàng năm các tổ thanh kiểm tra đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch **(3.3.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo hàng năm)**. Đã kiểm tra khoa Điện - Điện tử và đã đánh giá việc tổ chức giảng dạy đúng kế hoạch, tiến độ, hồ sơ đầy đủ, cấp phát vật tư đầy đủ theo quy định. Kết quả kiểm tra chi tiết đối với giáo viên được thể hiện đầy đủ trong các Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy - học và Báo cáo Kết quả kiểm tra đào tạo của ngành CNTT.

Qua công tác kiểm tra, dự giờ đã giúp cho khoa và nhà trường chủ động điều chỉnh kế hoạch, tiến độ phù hợp, đảm bảo chất lượng nâng cao ý thức giáo viên, đảm bảo chất lượng đào tạo, hiệu quả **(3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2023, 2024, 2025 và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học 2023, 2024, 2025)**.

- Năm học 2022-2023 có 4,5% giáo án của giảng viên một số chưa ghi chi tiết các hoạt động dạy và học; 4,5% số giáo án ghi phần rút kinh nghiệm sơ sài; 8% sau khi kết thúc MH/MĐ GV vào điểm sổ lên lớp muộn; 4,8% sinh viên không mặc đầy đủ bảo hộ lao động; 7% sinh viên đi học muộn và nghỉ không lý do, 3% lớp học chưa thực hiện tốt công tác 5S trong các giờ học.

- Năm học 2023-2024: theo thống kê đến thời điểm kiểm tra: vẫn còn có 5% giáo án của giảng viên một số chưa ghi chi tiết các hoạt động dạy và học; 6% số giáo án ghi phần rút kinh nghiệm sơ sài; 9% sau khi kết thúc MH/MĐ GV vào điểm sổ lên lớp muộn; 15% sinh viên không mặc đầy đủ bảo hộ lao động (do chưa phát kịp thời trang phục bảo hộ); 10% sinh viên đi học muộn và nghỉ không lý do, 4% lớp học chưa thực hiện tốt công tác 5S trong các giờ học (Chủ yếu rơi vào các lớp khóa mới khi chưa ổn định, đầu năm học).

- Năm học 2024-2025 (năm học đầu tiên áp dụng sử dụng Hồ sơ giảng dạy điện tử): theo thống kê đến thời điểm kiểm tra: vẫn còn có 8% giáo án của giảng viên một số chưa ghi chi tiết các hoạt động dạy và học; 10% số giáo án ghi phần rút kinh nghiệm sơ sài; 15% sau khi kết thúc MH/MĐ GV vào điểm sổ lên lớp muộn; 17% sinh viên không mặc đầy đủ bảo hộ lao động (do chưa phát kịp thời trang phục bảo hộ); 10% sinh viên đi học muộn và nghỉ không lý do, 5% lớp học chưa thực hiện tốt công tác 5S trong các giờ học (Chủ yếu rơi vào các lớp khóa mới khi chưa ổn định, đầu năm học). Áp dụng giáo án điện tử - Phần ghi chép của giảng viên hạn chế hơn.

- Tính đến tháng 3 năm học 2025-2026 – Áp dụng Hồ sơ giảng viên điện tử: theo thống kê chưa tạm thời đến thời điểm kiểm tra: vẫn còn có 7% giáo án của giảng viên một số chưa ghi chi tiết các hoạt động dạy và học; 5% số giáo án ghi phần rút kinh nghiệm sơ sài; 10% sau khi kết thúc MH/MĐ GV vào điểm sổ lên lớp muộn; 12% sinh viên không mặc đầy đủ bảo hộ lao động (do chưa phát kịp thời trang phục bảo hộ); 15% sinh viên đi học muộn và nghỉ không lý do, 5% lớp học chưa thực hiện tốt công tác 5S trong các giờ học (Chủ yếu rơi vào các lớp khóa mới khi chưa ổn định, đầu năm học).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, phòng Đào tạo chủ trì phối hợp cùng các khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo cho chung toàn trường được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt (**3.2.02 - Kế hoạch đào tạo các khóa học ; 3.2.03 - Tiến độ giảng dạy các năm học**) sau khi có kế hoạch và tiến độ Khoa căn cứ vào chuyên môn, nhiệm vụ của từng giáo viên mà xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ. Thời khóa biểu hàng tuần được lập và lưu trữ tại khoa - phòng Đào tạo. Giáo viên tham gia giảng dạy đúng theo thời khóa biểu đã được lãnh đạo nhà trường ký duyệt (**3.2.04 -Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học; 3.2.05 - Thời khóa biểu theo tuần học của năm học**).

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (**3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế**); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (**3.2.08- Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun**).

Chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp của trường được ban hành: (**3.3.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo**).

- Năm 2019 theo Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 26, 128 tín chỉ trong chương trình. Đã thể

hiện rõ mỗi môn học, mô đun đều có hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập của các môn học, mô đun, các phương pháp dạy học kết hợp trang bị kiến thức chuyên môn với thực hành tay nghề cuối khóa. Sinh viên có mô đun Đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp để phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học.

- Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Tự động hóa công nghiệp tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 26, 136 tín chỉ.

- Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Tự động hóa công nghiệp tại Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 29, 120 tín chỉ. Chương trình được điều chỉnh bổ sung và đưa vào các mô đun chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho người học giúp người học có nhiều lựa chọn khi tham gia đào tạo chuyên ngành.

Tổ thanh, kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất bằng nhiều phương pháp như giám sát giờ dạy và học theo thời khóa biểu, dự giờ, kiểm tra hồ sơ giáo viên... Ngoài ra khoa Điện - Điện tử hàng năm xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch dự giờ tại các biên bản dự giờ, phiếu đánh giá giờ giảng và báo cáo kết quả dự giờ của khoa cũng cho thấy: các giáo viên có đầy đủ hồ sơ giáo án, sổ lên lớp... giáo viên đã sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với các môn học, mô đun có sự kết hợp giữa trang bị kiến thức với kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp phát huy tích tích cực của sinh viên như mô phỏng, chia nhóm thực hành, thảo luận nhóm, làm bài tập thực hành (**3.3.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo hàng năm; 3.3.02 - Biên bản dự giờ các môn học của khoa hàng năm; 3.3.03 - Các phiếu đánh giá giờ giảng các năm học hàng năm; 3.3.04 - Báo cáo kết quả dự giờ, kế hoạch khắc phục khoa hàng năm; 3.2.09 - Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề Tự động hóa công nghiệp các năm học**)

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, hội nhập khu vực và thế giới, hàng năm nhà trường đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học... để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học (**3.3.05 - Danh sách các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, Hệ thống các TV thông minh -Smart TV...**). Đối với nghề Tự động hóa công nghiệp nhà trường đã đầu tư mua các phần mềm và ban hành quy định sử dụng tại các *Quyết định số 30/QĐ-CĐCN ngày 28/01/2019; Quyết định số 50/QĐ-CĐCN ngày 29/01/2020* hiện đang sử dụng 05 phần mềm chuyên dụng

và các video mô tả để giảng dạy. Các phần mềm được các giáo viên sử dụng hiệu quả (3.3.06 - Phần mềm Matlab; ZEN-SOFT01-V4.11; CX-Programmer; Phần mềm MultiSIM; Phần mềm Eagle; Proteus, Eplan; Tia Portal V14; Các video mô tả quá trình hoạt động của máy ...).

Đối với chương trình đào tạo năm 2022 đến nay

Bảng thống kê các phần mềm ứng dụng trong đào tạo các môn học mô đun thuộc chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp ban hành năm 2022 như sau:

TT	Tên môn học, mô đun chuyên ngành	Tên các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy
1	An toàn lao động	Microsoft office, LMS
2	Kỹ thuật điện	Eplan, Microsoft office
3	Đo lường Điện - Điện tử	Microsoft office, LMS
4	Thiết kế mạch điện	Eplan, Microsoft office, Protues
5	Máy điện	Microsoft office, LMS
6	Điện tử cơ bản	Protues, Microsoft office
7	Sử dụng dụng cụ cầm tay	Microsoft office, LMS
8	Trang bị điện	CADe – Simu, Eplan, Microsoft office
9	Kỹ thuật cảm biến	Microsoft office, LMS
10	Điện tử công suất	Proteus, Microsoft office
11	Lý thuyết điều khiển khiển tự động	Labview, Matlab & Simulink, Microsoft office
12	Điều khiển điện khí nén- thủy lực	Festo Fluidsim, Microsoft office, LMS
13	Vì điều khiển	Cube MX, Keil C, Microsoft office
14	Điều khiển lập trình PLC	TIA Portal, GX Works 2, GX Works 3, Microsoft office, Microsoft office
15	Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	LOGO Soft, ZEN Soft, Microsoft office, LMS
16	Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động	TIA Portal
17	Mạng truyền thông công nghiệp	TIA Portal
18	Thiết bị iot 4.0 trong hệ thống Tự động hóa công nghiệp	TIA Portal, V-box Access, Microsoft office
19	Robot công nghiệp	TIA Portal

20	Lắp đặt bảo dưỡng hệ thống cơ điện tử	LOGO Soft, ZEN Soft, Microsoft office
21	Thiết kế lắp đặt hệ thống Smart Home	Ewelink, Rangdong Smart, Phillips Hue, Broadlink, Google Home, Microsoft office
22	Thực tập tốt nghiệp	Microsoft office
23	Đồ án tốt nghiệp	Microsoft office

- Số phần mềm được đưa vào phục vụ đào tạo: 21 phần mềm;

- Số môn học, mô đun chuyên môn nghề đã thực hiện ứng dụng phần mềm trong đào tạo: 21/23 môn học, mô đun (91,3%); Nếu không tính mô đun thực tập tốt nghiệp, tỉ lệ các môn học, mô đun ứng dụng phần mềm mô phỏng đạt 100%

Ngoài các phần mềm được trang bị riêng còn có các phần mềm dùng chung với nhà trường như Phần mềm quản lý đào tạo, Thư viện số (3.3.07 - Phần mềm quản lý và lưu trữ dữ liệu đào tạo - <https://bci.dtsoft.edu.vn/auth/login> ; Phần mềm quản lý thư viện, Thư viện số - <http://thuvienso.bci.edu.vn/>). Thư viện số đầy đủ chương trình, giáo trình nghề Tự động hóa công nghiệp được kết nối với trang Web của trường tại địa chỉ <https://bci.edu.vn>; 3.3.08 - Báo cáo các phần mềm sử dụng trong công tác đào tạo). Đã phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động và khả năng làm việc độc lập của người học cũng như tổ chức làm việc theo nhóm, phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tế. Ứng dụng các phần mềm trong dạy và học tỉ lệ đánh giá tốt và rất tốt các năm khảo sát đều đạt từ 90% trở lên còn lại là trung bình (3.3.09 - Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát các năm 2023, 2024, 2025).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện chương trình đào tạo đối với các mô đun đi thực tập tại doanh nghiệp để học sinh nâng cao trình độ kỹ năng nghề, đáp ứng chuẩn đầu ra cũng như đáp ứng các yêu cầu của nguồn nhân lực chất lượng cao. Hàng năm, nhà trường đã phối hợp với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi thực tập (3.4.01- Các doanh nghiệp nhận SV thực tập: Công ty TNHH Drem teck, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Samsung Việt Nam; Công ty điện tử Samsung Việt Nam, Công ty TNHH Sanwa Việt Nam, , Tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng Hải, Công ty TNHH ABB, Công ty TNHH Goertek Vina, Công ty TNHH Điện tử LG Hải Phòng;)

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo cụ thể của các lớp, hợp đồng với các doanh nghiệp phòng Đào tạo lập kế hoạch đưa các lớp đi thực tập tại doanh nghiệp gồm các nội dung lớp, địa điểm, thời gian thực tập, yêu cầu nội dung viết báo cáo thực tập (**3.4.02** - *Kế hoạch thực tập hàng năm*; **3.2.02** - *Kế hoạch đào tạo khóa học 2022-2025; 2023-2026, 2024-2027, 2025-2028.*; **3.2.03** - *Tiến độ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trên cơ sở các kế hoạch được lập, phòng Đào tạo lập các Quyết định trình lãnh đạo nhà trường ký phê duyệt đi thực tập tại các doanh nghiệp, thời gian thực tập hệ cao đẳng trên 800 giờ như tại các Quyết định cử sinh viên các lớp cao đẳng Tự động hóa công nghiệp (**3.4.03** - *Các quyết định cử sinh viên lớp Tự động hóa công nghiệp đi thực tập sản xuất tại các cơ sở hàng năm*).

Để quá trình thực tập của sinh viên hiệu quả kịp thời trao đổi các nội dung phát sinh, đồng thời giáo viên cũng được tiếp cận với những công nghệ mới tại các doanh nghiệp. Nhà trường đã cử các giáo viên tham gia quản lý, hướng dẫn sinh viên viết báo cáo thực tập (**3.4.04** - *Các quyết định cử giáo viên quản lý hướng dẫn sinh viên đi thực tập sản xuất tại các cơ sở hàng năm*).

Kết thúc đợt thực tập, mỗi sinh viên có phiếu nhận xét của doanh nghiệp nơi đến thực tập, đánh giá kết quả học tập với 4 nội dung chính và thang điểm đánh giá là thang điểm 10 được các đơn vị thực tập xác nhận và báo cáo kết quả thực tập (**3.4.05** - *Mẫu đề cương báo cáo thực tập*; **3.4.06** - *Báo cáo thực tập sản xuất của học sinh tại các cơ sở có nhận xét của cơ sở tiếp nhận năm 2021,2022*; **3.4.07** - *Danh sách sinh viên đã được thực hành/Thực tập tại đơn vị sử dụng lao động*; **3.4.08** - *Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp*; **3.4.09** - *Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động*). Kết quả thực tập được cựu sinh viên, nhà tuyển dụng đánh giá rất cao kỹ năng, tay nghề của sinh viên các lớp cao đẳng Tự động hóa công nghiệp đã đến doanh nghiệp thực tập. Với tỷ lệ 100% sinh viên được đi thực tập tại các doanh nghiệp, nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Đánh giá Tiêu chuẩn 3.4: Đạt

Tiêu chuẩn 3.5: *Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường căn cứ các Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ

cao đẳng theo niên chế **(3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế)**; Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun **(3.2.08- Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun)**.

Chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp của trường được ban hành tại Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 35, 129 tín chỉ. Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Tự động hóa công nghiệp tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023. Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Tự động hóa công nghiệp tại Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 **(3.3.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo)**.

Căn cứ Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017, Trường đã xây dựng và ban hành quy trình in quản lý, sử dụng, mẫu văn bằng chứng chỉ tại các Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019 Quy định mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, phôi chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo của trường; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng **(3.5.01 - Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, Quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019 Quy định mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, phôi chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo của trường CĐCN Bắc Ninh; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng)**.

Trường tổ chức kiểm tra kết thúc mô học mô đun các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và thực hành, việc quản lý các đề thi được giao cho phòng Đào tạo quản lý và giám sát quá trình tổ chức thi kiểm tra, khoa tổ chức coi, chấm thi. qua khảo sát minh chứng và các bài thi nhận thấy việc tổ chức thi kiểm tra đúng theo kế hoạch,

thời khóa biểu đã lập (3.5.02 - Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học, mô đun các năm học; Bài thi và phiếu chấm thi kết thúc môn học, mô đun các lớp).

Đối với xét tốt nghiệp, Trường lập kế hoạch chi tiết về thời gian, địa điểm như: và tổ chức xét tốt nghiệp các khóa theo đúng các kế hoạch đề ra (3.5.03 - Kế hoạch tổ chức xét tốt nghiệp hàng năm; 3.5.04 - Các Quyết định ban hành và Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện HSSV; Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV; Biên bản họp lớp; BB họp Hội đồng đánh giá; Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện HSSV các lớp). Trên cơ sở các kế hoạch Trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, Ban thư ký Hội đồng xét tốt nghiệp, thành lập các Hội đồng đánh giá ĐA/KLTN. Hội đồng xét tốt nghiệp chỉ đạo việc tổ chức xét tốt nghiệp theo đúng quy chế, lập danh sách xét điều kiện tốt nghiệp, tổ chức xét tốt nghiệp theo đúng các quy định (3.5.05 - Hồ sơ xét tốt nghiệp hàng năm học; Hồ sơ Bảo vệ ĐA/KLTN hàng năm học).

Sau khi tổ chức xét kết quả học tập, rèn luyện và các điều kiện trên cơ sở các biên bản xét và theo đề nghị của Hội đồng. Nhà trường ra Quyết định công nhận kết quả và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên, tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho các em sinh viên kết hợp với giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh (3.5.06 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp). (3.5.07 - Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023; Biên bản họp xét đủ điều kiện tốt nghiệp; Bảng tổng hợp kết quả học tập từng học kỳ, năm học, khoá học và các biên bản họp xét kết quả học kỳ;).

Để giám sát quá trình kiểm tra kết thúc môn học mô đun, tổ chức thi tốt nghiệp các kỳ thi Trường có các quyết định thành lập tổ thanh tra công tác đào tạo, thành lập Ban giám sát thi tốt nghiệp và giám sát thi tốt nghiệp các kỳ thi tốt nghiệp diễn ra an toàn đúng quy định, trong các kỳ thi các năm qua không để xảy ra các vi phạm về quy chế thi, kiểm tra (3.5.08 - Quyết định 184/QĐ-CĐCN ngày 30/10/2017 Quy định về công tác kiểm tra giám sát của trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh; 3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các hàng năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học).

Việc cấp phát văn bằng được thực hiện theo đúng các Quy chế nhà trường đã ban hành tại các Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, đảm bảo công tác lưu trữ theo đúng quy định, thực hiện công tác kiểm tra tình hình quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ (3.5.09 - Sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp). Hàng năm Trường thực hiện công tác báo cáo về tình hình cấp phát văn bằng chứng chỉ hàng năm như Báo cáo số 22/CĐCN-ĐT ngày 19/2/2020; Báo cáo số 11/CĐCN-ĐT

ngày 3/2/2021... gửi Sở Lao động TB& XH tỉnh Bắc Ninh theo quy định (3.5.10 - Báo cáo tình hình thực hiện in phôi, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp bản chính, bản sao hàng năm).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường tổ chức kiểm tra kết thúc mô học mô đun các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và thực hành, việc quản lý các đề thi được giao cho phòng Đào tạo quản lý và giám sát quá trình tổ chức thi kiểm tra, khoa tổ chức coi, chấm thi. qua khảo sát minh chứng và các bài thi nhận thấy việc tổ chức thi kiểm tra đúng theo kế hoạch, thời khóa biểu đã lập (3.5.02 - Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học, mô đun các năm học; Bài thi và phiếu chấm thi kết thúc môn học, mô đun các lớp).

Trường căn cứ các Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (3.2.08- Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun). Kèm theo các Quy chế này là các bản hướng dẫn tổ chức thi kiểm tra phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu dạy học. (3.6.01 – Các Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của ngành Tự động hóa công nghiệp).

Chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp của trường được ban hành tại Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 35, 129 tín chỉ. Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Tự động hóa công nghiệp tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023. Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Tự động hóa công nghiệp tại Quyết định số 263/QĐ-

CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 (**3.3.01** - *Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo*). Trong Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo nêu rất rõ phương pháp kiểm tra đánh giá, thời gian thực hiện kiểm tra đánh giá (Thi tự luận, Thi trắc nghiệm, Thi Thực hành, bài tập lớn, bài tập dự án... Đồ án tốt nghiệp dạng báo cáo ...). Các bài thi của ngành Tự động hóa công nghiệp được tích hợp rất nhiều trên hệ thống máy tính theo đặc thù của ngành.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: *Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình thực hiện hoạt động dạy và học, Nhà Trường đã có nhiều hình thức kiểm tra. Khoa đã chủ động kiểm tra, ký duyệt hồ sơ, giáo án cho giáo viên trước khi lên lớp, tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất đối với giáo viên trong khoa; Trường thành lập các tổ thanh kiểm tra đào tạo; Tổ khảo thí và đảm bảo chất lượng trực thuộc phòng Đào tạo tại Quyết định số 96/QĐ-CĐCN ngày 23/3/2022 (**3.3.11** – *Các Quyết định số thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo hàng năm*).

Thực hiện các quyết định, hàng năm các tổ thanh kiểm tra đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch (**3.3.12**- *Kế hoạch kiểm tra đào tạo các năm học*).

Kết quả kiểm tra chi tiết đối với giáo viên được lập báo cáo kiểm tra khoa đầy đủ, về cơ bản qua công tác kiểm tra đều đánh giá việc tổ chức giảng dạy đúng kế hoạch, tiến độ, hồ sơ đầy đủ, cấp phát vật tư đầy đủ theo quy định. Công tác kiểm tra giám sát, đã đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng ngành nghề nói chung, ngành Tự động hóa công nghiệp nói riêng (**3.3.13** - *Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học*).

Kết quả kiểm tra được ghi trong các biên bản, được nêu trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng của Khoa và Trường để kịp thời khắc phục và điều chỉnh, đưa ra các giải pháp khắc phục tại các báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm, báo cáo tổng kết năm học như tại các Báo cáo số 39/BC-CĐCN ngày 12/12/2019; Báo cáo số 27/BC-CĐCN ngày 11/12/2020; Báo cáo số 51/BC-CĐCN ngày 14/12/2021... Trên cơ sở đó các khoa chuyên môn lập các kế hoạch khắc phục và điều chỉnh cho phù hợp như điều chỉnh về hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo kép, đào tạo song hành, bố trí nhiều thời gian

cho sinh viên các lớp Tự động hóa công nghiệp đi thực tập tại doanh nghiệp (**3.7.01 - Các Biên bản dự giờ, thanh kiểm tra đào tạo hàng năm; 3.7.02 - Báo cáo GDNN hàng năm; 3.7.03 - Sổ giao ban công tác hàng tháng; 3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học**).

Hàng năm, Trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và người học về nâng cao chất lượng đào tạo. Thể hiện ở các biên bản họp khoa, văn bản đề nghị và các *Báo cáo kết quả khảo sát đối với giáo viên và sinh viên như Báo cáo số 11/BC-CĐCN ngày 06/07/2020; Báo cáo số 28/BC-CĐCN ngày 08/07/2021; Báo cáo số 24/BC-CĐCN, ngày 20/06/2022...* với 24 nội dung được khảo sát cụ thể trong đó nội dung khảo sát tại chỉ số 14: Sự hài lòng chất lượng giáo dục dịch vụ, nội dung 45: Chương trình đào tạo phù hợp, sát thực tiễn, đáp ứng nhu cầu người học, số khảo sát rất tốt năm 2021 là 33,3%, tốt là 62,5%, năm 2023 đã tăng rất tốt là 52,5%, tốt là 44,1%. Tại nội dung 46: Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, số khảo sát rất tốt năm 2021 là 22,9%, tốt là 72,9% , năm 2024 đã tăng rất tốt là 52,5%, tốt là 44,9% bình (**3.7.04 - Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát các năm 2023, 2024, 2025; 3.6.05 - Biên bản đóng góp ý kiến của Phòng Khoa về công tác thi kiểm tra, rèn luyện**) qua đó chứng tỏ rằng Trường qua công tác thanh, kiểm tra đã sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất được thể hiện qua kết quả thanh kiểm tra hoạt động dạy và học hành năm, cụ thể: Kết quả kiểm tra công tác giảng dạy nghề Tự động hóa công nghiệp cho thấy đa phần các giảng viên thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ và thời khóa biểu; Còn một số ít GV cập nhật các thông tin trên sổ tay giáo viên, sổ lên lớp và giáo án chưa đúng quy định...

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
-----------	--	-------------------	---

4	Tiêu chí 4 - Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	16/16 (100%)	Đạt
4.1	Tiêu chuẩn 1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2.5	Đạt
4.2	Tiêu chuẩn 2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2.5	Đạt
4.3	Tiêu chuẩn 3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	2.5	Đạt
4.4	Tiêu chuẩn 4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	2.5	Đạt
4.5	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây	2.5	Đạt

	dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.		
4.6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích đề cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	2.5	Đạt

Đảng uỷ, Ban giám hiệu (BGH) trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn xác định đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Nghề Tự động hóa công nghiệp (TĐHCN) là một trong những ngành nghề trọng điểm được nhà trường đặc biệt quan tâm chú trọng về mọi mặt trong đó có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của đơn vị, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giáo viên nghề Tự động hóa công nghiệp theo hướng đảm bảo về số lượng, nâng cao về chất lượng.

Hiện nay, chương trình đào tạo nghề TĐHCN có sự tham gia của 40 cán bộ, giáo viên (100% giáo viên cơ hữu). Trong đó 100% giáo viên đảm bảo chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2020 của Bộ Lao động - TBXH về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

** Những điểm mạnh:*

- Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.
- Trường đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.
- Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.
- Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập,

bồi dưỡng.

- 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.
- 100% nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.
- Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do Trường giao

* *Những tồn tại:* Không

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tiếp tục tăng cường công tác tuyển dụng nhà giáo, sử dụng nhà giáo kiêm nhiệm tại doanh nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 4</i>	<i>15 (Mười lăm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.1</i>	<i>2.5 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.2</i>	<i>2.5 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.3</i>	<i>2.5 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.4</i>	<i>2.5 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.5</i>	<i>2.5 (Hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.6</i>	<i>2.5 (Hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.1: *Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 quy định tổ chức, dạy, học, đánh giá kết quả học tập môn GDQP và AN tại các cơ sở GDNN, cơ sở GDĐH; Thông tư 15/2022/TT-BLĐTBXH Quy chế quản lý, cấp phát Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường cao đẳng, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh liên kết với Trung tâm GDQP và An ninh thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (đơn vị đủ điều kiện được cấp phép huấn luyện theo quy định tại Quyết định số 2295/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2015 của Bộ VHTTDL) thực hiện Hợp đồng đào tạo giảng dạy môn GDQP và AN (**4.1.01** - *Bộ hợp đồng đào tạo môn Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2023, 2024, 2025*).

Đội ngũ nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy CTĐT nghề TĐHCN trình độ cao đẳng 3 năm gần đây như sau:

Năm học	Số lượng nhà giáo cơ hữu	Số lượng nhà giáo thỉnh giảng	Nhà giáo dạy các môn chung
Năm học 2022-2023	25	0	08
Năm học 2023-2024	36	0	11
Năm học 2024-2025	40	0	10

(4.1.02- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề TĐHCN năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 4.1.03 - Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 4.1.04 - Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề TĐHCN năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Kiểm tra hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các nhà giáo dạy nghề TĐHCN của Trường trong các năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025 như sau:

* Năm học 2024-2025: Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 40 trong đó: 10 nhà giáo dạy các môn chung; 30 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề. (Trong số 30 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề có 03 GV giảng dạy lý thuyết các môn cơ sở, 27 GV giảng dạy tích hợp các môn học/mô đun chuyên nghề). Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT đều có thâm niên giảng dạy trên 3 năm.

- Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 01 người; Thạc sĩ: 25 người; Đại học: 14 người; 100% các nhà giáo trên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với các môn học/mô đun được phân công giảng dạy cho CTĐT.

- Về kỹ năng nghề của 27 nhà giáo giảng dạy tích hợp, thực hành các môn học/mô đun nghề: 11 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề trình độ cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp; 08 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 Quốc gia nghề Điện tử công nghiệp; 01 người có trình độ kỹ năng nghề ĐTCN bậc 3; 07 người có Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề cho GVDN.

- Về nghiệp vụ sư phạm: 01 người có trình độ BD NVSP cho nhà giáo trình độ cao đẳng; 01 người có trình độ bồi dưỡng NVSP; 06 người có trình độ CĐ SPKT; 10 người có trình độ ĐH SPKT; 04 người có trình độ ĐHSP; 13 người có trình độ SP dạy

nghe; 01 người có trình độ SP dạy nghề trình độ TC nghề, CĐ nghề; 01 người có trình độ NVSP cho GV CĐ, ĐH.

- Ngoại ngữ: 04 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 15 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 01 người có chứng chỉ Anh C (bậc 3); 20 người có chứng chỉ B (bậc 2).

- Tin học: 03 người cử nhân Tin học; 07 người có chứng chỉ B; 30 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản.

(4.1.05- Hồ sơ quản lý nhà giáo giảng dạy nghề TĐHCN trình độ cao đẳng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Đối chiếu theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH; Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTĐBXH thì 100% nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo TĐHCN trình độ cao đẳng của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm, Trường đánh giá tổng kết công tác GDNN có nội dung đánh giá về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường trong đó đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề TĐHCN đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

(4.1.06 - Báo cáo tổng kết công tác GDNN năm 2022, 2023, 2024).

Hàng năm, nhà Trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường nói chung và nhà giáo giảng dạy nghề TĐHCN nói riêng nhằm lấy ý kiến khách quan để có cơ sở đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo. Có 04 mức đánh giá: 1. Rất tốt. 2. Tốt. 3. Trung bình. 4. Không tốt. 5. Kết quả khảo sát cho thấy trên 92% đối tượng khảo sát đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo nghề TĐHCN đạt loại tốt trở lên.

(4.1.07 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, BC khảo sát đội ngũ CBQL, VC, LD về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ năm 2023, 2024, 2025).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: *Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.*

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy nghề TĐHCN trình độ cao đẳng các năm học 2022-2023 là 36 người; 2023-2024 là 39 người; 2024-2025 là 37 người **(4.1.02- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề TĐHCN năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).**

Nhiệm vụ đối với nhà giáo của Trường được quy định tại văn bản quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Quyết định số 29/QĐ-CTĐHCN ngày 28/01/2019 của Hiệu trưởng Nhà trường. Tại văn bản trên Nhà trường đã quy định giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, nhiệm vụ của giáo viên, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, chế độ làm việc, chế độ dạy thêm, giảm giờ giảng và quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn, trong đó tại Điều 5 “*Định mức giờ giảng*” quy định định mức giờ giảng trong một năm học: là 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, 510 giờ chuẩn đối với nhà giáo giảng dạy các môn chung trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp (**4.2.01 - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Quyết định số 57/QĐ-CTĐHCN ngày 20/01/2025**)

Việc bố trí nhà giáo đứng lớp cho các mô-đun, môn học thuộc CTĐT của trường: Chương trình ban hành năm 2019, 2022 thời gian đào tạo trong 2,5 năm. (**1.1.01 - Chương trình đào tạo nghề TĐHCN năm 2019, 2022**). Hằng năm, Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhà giáo giảng dạy từng môn học/mô đun cho từng lớp (**4.2.02- Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025**). Kết thúc mỗi năm học Nhà trường đã tổng hợp khối lượng công tác để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của từng cá nhân, tập thể trên cơ sở đó để bình xét thi đua, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, kết quả bình xét thi đua hàng năm cho thấy mức độ hoàn thành các nhiệm vụ của các nhà giáo.

Tất cả các mô - đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Số lớp nghề TĐHCN trình độ cao đẳng qua các năm học thể hiện ở bảng sau

2022-2023	TĐHCN CĐK11A1	26	298/QĐ-CĐCN ngày 16/10/2020;
	TĐHCN CĐK11A2	23	352/QĐ-CĐCN ngày 30/11/2020
	TĐHCN CĐK12A1	31	337/QĐ-CĐCN ngày 13/10/2021;
	TĐHCN CĐK12A2	26	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021
	TĐHCN CĐK13A1	30	392/QĐ-CĐCN ngày 20/9/2022
	TĐHCN CĐK13A2	31	
	TĐHCN CĐK13A3	31	
2023-2024	TĐH CĐK12A1	31	337/QĐ-CĐCN ngày 13/10/2021;
	TĐH CĐK12A2	23	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021

	TĐH CN CĐK13A1	31	392/QĐ-CĐCN ngày 20/9/2022
	TĐH CN CĐK13A2	29	
	TĐH CN CĐK13A3	30	
	TĐHCN CĐK14A1	31	520/QĐ-CĐCN ngày 19/10/2023
	TĐHCN CĐK14A2	30	
	TĐHCN CĐK14A3	30	
	TĐHCN CĐK14A4	30	
	TĐHCN CĐK14A5	31	
2024-2025	TĐH CN CĐK13A1	39	392/QĐ-CĐCN ngày 20/9/2022
	TĐH CN CĐK13A2	24	
	TĐH CN CĐK13A3	26	
	TĐHCN CĐK14A1	25	520/QĐ-CĐCN ngày 19/10/2023
	TĐHCN CĐK14A2	27	
	TĐHCN CĐK14A3	24	
	TĐHCN CĐK14A4	28	
	TĐHCN CĐK14A5	26	
	TĐHCN CĐK15A1	31	423/QĐ-CĐCN ngày 28/8/2024
	TĐHCN CĐK15A2	31	
	TĐHCN CĐK15A3	31	
	TĐHCN CĐK15A4	28	
	TĐHCN CĐK15A5	31	
	TĐHCN CĐK15A6	31	
	TĐHCN CĐK15A7	30	

(4.2.03 - Bảng diễn biến HSSV toàn trường năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025) (4.2.04 - Quyết định biên chế các lớp năm 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

- Về số lượng người học/lớp: Theo các QĐ biên chế lớp, trong thời gian từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024- 2025 có 15 lớp nghề TĐHCN trình độ cao đẳng. Kiểm tra danh sách người học kèm theo QĐ thành lập lớp, sổ lên lớp, sổ giáo án, sổ tay giáo viên kết hợp khảo sát thực tế cho thấy các lớp học lý thuyết là đảm bảo theo quy định. Các lớp thực hành đảm bảo không quá 18 người/lớp. (2.2.08 - Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

- Tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo: Số nhà giáo giảng dạy nghề TĐHCN trình độ cao đẳng được quy đổi như sau:

- Tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo: Số nhà giáo giảng dạy nghề TĐHCN trình độ cao đẳng được quy đổi như sau:

Năm học	Số lượng nhà giáo cơ hữu	Số lượng nhà giáo thỉnh giảng	Nhà giáo dạy các môn chung
Năm học 2022-2023	25	0	08
Năm học 2023-2024	36	0	11
Năm học 2024-2025	40	0	10

TT	Nhà giáo	Số lượng giáo viên			Số giáo viên quy đổi		
		2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
1	Giáo viên toàn thời gian	13	20	25	13	20	25
2	Giáo viên kiêm nhiệm	04	05	05	0.7	0.8	0.8
3	Giáo viên thỉnh giảng	0	0	0	0	0	0
4	Giáo viên môn chung	08	11	10	3.4	3.5	3.6
	Tổng	25	36	40	17.1	24.3	29.4

Thông kê số lượng SV qua các năm học cho thấy tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo của trường như sau:

Số lượng sinh viên và nhà giáo quy đổi	Số HSSV quy đổi	Số giáo viên quy đổi	Tỷ lệ HSSV/GV
Năm học 2022- 2023	178,2	17.1	10.4
Năm học 2023- 2024	264,8	24.3	10,9
Năm học 2024-2025	387,2	29.4	13.2

Trong bảng trên tính thời gian học là 10 tháng/năm học,

(4.2.04- Bảng quy đổi tỷ lệ người học/giáo viên nghề TĐHCN trình độ CĐ năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024).

Kiểm tra bảng tổng hợp giờ giảng, bảng thanh toán vượt giờ cho nhà giáo cho thấy qua các năm học đối với các nhà giáo tham gia giảng dạy nghề TĐHCN trình độ cao đẳng không có nhà giáo nào vượt quá 200 giờ **(4.2.06 - Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025** **4.2.07 - Bảng thanh toán tiền vượt giờ năm học 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025).**

Số liệu trên cho thấy tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo của trường là đảm bảo quy định.

Trường đã được thực hiện thường xuyên (**2.2.11** - Quyết thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; **2.2.12** - Kế hoạch số kiểm tra đào tạo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; **2.2.13**- Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2023, 2024, 2025 và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm 2023, 2024, 2025)

Như vậy, Trường đảm bảo đủ nhà giáo đứng lớp, đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.3. Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định phát triển đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp. Vì vậy, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã ban hành hệ thống các văn bản định hướng, chỉ đạo và triển khai cụ thể nhằm bảo đảm đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt chuẩn về chất lượng theo quy định.

Cụ thể, Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030 (**4.3.01** – Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030) là văn bản định hướng chiến lược, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp phát triển đội ngũ. Nghị quyết đề ra yêu cầu về chuẩn trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, năng lực số và năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên, làm căn cứ để xây dựng các kế hoạch hằng năm.

Nhà trường hằng năm xây dựng kế hoạch cử giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, biên soạn giáo trình và các hội giảng, hội thi, kỳ thi Nhà giáo GDNN các cấp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm. Nhiều giảng viên nghề Tự động hóa công nghiệp đã đạt giải cao trong hội giảng, hội thi thiết bị đào tạo tự làm, có đề tài nghiên cứu và sáng kiến cải tiến kỹ thuật, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường (**4.3.02** – Kế hoạch tổ chức Hội thi, Hội giảng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề TĐHCN trình độ cao đẳng của trường tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như sau:

- Về công tác nghiên cứu khoa học

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề TĐHCN trình độ cao đẳng của trường tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như sau:

Năm học 2022-2023: Theo QĐ số 489/QĐ-CTĐHCN ngày 14/11/2022 thầy Trần Trung Hậu, Dương Văn Nhung, Thân Văn Dũng với đề tài “Xây dựng học liệu và bài giảng số cho mô đun đo lường Điện - Điện tử thuộc các khối chuyên ngành”; Cô Nguyễn Thị Quyên, Trần Trung Hậu, Nguyễn Duy Hưng với Đề tài “Xây dựng học liệu và bài giảng số cho Mô đun kỹ thuật cảm biến thuộc khối chuyên ngành”. Cô Nguyễn Thị Sửu, Lê Thị Hiền với Đề tài “Xây dựng học liệu, bài giảng và số hóa ngân hàng câu hỏi cho môn học MH 08-Mạch điện; thầy Nguyễn Đức Hạnh với Đề tài “Nghiên cứu xây dựng bài giảng và số hóa ngân hàng câu hỏi cho môn học MH 07 - An toàn lao động thuộc các chuyên ngành trình độ trung cấp, cao đẳng. Thầy Nguyễn Văn Khoa với đề tài “Xây dựng học liệu và bài giảng số cho Mô đun MĐ26 - Điện tử công suất. Cô Ngô Thị Thúy, Trương Thị Hoài Thanh, Nguyễn Thị Hiền với đề tài “Xây dựng bài giảng trực tuyến môn học MH16-Máy điện 1 trên hệ thống LCMS; cô Dương Quỳnh Nga, thầy Trần Mạnh Hùng với đề tài “Nghiên cứu xây dựng bài giảng trực tuyến và số hóa ngân hàng câu hỏi cho môn học MH08-Kỹ thuật điện; cô Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Thu với đề tài “Xây dựng bài giảng trực tuyến cho mô đun đào tạo điều khiển điện khí nén; Cô Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Đức Hạnh, Ngô Thị Thúy, Dương Quỳnh Nga với đề tài “Cabin thực hành lắp đặt điện”; thầy Trần Trung Hậu, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Đức Hạnh với đề tài “Mô hình giám sát điều khiển cánh tay Robot 3 trục qua Webserver; thầy Nguyễn Đình Vui, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Văn Khoa với đề tài “Mô hình thực hành phân loại sản phẩm sử dụng trí tuệ nhân tạo”.

Năm học 2023-2024: Theo QĐ số 559/QĐ-CTĐHCN ngày 04/11/2024 có 03 Đề tài NCKH, cụ thể: “Xây dựng bài giảng số cho mô đun Vi điều khiển giảng dạy cho 02 nghề Điện tử công nghiệp và Tự động hóa công nghiệp”; “Hệ thống Quản lý và Giám sát sử dụng năng lượng điện thông minh tại các nhà xưởng cho các trường Cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp”; Nghiên cứu, ứng dụng PLC điều khiển máy TARO tự động tại công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại cơ khí Hưng Thịnh.

Năm học 2024-2025: 01 ĐTKH cấp tỉnh, theo QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh (thầy Vũ Quang Khuê, thầy Nguyễn

Đình Vui) “Hệ thống Quản lý và Giám sát sử dụng năng lượng điện thông minh tại các nhà xưởng cho các trường Cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp”; 01 ĐTKH được Hội đồng KHCN Tỉnh Bắc Ninh nghiệm thu tại Quyết định số 140/QĐ-SKHCN ngày 06/5/2024 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh “Phát triển mô hình đào tạo kết hợp trực tiếp và gián tiếp bằng việc số hóa hướng dẫn kỹ năng nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ kỹ thuật viên tỉnh Bắc Ninh (TS. Vũ Quang Khuê (CN) Ths. Lê Trọng Nghĩa Ths. Trần Mạnh Hùng Ths. Dương Văn Nhung Ths. Nguyễn Văn Hưng Ths. Nguyễn Đình Vui Ths. Phan Đăng Thục); 01 ĐTKH được nghiệm thu theo quyết định số 437/QĐSGDĐT, ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Bắc Ninh “Số hóa Mô đun đào tạo kỹ năng nghề cho sinh viên bằng nền tảng đào tạo số Hội đồng sở GD&ĐT tỉnh Bắc” (Vũ Quang Khuê Lê Trọng Nghĩa, Nguyễn Văn Hưng)

Theo QĐ số 225/QĐ-CTĐHCN ngày 30/5/2025: “Nghiên cứu, chế tạo thiết bị thực hành kỹ năng Vi mạch bán dẫn công đoạn Back-End” (Vũ Quang Khuê (CN) Trần Trung Hậu Lê Trọng Nghĩa Phan Văn Nghiêm); “Nghiên cứu, chế tạo thiết bị kiểm tra linh kiện bán dẫn sử dụng thị giác máy” (Ngô Thị Thúy (CN) Trần Văn Thực Trần Mạnh Hùng Bùi Xuân Đoàn Đỗ Xuân Trung); “Nghiên cứu, chế tạo thiết bị thực hành Trạm cơ điện tử đào tạo theo tiêu chuẩn CHLB Đức” (Nguyễn Văn Khoa (CN) Nguyễn Đức Hạnh Lê Văn Phượng); “Nghiên cứu, chế tạo thiết bị kiểm tra chất lượng bo mạch - PCB sử dụng thị giác máy” (Đông Văn Huân (CN) Nguyễn Đình Vui Nguyễn Duy Hưng Nguyễn Thị Thu).

Theo Quyết định số 448/QĐ-CTĐHCN ngày 29/9/2025: “Xây dựng bài giảng số mô đun Trang bị điện ngành TĐHCN và TĐHCN trên hệ thống LCMS” (Nguyễn Thị Hiền (CN) Dương Văn Nhung Dương Quỳnh Nga Ngô Thị Thúy); “Xây dựng bài giảng số mô đun Kỹ thuật xung số trên hệ thống LCMS” (Nguyễn Thị Quyên (CN) Nguyễn Thị Mai Thương Nguyễn Văn Khoa Lê Văn Phượng); “Mô hình Smart home điều khiển bằng giọng nói” (Thân Văn Dũng (CN) Nguyễn Thị Hiền Nguyễn Thị Quyên Nguyễn Thị Sử Phạm Nhật Minh); “Xây dựng học liệu số mô đun 24”: Thị giác máy công nghiệp (Đỗ Xuân Trung (CN) Ngô Thị Thúy Trần Trung Hậu)

4.3.03 - *Quyết định công nhận các ĐTKH, SKKN các năm 2023, 2024, 2025; 4.3.04* - *Hồ sơ thuyết minh khoa học năm 2023, 2024, 2025; 4.3.05-* *Các bài báo của đội ngũ Nhà giáo tham gia giảng dạy nghề TĐHCN đăng trên các tạp chí khoa học; 4.3.06* - *Các luận văn thạc sỹ hoàn thành từ năm 2023 đến năm 2025.*

- Về việc tham gia hội thi nhà giáo dạy giỏi:

Năm học 2022 - 2023: Theo QĐ số 268/QĐ-CTĐHCN ngày 22/7/2022, nhà giáo tham gia giảng dạy nghề TĐHCN có 04 nhà giáo tham gia thi giảng nhà giáo GDNN cấp trường (Nguyễn Duy Hưng, Ngô Thị Thúy, Nguyễn Đình Vui, Nguyễn Văn Khoa).

Năm học 2023-2024: Theo QĐ số 262/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/12/2023 của Sở Lao động - TBXH (Nguyễn Văn Thiết đạt giải nhất, Ngô Thị Thúy, Nguyễn Đình Vui, Phạm Thị Nga đạt giải nhì, Cáp Trọng Ba; Nguyễn Như Lương, Nguyễn Văn Khoa đạt giải Khuyến khích tại Hội giảng nhà giáo GDNN cấp tỉnh

Năm học 2024-2025: Theo QĐ số 256/QĐ-BLĐTBXH ngày 08/11/2024 của Bộ Lao động - TBXH có 02 nhà giáo tham gia giảng dạy nghề TĐHCN có 02 nhà giáo tham gia thi giảng nhà giáo GDNN toàn quốc (Ngô Thị Thúy đạt giải Ba, Nguyễn Đình Vui đạt giải Khuyến khích).

(4.3.07 - Quyết định công nhận kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2023, 2024, 2025).

- Về việc các nhà giáo tham gia hội thi thiết bị tự làm các cấp:

Năm học 2022-2023: Theo Quyết định số 963/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/10/2022 của Bộ Lao động - TBXH: Mô hình do nhóm tác giả Nguyễn Đình Vui, Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Văn Khoa, Dương Quỳnh Nga, Ngô Thị Thúy với thiết bị “MH thực hành tích hợp lắp đặt điện, giám sát điều khiển cánh tay Robot qua Webserver” đạt giải nhì tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2022. *(4.3.08 - Quyết định công nhận kết quả hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp).*

Năm học 2024-2025: Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2025; Thiết bị thực hành thi hành mô hình ô tô dùng động cơ Diesel (Nguyễn Công Phước); Mô hình thực hành kỹ năng vi mạch bán dẫn công đoạn Back - End (Trần Trung Hậu); Mô hình kiểm tra linh kiện bán dẫn sử dụng thị giác máy (Trần Văn Thực, Trần Mạnh Hùng, Bùi Xuân Đoàn, Ngô Thị Thúy, Đỗ Xuân Trung); Thiết bị thực hành trạm cơ điện tử đào tạo theo tiêu chuẩn CHLB Đức (Nguyễn Văn Khoa, Nguyễn Đức Hạnh, Lê Văn Phụng); Mô hình kiểm tra chất lượng bo mạch PCB sử dụng thị giác máy (Đồng Văn Huân, Nguyễn Đình Vui, Nguyễn Duy hưng, Nguyễn Thị Thu); 02 cá nhân được tặng Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT (Đỗ Thị Vân, Bùi Xuân Đoàn); 01 cá nhân được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng (Lê Văn Phụng); Đề tài khoa học cấp tỉnh: Hệ thống Quản lý và Giám sát sử dụng năng lượng điện thông minh tại các nhà xưởng cho các trường Cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp (Vũ Quang Khuê, Nguyễn Đình Vui). Phát triển mô hình đào tạo kết hợp trực tiếp và gián tiếp bằng việc số hóa hướng dẫn kỹ năng nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ kỹ thuật viên tỉnh Bắc Ninh (Vũ

Quang Khuê, Lê Trọng Nghĩa, Trần Mạnh Hùng, Dương Văn Nhung, Nguyễn Đình Vui); Đề tài khoa học cơ sở:

Tổng hợp các hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp của đội ngũ nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề TĐHCN trình độ cao đẳng của trường cụ thể như sau:

Năm học	Số nhà giáo cơ hữu dạy chuyên môn nghề	Số lượt tham gia NCKH	Tỷ lệ (%)
2022-2023	17	16	94%
2023-2024	22	20	91%
2024-2025	27	25	93%

Qua số liệu trên cho thấy, hàng năm các nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề đã tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội thi thiết bị tự làm, hội thi nhà giáo dạy giỏi cấp trường hàng năm vượt trên 50%. **(4.3.09 - Văn bản/tài liệu/hình ảnh thể hiện nhà giáo tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm)**

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.

Số nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chuyên môn nghề TĐHCN qua các năm học như sau:

Năm học	Tổng số nhà giáo tham gia dạy	Số nhà giáo cơ hữu dạy chuyên môn nghề	Ghi chú
2022-2023	25	17	
2023-2024	36	22	
2024-2025	40	27	

(4.1.02- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề TĐHCN năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Nhà trường xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và có tính hệ thống nhằm đáp ứng

yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp và công nghệ đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp.

Căn cứ Chiến lược phát triển đội ngũ nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cùng các quy định về chuẩn nhà giáo GDNN, hằng năm Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực và nhu cầu bồi dưỡng của giảng viên, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo từng năm học (**4.3.01 - Nghị quyết phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030**).

Trường xây dựng Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 Nhà trường xây dựng quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động kèm theo Quyết định số 21/QĐ-CTĐHCN ngày 23/01/2018 về việc ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Hằng năm nhà trường tiến hành rà soát lại Quy chế nêu trên. Năm 2023, 2024, 2025 Trường rà soát, điều chỉnh và ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-CTĐHCN ngày 30/01/2023; số 77/QĐ-CTĐHCN ngày 06/2/2024; số 52/QĐ-CTĐHCN ngày 20/1/2025 (**4.4.01- Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018, 2023, 2024, 2025**) theo đó Quy chế có 6 chương 17 điều trong đó quy định nội dung, hình thức, tổ chức quản lý, trình tự thủ tục, chế độ thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động của trường.

Hàng năm Nhà trường đã xây dựng đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo của trường trong đó có các nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng cụ thể:

- Về việc xây dựng kế hoạch: Năm 2023: Kế hoạch số 92/KH-CTĐHCN ngày 26/12/2022; Năm 2024: Kế hoạch số 67/KH-CTĐHCN ngày 06/7/2023; Năm 2025: Kế hoạch số 16/KH-CTĐHCN ngày 28/02/2025 trong đó có nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình TĐHCN trình độ cao đẳng nằm trong kế hoạch trên trường (**4.4.02- Các kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025**).

- Về việc tổ chức thực hiện cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đối với nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình TĐHCN trình độ cao đẳng trong các năm học qua Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc. Trong đó 100% nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ...

(**4.4.03 - Các Quyết định cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025**).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo quá trình và kết quả

học tập, bồi dưỡng gửi Nhà trường **(4.4.04 - Chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo, bồi dưỡng của các nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).** **(4.4.05 - Báo cáo của nhà giáo sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).**

Hàng năm Nhà trường đã tổ chức cho các nhà giáo đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, thời gian 04 tuần/năm học đảm bảo quy định tại Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTBXH.

Năm học 2022-2023: Kế hoạch số 78/KH-CTĐHCN ngày 10/11/2022/KH-CTĐHCN; Quyết định số 195/QĐ-CTĐHCN ngày 24/4/2023 trong đó có kế hoạch cho 17 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng thực tập tại doanh nghiệp.

Năm học 2023-2024: Kế hoạch số 94/KH-CTĐHCN ngày 06/11/2023; Quyết định số 205/QĐ-CTĐHCN ngày 13/4/2024 trong đó có kế hoạch cho 22 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình trình Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng thực tập tại doanh nghiệp.

Năm học 2024-2025: Kế hoạch số 103/KH-CTĐHCN ngày 01/12/2024; Quyết định số 238/QĐ-CTĐHCN ngày 10/2/2025 trong đó có kế hoạch cho 30 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình trình Điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng thực tập tại doanh nghiệp **(4.4.06 - Các kế hoạch thực tập doanh nghiệp các năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).**

- Về việc tổ chức thực hiện: Trong các năm học qua nhà giáo tham gia giảng dạy nghề TĐHCN đã nghiêm túc thực hiện việc thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động.

(4.4.07- Danh sách nhà giáo tham gia thực tập tại DN; 4.4.08 - Quyết định cử GV đi thực tập tại doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo kết quả với Nhà trường **(4.4.09 - Báo cáo thực tập có xác nhận của doanh nghiệp; 4.4.10 - Hình ảnh nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp).** Đối chiếu danh sách các nhà giáo đã đi thực tập với danh sách đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo cho thấy hàng năm 85% nhà giáo cơ hữu gia giảng dạy chương trình đào tạo đã đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về “công tác đào tạo, bồi dưỡng” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% đối tượng tham gia khảo sát nhận định Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả.**(4.4.11 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo**

sát, Báo cáo khảo sát về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.5 Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Các đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề TĐHCN trình độ cao đẳng bao gồm khoa Điện - Điện tử đảm nhiệm giảng dạy các môn học/mô đun chuyên nghề; Các phòng Tổ chức - HC, Kế toán, Đào tạo, Quan hệ công chúng, Công tác HSSV tham gia công tác hỗ trợ, phục vụ.

- Số lượng CBQL, nhân viên các đơn vị của Trường tham gia vào quá trình đào tạo nghề TĐHCN trình độ cao đẳng như sau:

TT	Đơn vị	Số lượng CBQL			Số lượng nhân viên		
		Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
1	Khoa Điện - Điện tử	3	3	3	0	0	0
2	Khoa Khoa học - KT - CNTT	2	2	2	0	0	0
3	Phòng Đào tạo	2	2	2	5	5	5
4	Phòng Tổ chức - Hành chính	3	3	2	4	4	4
5	Phòng Kế toán	1	1	0	3	3	3
6	Phòng Quan hệ công chúng	1	1	1	6	6	6

7	Phòng Phòng Công tác HSSV	2	2	2	5	5	5
Tổng		14	14	12	23	23	23

Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của các khoa, bộ môn trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được bố trí đảm bảo phù hợp với quy mô đào tạo và cơ cấu ngành nghề. Các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, am hiểu chương trình đào tạo và có năng lực tổ chức, quản lý hoạt động chuyên môn của đơn vị.

* Đối với CBQL tính đến thời điểm hiện tại có 12 CBQL tham gia vào quá trình đào tạo nghề TĐHCN trình độ cao đẳng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CBQL như sau: 08 Thạc sĩ; 04 Đại học; 05 người có trình độ kỹ năng nghề trình độ cao đẳng; 01 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 06 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 01 người có chứng chỉ Anh C (bậc 3); 05 người có chứng chỉ B (bậc 2); 11 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản; 12/12 người có trình độ Trung cấp LLCT; 11/11 người có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ QL cơ sở GDNN; 01 người có trình độ bồi dưỡng NVSP; 02 người có trình độ CĐ SPKT; 02 người có trình độ ĐH SPKT; 02 người có trình độ ĐHSP; 05 người có trình độ SP dạy nghề.

* Đối với viên chức các phòng chức năng: tính đến thời điểm hiện tại có 23 viên chức các phòng chức năng tham gia vào quá trình đào tạo nghề TĐHCN trình độ cao đẳng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức như sau: 08 thạc sĩ, 15 ĐH; Ngoại ngữ: 100% trình độ ngoại ngữ từ B trở lên; 100% có chứng chỉ tin học ứng dụng tin học cơ bản. Trong đó:

Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Hà: trình độ ĐH chuyên ngành Kế toán, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B, chứng chỉ kế toán trưởng, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 10 năm, được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng theo Quyết định số 89/QĐ-SLĐTBXH-VP ngày 27/4/2016 của Giám đốc Sở LĐTBXH Bắc Ninh và Quyết định số 141a/QĐ-SLĐTBXH-VP ngày 10/8/2021 của Giám đốc Sở LĐTBXH Bắc Ninh về việc bổ nhiệm lại.

Nhân viên thư viện: Nguyễn Thị Nguyệt: trình độ Đại học Kế toán, Trung cấp Thư viện; Tin học: Cơ bản; Ngoại ngữ: Anh B

Nhân viên y tế: Vũ Thị Kim Dung; Trình độ Đại học Quản trị nhân sự; Trung cấp Y sỹ sản nhi; Tin học: Cơ bản; Ngoại ngữ: Anh B

(4.5.04 - Các Quyết định cử CBVCLĐ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, CBVCLĐ đều có báo cáo quá trình và kết quả học tập, bồi dưỡng gửi Nhà trường *(4.5.05 - Chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo, bồi dưỡng của các nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).*

(4.5.06 - Báo cáo của nhà giáo sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của CBVCLĐ về “công tác đào tạo, bồi dưỡng” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đối tượng tham gia khảo sát nhận định Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả. *(4.4.11 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025).*

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định của Nhà nước. Các chế độ về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ phép, nghỉ chế độ... đều được chi trả và thực hiện kịp thời, minh bạch, đúng quy định. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản mới của Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, UBND tỉnh Bắc Ninh để áp dụng thống nhất trong toàn trường. *(4.6.01 - Báo cáo tổng kết công tác năm 2023, 2024, 2025).* Phụ cấp độc hại, nặng nhọc, nguy hiểm: Đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy tại các xưởng, phòng thực hành nghề có yếu tố nguy hiểm, độc hại như hàn, công nghệ ô tô, cắt gọt kim loại, Tự động hóa công nghiệp nhà trường lập danh sách và chi trả phụ cấp độc hại, nặng nhọc theo quy định hiện hành. *(4.6.02 – Quyết định mức hưởng phụ cấp nặng nhọc, độc hại; hồ sơ hưởng phụ cấp nặng nhọc độc hại)* Bên cạnh đó, nhà trường triển khai nhiều chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với đội ngũ có thành tích trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng học sinh đạt giải,

đổi mới phương pháp giảng dạy, và ứng dụng công nghệ số trong đào tạo. **(4.6.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025)**. Hằng năm, các tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị các hình thức khen thưởng như: Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của UBND tỉnh, các Bộ - Ngành

Nhà trường cũng quan tâm đến chính sách phúc lợi, tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng, khám sức khỏe định kỳ, tặng quà nhân dịp lễ, Tết... nhằm nâng cao đời sống tinh thần và động viên đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài. **(4.6.04 – Kế hoạch tổ chức tham quan, nghỉ mát năm 2023, 2024, 2025)**.

Nhờ thực hiện tốt các chính sách này, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và cải tiến liên tục chất lượng chương trình đào tạo.

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của CBVCLĐ về “chế độ, chính sách” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đối tượng tham gia khảo sát nhận định chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả. **(4.6.05 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025)**.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Ngành Tự động hoá công nghiệp thuộc khoa Điện - Điện tử quản lý, được bố trí giảng dạy và học tập tại trung tâm công nghệ cao BCI và tại các khu giảng đường nhà C hiện đại, đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập. Bên cạnh khuôn viên được quy hoạch tổng thể và chi tiết, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, các phòng học chuyên môn đảm bảo các điều kiện cho hoạt động dạy và học, đáp ứng quy mô đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp của nhà trường.

Nhà trường có cơ sở hạ tầng phát triển tốt, đảm bảo đủ về mặt bằng, diện tích, giao thông, các công trình phục vụ được xây dựng kiên cố, vững chắc, đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo của Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết và xưởng thực hành; các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ được bố trí hợp lý, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và

vận hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy của ngành Tự động hoá công nghiệp, các thiết bị đào tạo của nghề có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Để đảm bảo đạt mục tiêu của chương trình đào tạo về hình thành kỹ năng nghề cho sinh viên, khoa Điện - Điện tử đã thực hiện đúng các quy trình về cấp phát vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Trong quá trình đào tạo, nhận thấy được vai trò quan trọng của thư viện đối với hoạt động của nhà trường, của khoa và của ngành Tự động hoá công nghiệp để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Thư viện được bố trí linh hoạt, bao gồm tủ sách đặt tại khoa Điện - Điện tử thuận tiện cho giảng viên và sinh viên nghiên cứu, học tập. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được nhà trường phê duyệt; có đủ bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Nhà trường đã bố trí hệ thống thư viện gồm: 01 phòng đọc sách, 01 kho sách phục vụ nhu cầu của bạn đọc, thành lập các Tủ sách thư viện tại các Khoa, thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên và HSSV tra cứu tài liệu.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết và xưởng thực hành; các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ được bố trí hợp lý, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và vận hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy của ngành Tự động hoá công nghiệp. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên phù hợp với công năng và các yêu cầu kiến trúc, cảnh quan sư phạm bảo đảm khoảng cách đối với các cơ sở công nghiệp, an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập.

Nhà trường có hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành được xây dựng kiên cố, hệ thống giao thông nội bộ thuận lợi, hệ thống cấp thoát nước tốt đảm bảo các điều kiện giảng dạy ngành Tự động hoá công nghiệp.

Thư viện có chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp; có phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, có hệ thống nối mạng, cổng nối mạng Internet hoạt động tốt. Thường xuyên giới thiệu các giáo trình tài liệu mới cho bạn đọc. Nhà trường đã ký kết thỏa thuận liên kết với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VINA xây dựng và phát triển thư viện số. Tất cả 1.700.000 tài nguyên số có

trong website: <http://thuvienbci.edu.vn> đều được thư viện Nhà trường truy cập và sử dụng. Như vậy, thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã đáp ứng tốt cho nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh, sinh viên ở mọi không gian và thời gian khác nhau.

Các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học được phát huy hiệu quả trong quá trình giảng dạy.

* *Những tồn tại:* Trang thiết bị qua nhiều năm sử dụng đã xuống cấp, số lượng các thiết bị đào tạo hiện đại còn ít so với nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của giảng viên.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng, mua sắm bổ sung trang thiết bị đào tạo mới, đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp để doanh nghiệp hỗ trợ các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	15 điểm
Tiêu chuẩn 5.1	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.2	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.3	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.4	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.5	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.6	2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.1: *Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước ngành Tự động hoá công nghiệp đảm bảo quy chuẩn xây dựng được xây dựng theo quy hoạch chi tiết tại quyết định số 1023/QĐ-CT ngày 04/10/2001 và phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo tại các quyết định số 13/QĐ-SXD ngày 10/01/2008, số 1784/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt các hạng mục đầu tư nên đảm bảo quy chuẩn thiết kế; lưu trữ đầy đủ hồ sơ xây dựng, hồ sơ hoàn công.

Diện tích các hạng mục dùng cho học tập ngành Tự động hoá công nghiệp được thể hiện trong số liệu thống kê:

TT	Hạng mục, công trình	Diện tích (m²)
1	Khu học tập	
1.1	Phòng 202 - Phòng học lý thuyết	105
1.2	Phòng 203 - Phòng học ngoại ngữ	105
1.3	Phòng 204 - Phòng thực hành máy vi tính	105
1.4	Phòng 205 - Phòng học lý thuyết	105
1.5	Phòng 206 - Phòng học lý thuyết	105
1.6	Phòng 302 - Phòng học tin học	105
1.7	Phòng 305 - Phòng học lý thuyết	105
1.8	Phòng 307 - Phòng học lý thuyết	105
1.9	Phòng 308 - Phòng học lý thuyết	105
2	Khu thực hành	
2.1	Phòng 301 - Thực hành lắp đặt hệ thống điều khiển	125
2.2	Phòng 304 - Thực hành Trang bị điện	105
2.3	Phòng 401 - Thực hành Trang bị điện	125
2.4	Phòng 402 - Thực hành Điều khiển lập trình 1	105
2.5	Phòng 403 - Thực hành Điều khiển lập trình 2	105
2.6	Phòng 404 - Thực hành Trang bị điện (GTV)	105
2.7	Phòng 405 - Thực hành Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	105
2.8	Phòng 406 - Thực hành Điện tử công suất	105
2.9	Phòng 407 - Thực hành robot và tự động hóa	105
2.10	Phòng 408 - Thực hành Điện tử công suất	105
2.11	Phòng 501 - Thực hành Kỹ thuật Lắp đặt điện	125
2.12	Phòng 502 - Thực hành Kỹ thuật cảm biến	105
2.13	Phòng 503 - Thực hành Điện khí nén	105
2.14	Phòng 504 - Thực hành điện - điện tử	105
2.15	Phòng 505 - Thực hành Máy điện	105
2.16	Phòng 506 - Thực hành Máy điện	105
2.17	Phòng 507 - Thực hành thiết bị điện Gia dụng	105
2.18	Phòng thực hành Điện - Điện tử (Trung tâm công nghệ cao)	171

2.19	Phòng Thực hành Cơ điện tử (Phòng thực hành khí nén - thủy lực) (Trung tâm công nghệ cao)	171
2.20	Phòng Thực hành Kỹ thuật Lắp đặt điện (Xưởng 24/7)	291
2.21	Phòng Thực hành Sử dụng dụng cụ cầm tay (Khu công nghệ cao)	300
2.22	Phòng thực hành Cơ điện tử (Trung tâm công nghệ cao)	300

Phòng học lý thuyết cho ngành Tự động hoá công nghiệp được được bố trí ở khu nhà 5 tầng, xây dựng theo quy chuẩn, có diện tích 105 m²/phòng học, đảm bảo diện tích theo quy định ($105 \text{ m}^2/35 \text{ HSSV} = 3 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$); kết cấu, kiến trúc đảm bảo các yêu cầu về an toàn và chiếu sáng tự nhiên, để giảng dạy các môn học chung do khoa Khoa học - Kinh tế - Công nghệ thông tin đảm nhiệm còn có các phòng học lý thuyết có diện tích có diện tích 105 m². Các phòng học đều có cửa sổ, hành lang thông thoáng, được bố trí đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng (8 đèn tuýp led, 04 quạt trần). Trong phòng học có Nội quy sử dụng phòng học để giáo viên, HSSV thực hiện theo quy định, đảm bảo an toàn. Phòng học ngoại ngữ được trang bị máy tính có cài đặt các phần mềm hỗ trợ học trực tuyến trên hệ thống LMS đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy - học tập.

Xưởng thực hành ngành Tự động hoá công nghiệp được xây dựng theo quy chuẩn, đảm bảo chiều cao và quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, đáp ứng các yêu cầu công nghệ của các thiết bị đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp, diện tích từ 105 đến 300 m²/xưởng đáp ứng được yêu cầu về không gian, diện tích ánh sáng, hệ thống thông gió, lắp đặt, vận hành các thiết bị chuyên môn an toàn, phòng chống cháy, nổ, xưởng đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp, mặt nền được xử lý chống thấm, đổ bê tông cốt thép dày có thể chịu được tải trọng của các thiết bị có tải trọng lớn. Xưởng thực hành có Nội quy để đảm bảo an toàn trong quá trình thực tập. Năm học 2023 -2024 là năm học đạt số lượng sinh viên ngành Tự động hoá công nghiệp cao nhất 293 SV học tại 5 lớp, mỗi lớp trung bình 30 sinh viên, như vậy với xưởng nhỏ nhất 105 m² thì diện tích/1SV sẽ là: $105\text{m}^2/30 \text{ SV} = 3,5\text{m}^2$ đảm bảo theo quy định tại thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH.

Để cung cấp nước sạch cho các xưởng Tự động hoá công nghiệp, từ đường ống cấp nước D100 của nhà trường, được dẫn đến vị trí thuận lợi, thuận tiện cho việc lau rửa, vệ sinh. Trường sử dụng nước sạch do Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh cung cấp, do đó hệ thống cung cấp nước cho các khu học tập, sinh hoạt; công tác phòng cháy, chữa cháy cho các phòng học, xưởng thực hành, thí nghiệm ngành Tự động hoá công nghiệp luôn được đảm bảo.

Hệ thống nước thải, chất thải được Trường thu gom, xử lý đảm bảo yêu cầu; hàng tuần được Công ty Cổ phần môi trường và Công trình đô thị Bắc Ninh đến thu góp và vận chuyển rác thải đến nơi xử lý theo quy định theo Hợp đồng số 08/HĐ-VCRT-TH-NH ngày 01/02/2019. (5.1.01 - Hợp đồng đấu nối với Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh; 5.1.02- Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải với Công ty vệ sinh môi trường Bắc Ninh; 5.1.03 - Báo cáo tình hình cung cấp điện, nước năm 2023, 2024, 2025).

Tại các nhà xưởng thực hành ngành Tự động hoá công nghiệp có thiết kế đường điện cụ thể, đường dây điện 3 pha, chiếu sáng, thông gió, quạt công nghiệp v.v. Tại các xưởng và các khu vực hoạt động trong trường đều có hệ thống ngắt điện bảo vệ tự động khi có sự cố xảy ra. Tại xưởng thực hành ngành Tự động hoá công nghiệp - trung tâm Công nghệ cao được lắp đặt CB tổng được đấu nối với nguồn điện chung của trường, từ CB đường điện được tính toán thiết kế đi trên máng đến các vị trí máy và hệ thống chiếu sáng trong nhà xưởng (5.1.04 - Hợp đồng đấu nối với Điện lực TP Bắc Ninh).

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của Trường đặt tại các vị trí hành lang, cầu thang các tòa nhà và tại các xưởng thực hành Tự động hoá công nghiệp được trang bị các bình chữa cháy và gắn các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy tại từng khu vực chức năng. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy hàng năm được phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ công an tỉnh Bắc Ninh kiểm tra, đánh giá tại các Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, trong đó đánh giá công tác phòng cháy, chữa cháy của trường đảm bảo yêu cầu. Trên cơ sở khuyến nghị của Công an PCCC, Trường đều xây dựng kế hoạch PCCC và cứu nạn, cứu hộ và đều có báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng chống cháy nổ hàng năm. (5.1.05 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy các công trình; Biên bản kiểm tra phòng cháy, chữa cháy 2023, 2024, 2025; 5.1.06 - Kế hoạch công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ năm 2023, 2024, 2025, 2024; 5.1.07 - Báo cáo kết quả thực hiện công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ năm 2023, 2024, 2025)

Theo số liệu thống kê, lưu lượng HSSV quy đổi trong 3 năm gần đây:

- Năm học 2022-2023 là: 198 sinh viên
- Năm học 2023-2024 là: 293 sinh viên
- Năm học 2024-2025 là: 383 sinh viên
- Năm học 2025-2026 là: 562 sinh viên

Như vậy, năm học 2025-2026 tổng số học sinh, sinh viên quy đổi nhiều nhất trong ba năm học qua là 306 SV. Nhu cầu phòng học, xưởng thực hành cần có là:

- Phòng học lý thuyết: $(306 \text{ HSSV} \times 0,3 \text{ (30\% học lý thuyết)})/35(\text{HSSV/lớp}) = 4,8 \text{ phòng}$

- Xưởng thực hành: $(306 \text{ HSSV} \times 0,7(70\% \text{ học thực hành}))/18(\text{HSSV/lớp}) = 21,86$ xưởng.

Quá trình tổ chức hoạt động dạy và học, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo 2 ca thực tập/ngày và đưa HSSV đi trải nghiệm thực tập tại doanh nghiệp. Như vậy phòng học, xưởng thực hành đáp ứng được công tác đào tạo của Trường theo quy định.

Kết thúc năm học, Trường có báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng phòng học, xưởng thực hành của các nghề đào tạo trong đó có ngành Tự động hoá công nghiệp, đều đánh giá phòng học, xưởng thực hành đáp ứng đủ cho việc thực hiện kế hoạch đào tạo trong từng học kỳ của các nghề. **(5.1.08 - Báo cáo về thực trạng sử dụng và mức độ đáp ứng của phòng học, phòng thực hành và vật tư khoa Điện –Điện tử năm 2023, 2024, 2025).**

Thông qua khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV ngành Tự động hoá công nghiệp đề nhất trí về *Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới* **(2.1.20 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 2.1.21 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 2.1.22 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).**

Với tiêu chuẩn này nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu và quỹ phát triển của nhà trường. Trang thiết bị của ngành Tự động hoá công nghiệp về cơ bản đảm bảo đủ số lượng, công năng, thông số kỹ thuật, đúng chủng loại theo quy định của thông tư 16/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội phù hợp quy mô đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp. Đây cũng chính là một yếu tố thuận lợi để đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên trình độ tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng

Trang thiết bị của ngành Tự động hoá công nghiệp đảm bảo đủ số lượng, công năng, thông số kỹ thuật, đúng chủng loại theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và

Xã hội hoặc theo yêu cầu được xác định trong các chương trình đào tạo phù hợp quy mô đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp. Đây cũng chính là một yếu tố thuận lợi để đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên trình độ tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng

- Năm học 2022 - 2023: Tổng số 10 lớp các khóa 11, 12, 13;
- Năm học 2023 - 2024: Tổng số 15 lớp các khóa 12, 13, 14.
- Năm học 2024 - 2025: Tổng số 18 lớp các khóa 13, 14, 15.
- Năm học 2025 - 2026: Tổng số 24 lớp các khóa 14, 15, 16.

(1.1.01. Bộ CTĐT ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2017, 2019, 2022 của trường CĐCN Bắc Ninh (CTĐT ban hành năm 2017 theo QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017; CTĐT ban hành năm 2019 theo QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019; CTĐT ban hành năm 2022 theo QĐ số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/08/2022); 5.2.01 - Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Điện – Điện tử; 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu ngành, nghề Tự động hóa công nghiệp; 5.2.03 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm, 2023, 2024, 2025).

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được phê duyệt, khoa Điện - Điện tử tiến hành xếp kế hoạch giáo viên cho từng lớp theo học kỳ đảm bảo tình khoa học, hiệu quả trong đào tạo và trên các trang thiết bị đầy đủ, hiện đại. Từ kế hoạch giáo viên theo năm học đó, phòng đào tạo phối hợp với khoa xếp thời khóa biểu, trên đó bố trí cụ thể từng ngày dạy và học, thời gian học, phòng học đối với môn học và xưởng thực hành đối với mô đun, đảm bảo không có sự chồng chéo về lớp, về giảng viên và xưởng thực hành. *(5.2.04. Diễn biến HSSV các năm 2022-2023, 2023-2024;2024-2025; 5.2.05. Quyết định biên chế các lớp năm học 2022-2023, 2023-2024;2024-2025; 3.2.03. Tiến độ đào tạo các năm học 2022-2023, 2023-2024;2024-2025, 2025-2026; 3.2.04. Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024;2024-2025, 2025-2026; 3.2.05. Thời khóa biểu theo tuần học của năm học 2022-2023, 2023-2024;2024-2025, 2025-2026)*

Trang thiết bị đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp, được đầu tư hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghệ mới như: Các thiết bị vi điều khiển khả trình PLC, các thiết bị khí nén - thủy lực, các bộ cảm biến, thiết bị đo lường...

Tuy nhiên, trong nhiều năm Nhà trường không được đầu tư về trang thiết bị đào tạo nên số lượng và chủng loại trang thiết bị phục vụ đào tạo bị thiếu hụt, đặc biệt là các mô đun mới cập nhật của ngành Tự động hoá công nghiệp chương trình chuẩn Đức. Để giải quyết khó khăn này cũng như có thể tiếp cận tốt nhất với sự phát triển của xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp, Nhà trường đã hợp tác liên kết với doanh nghiệp, tổ chức cho sinh viên đi học tập tại doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội tiếp cận với các trang

thiết bị, máy móc hiện đại. Trong các bản thỏa thuận giữa nhà trường và doanh nghiệp có chỉ rõ danh mục các trang thiết bị mà doanh nghiệp sẽ hỗ trợ nhà trường để phục vụ đào tạo cho sinh viên tại doanh nghiệp. (5.2.06- Các hợp đồng, biên bản ghi nhớ với Công ty điện tử Samsung Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng Hải, Công ty TNHH Goertek Vina, Công ty TNHH LG Display Hải Phòng....); 5.2.07- Các quyết định cử học sinh đi thực tập sản xuất tại các cơ sở các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 5.2.08- Sổ theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm; 5.2.09 - Thống kê số liệu HSSV các lớp, khóa học hàng năm).

Hàng năm, nhà trường cũng thực hiện công tác khảo sát, lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo về nội dung “Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo”. Đây là kênh thông tin để Nhà trường có định hướng cho công tác mua sắm trang thiết bị cho các năm tiếp theo. Kết quả khảo sát cho thấy sự phản hồi tích cực về cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp từ phía HSSV và nhà giáo (2.1.20 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 2.1.21 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 2.1.22 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Với tiêu chuẩn này nhà trường đánh giá là: Đạt
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp khi lắp đặt được bố trí tuân thủ khuyến nghị của nhà sản xuất ghi trong hồ sơ máy, tuân thủ các quy định an toàn và vệ sinh công nghiệp. Các thiết bị nặng của ngành Tự động hoá công nghiệp bố trí bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và môi trường sư phạm theo đúng công năng sử dụng, dễ tiếp cận để vận chuyển, bảo dưỡng và vẫn đủ không gian cho hướng dẫn thực hành, đặc biệt là các thiết bị được đầu tư từ các dự án của ODA, của GIZ được lắp đặt tại nhà xưởng Trung tâm Công nghệ cao.

Các thiết bị được bố trí theo dãy hoặc hàng (đối với các thiết bị có kích thước lớn). Giữa các hàng, dãy có lối đi rộng rãi từ 1,5 đến 2m, bàn học lý thuyết bố trí ở góc riêng

trong xưởng. Đối với các thiết bị có kích thước vừa hoặc nhỏ, thiết bị bố trí theo hình chữ U hoặc chữ L, bàn học lý thuyết bố trí ở giữa hoặc góc, có thể linh hoạt bố trí lại theo nhóm hay theo ý đồ dạy học của giáo viên vừa thuận tiện cho việc học lý thuyết và thực hành.(5.3.01- Sơ đồ bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành; 5.3.02 - Bộ ảnh chụp bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành).

Trong các xưởng thực hành Tự động hoá công nghiệp đều có Nội quy xưởng thực hành qui định về công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, bảng hướng dẫn vận hành sử dụng máy, phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn trong quá trình thực tập. Đối với các thiết bị có yêu cầu về an toàn trong vận hành như các thiết bị điện của ngành Tự động hoá công nghiệp đều có Hướng dẫn sử dụng cụ thể của nhà sản xuất hoặc quy trình vận hành gắn kèm với thiết bị ở vị trí dễ quan sát. Máy móc, thiết bị đều được gắn tem mác rõ ràng và được kiểm tra chặt chẽ (5.3.03 - Nội quy xưởng thực hành; 5.3.04 - Bộ ảnh chụp Hướng dẫn an toàn/Quy trình vận hành gắn trên các thiết bị; 5.3.05 - Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị).

Các thiết bị thực hành được quản lý chặt chẽ bởi bộ phận chuyên trách của trường và khoa Điện - Điện tử, do đó đảm bảo được an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị; dụng cụ trong xưởng thực hành được sắp xếp trong các tủ đựng dụng cụ ngăn nắp, gọn gàng (5.3.06 - Sổ theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm; 5.3.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa Điện - Điện tử; 5.2.03 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm 2023, 2024, 2025; 5.3.08 - Chứng nhận tiêu chuẩn an toàn của thiết bị thực hành; 5.3.09 - Quy định quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo).

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu. Sau mỗi buổi thực hành, HSSV được hướng dẫn thu dọn dụng cụ, vệ sinh thiết bị đúng quy định trong Nội quy xưởng thực hành. Việc thu gom rác thải sinh hoạt được tập trung vào các thùng rác bố trí hợp lý ở từng khu vực xưởng để Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Bắc Ninh đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo các Hợp đồng đã ký kết (5.1.02 - Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải với Công ty vệ sinh môi trường Bắc Ninh).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về xưởng, thiết bị, dụng cụ đào tạo. Được điều đánh giá “Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường” (2.1.20 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 2.1.21 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao

động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 2.1.22 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Với tiêu chuẩn này nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nguyên, nhiên vật liệu phục vụ đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện, tuân thủ các quy định an toàn và vệ sinh công nghiệp. Các nguyên, nhiên vật liệu nặng, chiều dài lớn bố trí bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và môi trường sư phạm theo đúng công năng sử dụng, dễ tiếp cận để vận chuyển và vẫn đủ không gian cho sắp xếp các vật liệu khác trong kho, nguyên, nhiên vật liệu được bố trí theo tầng trên giá hoặc được bố trí vị trí cố định, nhưng vẫn đảm bảo thông thoáng. Đối với các nguyên, nhiên vật liệu có kích thước vừa hoặc nhỏ, bố trí đặt trên giá hoặc trong tủ để đồ theo quy định, có thể linh hoạt bố trí lại theo nhóm hay theo ý đồ dạy học của giáo viên vừa thuận tiện cho việc sắp xếp vừa thuận tiện trong quá trình đào tạo. (5.4.01 - Bộ ảnh chụp bố trí nguyên, nhiên vật liệu tại kho).

Các năm 2020, 2021, 2022, 2023, nhà trường đã tổ chức rà soát lại định mức kinh tế-kỹ thuật các nghề trên cơ sở đối chiếu với định mức kinh tế-kỹ thuật các nghề và trình độ tương ứng trong các Thông tư do BLĐTBXH đã ban hành. Trường đã ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật của 11 nghề trong đó có ngành Tự động hoá công nghiệp (5.4.02 - Quyết định số 102/QĐ-CĐCN ngày 07/05/2022 Quyết định ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật các nghề năm 2022).

Trường cũng đã ban hành quy chế quản lý, cung ứng và sử dụng vật tư trong đào tạo theo quyết định số 65/QĐ-CĐCN ngày 12/2/2018, sửa đổi bổ sung bởi quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 21/01/2020. (5.4.03 - Quyết định 65/QĐ-CĐCN ngày 12/2/2024 Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo, Quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 21/01/2025 Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo).

Quy chế có 3 chương, 10 Điều, trong đó có quy định cụ thể về Công tác lập kế hoạch và mức tính vật tư (mức tính vật tư được tính trên cơ sở số giờ thực hành được tính theo tình hình thực tế trên ca học); Công tác cung ứng, Thủ tục cấp phát vật tư;

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vật tư; Việc thu hồi vật liệu sau thực tập.

Khi thiết bị, vật tư được nhập về đưa vào kho của Nhà trường để bảo quản, lưu giữ; các khoa khi lĩnh thiết bị, vật tư phải thực hiện đúng Quy chế cung ứng và quản lý vật tư đã ban hành. Giáo viên và Khoa Điện - Điện tử căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo lập dự trù vật tư cho các mô đun/môn học cho từng quý để nhà trường tổ chức mua sắm. Trên cơ sở dự trù vật tư được phê duyệt, khoa và giáo viên lập Giấy lĩnh vật tư trình Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng Kế toán, thủ kho xuất vật tư theo Giấy lĩnh vật tư để thực hiện kế hoạch đào tạo (5.4.04 - Dự trù vật tư quý các năm 2023, 2024, 2025; 5.4.05- Phiếu giao nhận vật tư quý các năm 2023, 2024, 2025).

Trường có hệ thống quản lý việc cấp phát vật tư, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật liệu do phòng TCHC phụ trách. Việc cấp phát, thu hồi vật tư, nhiên liệu thực hiện theo quý và được báo cáo để Hiệu trưởng phê duyệt (5.4.06- Biên bản đánh giá, thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập các năm 2023, 2024, 2025; 5.4.07 – Sổ quản lý, cấp phát, sử dụng, vật tư thực tập các năm 2023, 2024, 2025).

Kết thúc năm học, Khoa Điện - Điện tử có Báo cáo liên quan đến công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư trong năm; trong đó đánh giá việc cấp phát vật tư thực hiện đúng định mức và dự trù vật tư, đáp ứng yêu cầu thực tập của mô đun thực hành. (5.4.08- Báo cáo tổng kết năm của khoa Điện – Điện tử năm 2023, 2024, 2025).

Định kỳ tiến hành khảo sát giáo viên, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư. Việc cấp phát các vật tư, nhiên liệu thực hiện theo đúng quy định, kịp thời, không bị thất thoát hoặc sử dụng sai mục đích, đảm bảo đúng kế hoạch và tiến độ, đào tạo

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư về nội dung “Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả” được đánh giá rất tích cực (2.1.20 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 2.1.21 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 2.1.22 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Với tiêu chuẩn này nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: *Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

*** Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý**

Toàn bộ chương trình được ban hành năm 2017, 2019, 2022 đều có Giáo trình đào tạo được xây dựng chi tiết, đáp ứng được nhu cầu của người học. **(1.1.01-** *Bộ CTĐT ngành Tự động hoá công nghiệp năm 2017, 2019, 2022 của trường CĐCN Bắc Ninh (CTĐT ban hành năm 2017 theo QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017; CTĐT ban hành năm 2019 theo QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019; CTĐT ban hành năm 2022 theo QĐ số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/08/2022).* Thư viện của Nhà trường có đầy đủ giáo trình cho tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo ngành Tự động hóa công nghiệp, có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo cho người học. Từ năm 2018, Thư viện Trường đã thành lập các Tủ sách thư viện khoa, tủ sách này được đặt ở văn phòng khoa Điện - Điện tử tạo thuận lợi, mang lại hiệu quả tối ưu cho việc đọc, nghiên cứu tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập của giáo viên và HSSV. Theo số liệu thống kê, hiện tại Thư viện Trường có 2245 đầu sách các loại với số bản in 7503 bản in, trong đó số giáo trình các môn học/mô đun nghề đào tạo trường phê duyệt là 287 giáo trình với 1535 bản in, còn lại là sách tham khảo và các loại sách khác. Hàng năm, thư viện đều bổ sung thêm các giáo trình, tài liệu mới phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho các giáo viên và học sinh sinh viên. **(2.5.09 - Quyết định số 433a/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 Quyết định ban hành giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ năm 2022; 2.5.10 - Quyết định số 388/QĐ-CĐCN ngày 03/9/2025 Quyết định ban hành danh mục Giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2025; 2.5.11 - Bảng thống kê giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022, năm 2025; 2.5.12 - Bản in giáo trình ngành Tự động hoá công nghiệp trình độ cao đẳng năm 2022, năm 2025; 5.5.01- Quyết định thành lập Tủ sách Thư viện ở các Khoa chuyên môn; 5.5.02- Biên bản giao nhận sách tài liệu cho tủ sách thư viện khoa).**

Thư viện nhà trường được trang bị máy tính phục vụ công tác tra cứu, truy cập thông tin và quản lý thư viện **(5.5.03 - Danh mục trang thiết bị thư viện các năm 2023, 2024, 2025).** Hiện nay, Thư viện đang sử dụng phần mềm Quản lý thư viện trường học (SLIMS). Đây là một phần mềm với nhiều ưu điểm trong xử lý nghiệp vụ thư viện cũng

như quản lý, lưu thông tài liệu giúp cho Thư viện nhà trường hoạt động hiệu quả, góp phần tin học hoá công tác quản lý thư viện (**5.5.04** - *Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện*; **5.5.05** - *Ảnh chụp phần mềm quản lý Thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh*).

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường đã được số hóa và được cập nhật trên website và thư viện số của trường (**5.5.06** - *Danh mục giáo trình đã được số hóa của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh*; **5.5.07** - *Link sách, tài liệu tham khảo được số hóa*: <https://bci.edu.vn/tai-lieu-dien-tu.html>; <https://bci.edu.vn/gioi-thieu-sach-tai-lieu-ban-mem-hay.html>).

Năm 2021, nhận thấy tầm quan trọng của Thư viện điện tử, Nhà trường đã hợp tác với công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vi Na xây dựng, phát triển và khai thác thư viện số. Tất cả nội dung tài nguyên số có trong website <http://tailieu.vn> (hơn 1.700.000 tài liệu) đều được Thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp toàn quyền truy cập và sử dụng (**5.5.08** - Website <http://thuvienso.bci.edu.vn>; **5.5.09** - *Hợp đồng kinh tế số 35/VDOC-BCI*; **5.5.10**- *Ảnh chụp website thư viện số của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh*; **5.5.11**- *Các thông báo quy định hoạt động của thư viện / thư viện số*)

Như vậy, bạn đọc Thư viện của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có thể truy cập, download tài nguyên theo ý muốn trong số hơn 1.700.000 tài liệu của thư viện số phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

*** Thư viện, nguồn học liệu bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.**

Trường có đủ tài liệu, chương trình, giáo trình đã được phê duyệt, mỗi loại giáo trình đều có ít nhất 05 bản in tại Thư viện để phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập của giáo viên và học sinh sinh viên. Tất cả giáo trình lưu hành nội bộ của Trường được số hóa lên website và thư viện số của Trường (**5.5.12**- *Báo cáo tổng hợp của Trường CĐCN Bắc Ninh về Thư viện trường cho đào tạo ngành TĐHCN (bản in, số hóa CTĐT, giáo trình, TLTK...; **5.5.13** - <https://bci.edu.vn/danh-muc-giao-trinh-luu-hanh-noi-bo-2017.html>; <https://bci.edu.vn/danh-muc-giao-trinh-luu-hanh-noi-bo-2019.html>; <http://thuvienso.bci.edu.vn/chuong-trinh-giao-trinh/tat-ca-tai-lieu-chuong-trinh-giao-trinh-9138-0.html>).*

Hàng năm, có rất nhiều nghiên cứu khoa học của các giảng viên sử dụng, khai thác nguồn dữ liệu từ thư viện số; nhiều đề tài nghiên cứu khoa học xây dựng trên phần mềm LCMS đem thiết kế các bài giảng số, giảng dạy, đánh giá trực tuyến cho các môn

học, mô đun của Tự động hóa công nghiệp bổ sung vào kho học liệu số cho Thư viện số (5.5.14– *Quyết định công nhận đề tài nghiên cứu khoa học các năm 2023, 2024, 2025*).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư về nội dung “*Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo*” được đánh giá rất tích cực (2.1.20 - *Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*; 2.1.21 - *Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*; 2.1.22 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*).

Với tiêu chuẩn này nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: *Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện nhà trường được trang bị máy tính phục vụ công tác tra cứu, truy cập thông tin và quản lý thư viện (5.5.03 - *Danh mục trang thiết bị thư viện các năm 2023, 2024, 2025*). Hiện nay, Thư viện đang sử dụng phần mềm Quản lý thư viện trường học (SLIMS). Đây là một phần mềm với nhiều ưu điểm trong xử lý nghiệp vụ thư viện cũng như quản lý, lưu thông tài liệu giúp cho Thư viện nhà trường hoạt động hiệu quả, góp phần tin học hoá công tác quản lý thư viện (5.5.04 - *Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện*; 5.5.05 - *Ảnh chụp phần mềm quản lý Thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh*).

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường đã được số hóa và được cập nhật trên website và thư viện số của trường (5.5.06 - *Danh mục giáo trình đã được số hóa của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh*; 5.5.07 - *Link sách, tài liệu tham khảo được số hóa: <https://bci.edu.vn/tai-lieu-dien-tu.html>; <https://bci.edu.vn/gioi-thieu-sach-tai-lieu-ban-mem-hay.html>).*

Năm 2021, nhận thấy tầm quan trọng của Thư viện điện tử, Nhà trường đã hợp tác với công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vi Na xây dựng, phát triển và khai thác thư viện số. Tất cả nội dung tài nguyên số có trong website <http://tailieu.vn> (hơn 1.700.000 tài

liệu) đều được Thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp toàn quyền truy cập và sử dụng (5.5.08 - Website <http://thuvienso.bci.edu.vn>; 5.5.09 - Hợp đồng kinh tế số 35/VDOC-BCI; 5.5.10- Ảnh chụp website thư viện số của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh; 5.5.11- Các thông báo quy định hoạt động của thư viện / thư viện số)

Như vậy, bạn đọc Thư viện của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có thể truy cập, download tài nguyên theo ý muốn trong số hơn 1.700.000 tài liệu của thư viện số phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Hàng năm, có rất nhiều nghiên cứu khoa học của các giảng viên sử dụng, khai thác nguồn dữ liệu từ thư viện số; nhiều đề tài nghiên cứu khoa học xây dựng trên phần mềm LCMS đem thiết kế các bài giảng số, giảng dạy, đánh giá trực tuyến cho các môn học, mô đun của Tự động hóa công nghiệp bổ sung vào kho học liệu số cho Thư viện số nhằm nâng cao chất lượng đào tạo (5.5.12- Báo cáo tổng hợp của Trường CĐCN Bắc Ninh về Thư viện trường cho đào tạo ngành TĐHCN (bản in, số hóa CTĐT, giáo trình, TLTK...; 5.5.13 - <https://bci.edu.vn/danh-muc-giao-trinh-luu-hanh-noi-bo-2017.html>; <https://bci.edu.vn/danh-muc-giao-trinh-luu-hanh-noi-bo-2019.html>; <http://thuvienso.bci.edu.vn/chuong-trinh-giao-trinh/tat-ca-tai-lieu-chuong-trinh-giao-trinh-9138-0.html>; 5.5.14 – Quyết định công nhận đề tài nghiên cứu khoa học các năm 2023, 2024, 2025).

Với mục tiêu hội nhập khu vực và thế giới, khoa Điện - Điện tử đã được đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học đặc biệt dạy cho ngành Tự động hoá công nghiệp...để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học:

+ Các phần mềm ảo đang được sử dụng để giảng dạy ngành Tự động hoá công nghiệp được mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. (5.6.01 - Báo cáo các phần mềm đang sử dụng trong công tác đào tạo)

+ Phần mềm mô phỏng thực hành hoặc bài giảng, tài liệu giảng dạy có sử dụng phần mềm. (5.6.02 - Các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, màn chiếu ...; 5.6.03 - Hồ sơ giảng dạy của giáo viên liên quan đến sử dụng phần mềm 2023, 2024, 2025; 5.6.04 - Ảnh chụp các phần mềm).

+ Nhà trường giao cho khoa Điện - Điện tử quản lý và giảng dạy trên các phần mềm ảo, mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. (5.8.05 - Thông báo về việc sử dụng phần mềm giảng dạy).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư về nội dung “Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo” được

đánh giá rất tích cực (**2.1.20** - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **2.1.21** - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **2.1.22** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Với tiêu chuẩn này nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học		
Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	2,5	Đạt
Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2,5	Đạt
Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	Đạt
Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2,5	Đạt

*** Mở đầu:**

Người học luôn đóng vai trò trung tâm trong các hoạt động của nhà trường; các em đến trường học tập trong chương trình đào tạo bài bản, chuẩn đầu vào, đầu ra; ngay từ những ngày đầu vào trường các em đã được nhà trường phổ biến những nội quy, quy

chế, quy định, chế độ chính sách.... trong thời gian học tập đầu khóa; trong quá trình học tập, các em được hưởng các chế độ theo đúng các quy định; các em được tham gia tất cả các hoạt động: thi đấu thể thao, hoạt động văn nghệ, chào xuân, chào hè, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; các em được thầy cô các đơn vị, giáo viên chủ nhiệm tư vấn, hỗ trợ: cố vấn học tập, bảo hiểm y tế, bảo hiểm toàn diện, các hoạt động ngoại khóa, việc làm và tất cả các nội dung liên quan.

*** Những điểm mạnh:**

- Hàng năm sau khi nhập học, tất cả các em Học sinh, Sinh viên (HSSV) được tham gia học tập đầu khóa, được các thầy giáo, cô giáo các đơn vị liên quan như: phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV, phòng Quan hệ công chúng, BCH Đoàn thanh niên/Hội sinh viên và một số khoa chuyên môn phổ biến các nội quy, quy định, chế độ chính sách, cụ thể:

+ Phòng Đào tạo triển khai đầy đủ các văn bản liên quan về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

+ Phòng Công tác HSSV triển khai các văn bản quy định về quy chế công tác HSSV; các nội quy, quy chế của trường (quy chế công tác HSSV, quy chế ứng xử văn hóa, quy định không hút thuốc lá trong trường học, quy định ký cam kết không buôn bán vận chuyển, buôn bán, tàng trữ pháo nổ.....) và các văn bản về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học (quy định miễn giảm học phí; khen thưởng HSSV; quy định xét, cấp học bổng đầu khóa, học bổng rèn luyện....).

+ Phòng Quan hệ công chúng triển khai các thông tin về thị trường lao động, việc làm, quan hệ doanh nghiệp, đào tạo kép...

+ BCH Đoàn thanh niên/Hội sinh viên triển khai các hoạt động về 5S, tình nguyện, giảng dạy mô đun xanh, bảo vệ môi trường, các hoạt động xã hội, các chương trình về văn nghệ, thể thao, chào xuân, chào hè, khởi nghiệp...

- Trong quá trình học tập tại trường, tất cả các lớp HSSV được giáo viên chủ nhiệm lớp phổ biến, triển khai họp lớp để triển khai, thực hiện tất cả các văn bản, chế độ chính sách của nhà trường, như: bảo hiểm y tế, bảo hiểm toàn diện, quy định miễn giảm học phí, thủ tục miễn giảm học phí cho HSSV...

- Ngoài ra nhà trường còn thường xuyên triển khai các chương trình họp phụ huynh HSSV (trực tiếp hoặc online) vào đầu khóa và giữa kỳ để triển khai tất cả những vấn đề lớn liên quan đến HSSV, đảm bảo quyền và lợi ích cho HSSV.

- Trong nhiều năm qua trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh có mối quan hệ bền vững, tốt đẹp với các doanh nghiệp, công ty lớn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, một số tỉnh lân cận; Nhà trường có kế hoạch theo chương trình công tác năm, tổ chức tư vấn,

giới thiệu việc làm rất tốt cho HSSV, đảm bảo tỷ lệ việc làm sau khi ra trường đạt kết quả trên 98%.

- Các hoạt động giáo dục toàn diện cho HSSV (các chương trình văn nghệ, thể thao, kỹ năng mềm, ngoại ngữ ngoại khóa, startup kite, giáo dục truyền thống, giáo dục quốc phòng và an ninh, hiến máu, tình nguyện, các hoạt động xã hội....) được nhà trường rất quan tâm, chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức, thực hiện và đạt chất lượng cao.

- Tất cả các chương trình, hoạt động đều được BGH nhà trường kiểm tra, đánh giá trong các cuộc họp giao ban tuần, giao ban tháng của cán bộ chủ chốt, trong các cuộc họp giáo viên chủ nhiệm, trong các hội đồng thi đua khen thưởng; hiện nay nhà trường đưa sử dụng một số phần mềm quản lý, rất thuận tiện, nhanh, chính xác, nâng cao hiệu quả quản lý công việc, chất lượng công việc của nhà trường.

*** Những tồn tại:** Hiện nay HSSV nói chung và sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp (TĐHCN) có nhu cầu chơi đá bóng cao, tuy nhiên nhà trường chưa có sân bóng đá; nếu được đầu tư, thành lập sân bóng đá thì hoạt động phong trào, hoạt động ngoại khóa được tốt hơn.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên, đầu tư và xây dựng sân bóng đá cho HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 6</i>	<i>10 (mười) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.1</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.2</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.3</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.4</i>	<i>2,5 (Hai phẩy năm) điểm</i>

Tiêu chuẩn 6.1. Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.

Trước khi nhập học, trong quá trình học tập thì HSSV, phụ huynh HSSV... được tiếp cận các thông tin về nhà trường thông qua hệ thống thông tin trên bảng tin, website (<https://bci.edu.vn>), fanpage trường (Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh), giáo viên chủ nhiệm, phòng/khoa liên quan...

(6.1.01. Báo cáo về việc người học tiếp cận thông tin khi nhập học và trong quá trình học tập các năm 2022, 2023, 2024).

Sau khi HSSV hàng năm nhập học, các em HSSV sẽ được nhận các văn bản liên quan việc học tập đầu khóa, HSSV sẽ được các thầy giáo, cô giáo trình bày, phân tích các nội dung liên quan về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các văn bản quy định về quy chế công tác HSSV, các nội quy, quy chế của trường (quy chế ứng xử văn hóa, quy định không hút thuốc lá trong trường học, quy định ký cam kết không buôn bán vận chuyển pháo nổ, ký cam kết chấp hành an toàn giao thông.....) và các văn bản về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học (quy định miễn giảm học phí; khen thưởng HSSV; quy định xét, cấp học bổng đầu khóa, học bổng rèn luyện....).

(6.1.02. Các văn bản liên quan học tập đầu khóa hàng năm, thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh các năm 2022, 2023, 2024, 2025 và các văn bản liên quan).

Trong quá trình học tập, các em HSSV tiếp tục được giáo viên chủ nhiệm (GVCN) triển khai các văn bản liên quan về các nội quy, quy định về chế độ chính sách, các văn bản về những quy định của nhà trường thông qua sinh hoạt lớp, thông qua báo cáo tháng được gửi về phòng Công tác HSSV hàng tháng; bản mềm gửi về email: cthssv.bci@gmail.com; những nội dung này còn được triển khai trong các chương trình họp phụ huynh HSSV đầu khóa, giữa kỳ, hàng năm.

(6.1.03. Các quyết định về việc phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 và báo cáo công tác GVCN hàng tháng).

Các văn bản thể hiện nội quy, quy chế của trường:

(6.1.04. Quy định ban hành của Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về CTHSSV, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập (Các QĐ v/v ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập; v/v ban hành thực hiện CTĐT, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; v/v ban hành Quy chế công tác HSSV và các văn bản, kế hoạch liên quan)

Hàng năm nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát, tiến hành khảo sát, lấy ý kiến người học và các thành phần liên quan; kết quả khảo sát đều có kết quả hài lòng và rất hài lòng.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.2. Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Hàng năm nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, giao nhiệm vụ triển khai, tuyên truyền, thực hiện các chế độ, chính sách cho HSSV; phòng Kế toán phối hợp phòng Công tác HSSV và các đơn vị liên quan thực hiện.

(6.2.01. Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa liên quan về việc thực hiện chế độ chính sách theo quy định được thể hiện trong quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh các năm 2023, 2024, 2025).

Hàng năm nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, thực hiện đầy đủ việc miễn giảm học phí/hỗ trợ học phí học nghề cho các đối tượng HSSV học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh theo quy định của chính phủ. Trong các năm vừa qua, HSSV nhà trường và sinh viên ngành TĐHCN đóng học phí thông qua hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản; HSSV năm thứ nhất sẽ đóng học phí năm thứ nhất từ khi nhập học; HSSV các năm tiếp theo sẽ đóng học phí theo năm học đảm bảo đúng các quy định của nhà trường, của Bộ lao động-Thương binh và xã hội, của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ tài chính và các văn bản nhà nước quy định khác có liên quan.

(6.2.02. Các thông báo về việc thực hiện thu học phí và thông báo miễn giảm học phí các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Trong những năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 nhà trường ban hành thông báo, quyết định thực hiện nghị quyết số 10 và nghị quyết số 05 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh, quy định việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí cho HSSV đang học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

(6.2.03. Các thông báo về việc quy định hỗ trợ học phí theo nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 29/9/2021 và nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND, ngày 28/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các quyết định quy định, thực hiện chi hỗ trợ học phí học nghề tại trường).

Trong quá trình học tập, những HSSV học tập và rèn luyện tốt được Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường họp, báo cáo, trình Hiệu trưởng để được xem xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trong đó có nhiều sinh viên ngành TĐHCN được xét, cấp học bổng theo năm học.

- Năm học 2022-2023: Sinh viên Nguyễn Đức Anh, lớp TĐHCN CDK12A2, được cấp học bổng loại xuất sắc.

- Năm học 2023-2024: Sinh viên Nguyễn Thị Ngọc Linh lớp TĐHCN CĐ-K13A2 được cấp học bổng loại Giỏi.

- Năm học 2024-2025 Hội đồng đào tạo Nhà trường đã họp, xét ngày 25/11/2025.

(6.2.04. Các văn bản quy định cấp học bổng, quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và các quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập).

Trong quá trình học tập, những HSSV đạt thành tích cao như: tốt nghiệp thủ khoa, tốt nghiệp loại giỏi/xuất sắc khi ra trường, đạt kết quả cao trong hội thi tay nghề các cấp, cuộc thi Startup Kite... sẽ được xem xét, khen thưởng; tổng hợp danh sách sinh viên ngành TĐHCN được khen thưởng, nội dung khen thưởng như sau:

- Năm 2023: Sinh viên Nguyễn Huy Hoàng, sinh viên Đào Quang Tùng lớp TĐHCN CĐK12A1 được khen thưởng 1.000.0000 đã có thành tích đạt giải nhì cuộc thi chung kết cấp trường cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” cấp trường năm 2023; Sinh viên Đặng Văn Trình, sinh viên Ngô Tuyên Quang lớp TĐHCN CĐK13A1 được thưởng 700.000 đồng đã có thành tích, đạt giải ba cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” cấp trường năm 2023; tập thể lớp TĐHCN CĐK13A1 được hỗ trợ 2.000.000 đồng tham dự chung kết Hello summer 2023, được khen thưởng 500.000 đồng – đạt giải khuyến khích cuộc thi chung kết Hello summer 2023; 17 sinh viên ngành TĐHCN được tặng giấy khen – đã tốt nghiệp loại xuất sắc, loại giỏi khóa học 2020-2023; 03 sinh viên (Nguyễn Văn Hải TĐHCN CĐK12A1 đạt giải nhì, khen thưởng 200.000 đồng; Nguyễn Đức Anh – TĐHCN CĐK12A2 đạt giải ba, được khen thưởng 100.000 đồng kỳ thi kỹ năng nghề cấp trường năm 2023).

- Năm 2024: Sinh viên Đào Quang Tùng lớp TĐHCN CĐK12A1 tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc.

- Năm 2025: Sinh viên Nguyễn Thế Thành lớp TĐHCN CĐK13A1 tốt nghiệp thủ khoa loại xuất sắc; sinh viên Hoàng Văn Phú lớp TĐHCN CĐK13A1, Ngô Tuyên Quang lớp TĐHCN CĐK13A2 tốt nghiệp loại xuất sắc; tập thể lớp TĐHCN CĐK15A5 đạt giải nhất chung kết Hello summer 2025, được tặng chứng nhận và tiền thưởng 3.000.000 đồng; tập thể lớp TĐHCN CĐK15A3 đạt giải ba chung kết Hello summer 2025, được tặng chứng nhận và tiền thưởng 1.500.000 đồng; lớp TĐHCN CĐK15A5 đạt giải nhất chung kết cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, được tặng chứng nhận và kinh phí khen thưởng 2.000.000 đồng.

(6.2.05. Các quyết định khen thưởng các năm 2022, 2023, 2024, 2025: QĐ khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp thủ khoa loại giỏi; QĐ công nhận kết quả thi, khen thưởng cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN”, khen thưởng cuộc thi Hello summer hàng

năm; các quyết định khen thưởng HSSV thi kỹ năng nghề, HSSV có thành tích xuất sắc trong năm học).

Ngoài ra nhà trường còn ban hành một số văn bản liên quan về việc hỗ trợ học sinh, sinh viên; hàng năm phòng Công tác HSSV là đơn vị đầu mối, kết hợp với các tổ chức Đoàn thể (Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường), giáo viên chủ nhiệm và các Phòng, Khoa rà soát HSSV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà nhân các dịp như: ngày truyền thống HSSV, chuẩn bị đón tết nguyên đán, HSSV bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19....; đã tặng quà cho nhiều HSSV:

(6.2.06. Các quyết định, hình ảnh liên quan về việc “Hỗ trợ học sinh, sinh viên”).

Hàng năm HSSV nhà trường được các tổ chức Quốc tế như: Acecook, Dreamtech, Wooriban, BIDV, Elis, Hessen, Korea food, GIZ, Acecook, các doanh nghiệp.... hỗ trợ các gói học bổng, HSSV được nhận bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; một số sinh viên ngành TĐHCN nhận học bổng như:

TT	Họ và tên	Lớp	QĐ số, ngày/ nội dung	Kinh phí (VNĐ)
1	Nguyễn Thị Ngọc Linh	TĐHCN CĐ-K13A2	Số 666/QĐ-CĐCN, ngày 30/12/2024	14.280.000
2	Nguyễn Văn Bắc	TĐHCN CĐK15A1	Số 247/QĐ-CĐCN, ngày 28/5/2025 (HB Dreamtech)	3.000.000
3	Nguyễn Đức Cường	TĐHCN CĐK15 A1	Số 247/QĐ-CĐCN, ngày 28/5/2025 (HB Dreamtech)	3.000.000
4	Nguyễn Bá Vinh	TĐHCN CĐK15A3	Số 247/QĐ-CĐCN, ngày 28/5/2025 (HB Dreamtech)	3.000.000
5	Nguyễn Thành Đạt	TĐHCN CĐK16	Số 391/QĐ-CĐCN, ngày 04/9/2025 (HB Wooribank)	2.000.000
6	Triệu Minh Vũ	TĐHCN CĐK16	Số 391/QĐ-CĐCN, ngày 04/9/2025 (HB Wooribank)	2.000.000
7	Nguyễn Văn Bắc	TĐHCN CĐK15A1	Số 409/QĐ-CĐCN, ngày 10/9/2025	9.000.000

			(HB Acecook)	
8	Ngô Xuân Thủy	TĐHCN CĐK15A7	Số 409/QĐ-CĐCN, ngày 10/9/2025 (HB Acecook)	9.000.000
9	Ma Quang Tổ	TĐHCN CĐK16A8	Số 467/QĐ-CĐCN, ngày 08/10/2025 (HB Dreamtech)	3.000.000

(6.2.07. Một số quyết định trao học bổng, một số hình ảnh, đường link sinh viên nhận học bổng của các tổ chức trao các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Trong quá trình HSSV học tập tại trường, các em HSSV, sinh viên ngành TĐHCN được tạo điều kiện thuận lợi về công tác y tế, khám sức khỏe đầu khóa, bảo hiểm y tế, chăm sóc y tế, đảm bảo an ninh trường học...; phòng y tế được bố trí vị trí làm việc thuận lợi (tầng 1 nhà Hiệu bộ), phòng Công tác HSSV được bố trí làm việc tại phòng 107 nhà C để HSSV có các điều kiện thuận lợi khi có các đề nghị liên quan: về sức khỏe, xác nhận việc di chuyển nghĩa vụ quân sự, đi xe bus, ở ký túc xá, xác nhận là con đối tượng thương bệnh binh và các nội dung liên quan khác...

Căng tin nhà trường được bố trí thuận tiện, sạch sẽ, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, 5s, giá dịch vụ hợp lý; căng tin được bố trí tại tầng 1 khu nhà B, với diện tích 300 m²; được trang bị đầy đủ điện, nước, ánh sáng, bàn ghế; trang thiết bị hàng năm đều được nhà trường nâng cấp... đảm bảo cho CBGV, HSSV nhà trường và sinh viên ngành TĐHCN sử dụng dịch vụ được thuận tiện, hài lòng.

(6.2.08. Báo cáo tổng kết các năm 2022, 2023, 2024 v/v thực hiện công tác y tế).

Hiện nay tỉnh Bắc Ninh xây dựng khu nhà ở sinh viên, đưa vào sử dụng từ năm 2011, với 3 tòa nhà 8 tầng, tại trung tâm thành phố Bắc Ninh (cũ), thuận tiện giao thông, cách trường 2.0 km; đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chỗ ăn, ở, sinh hoạt, khu vui chơi, luyện tập thể thao, căng tin, phòng tập thể hình, các điều kiện về an ninh, trông giữ xe cho HSSV các trường, HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và sinh viên ngành TĐHCN.

(6.2.09. Các văn bản liên quan KTX các năm 2022 đến 2025 của trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh).

Hàng năm nhà trường triển khai, thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người học; số tiền miễn học phí học nghề và cấp học bổng trong các năm học:

(6.2.10. Báo cáo thực hiện chế độ chính sách đối với người học các năm 2022, 2023, 2024 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Hàng năm Nhà trường thực hiện lấy ý kiến của người học, người đã tốt nghiệp về việc thực hiện các chế độ chính sách khen thưởng, đãi ngộ người đang học tập tại trường, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.3. Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

Hàng năm nhà trường đều triển khai, chỉ đạo giao cho phòng Công tác Học sinh, Sinh viên là đơn vị chủ trì, tham mưu, triển khai và phối hợp với các đơn vị phòng, khoa thực hiện phân công giáo viên chủ nhiệm đến các lớp; giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm tư vấn học tập, phối hợp triển khai các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

(6.1.03. Các quyết định về việc phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 và báo cáo công tác GVCN hàng tháng).

Hàng năm nhà trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng đơn vị phòng, khoa; các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm.... được giao cho đơn vị phòng Quan hệ công chúng:

(6.3.01. Nội dung thể hiện về việc giao nhiệm vụ, chức năng làm việc cho đơn vị phòng Quan hệ công chúng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường các năm 2023, 2024, 2025).

Trong quá trình học tập và chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, nhà trường đã có các văn bản, kế hoạch tổ chức phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện tư vấn, tuyển dụng.

(6.3.02. Hồ sơ tư vấn, tuyển dụng việc làm cho HSSV các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các quyết định, kế hoạch, thông báo, chương trình tư vấn, tuyển dụng việc làm cho HSSV).

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có mối liên hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, trong đó có sự gắn kết chặt chẽ với công ty TNHH SamSung; dưới đây là các văn bản liên quan về kế hoạch, chương trình hợp tác, kết quả tuyển dụng, trong đó có các sinh viên ngành TĐHCN.

(6.3.03. Các văn bản hợp tác, kết quả hợp tác giữa trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh với công ty TNHH SamSung các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Hàng năm nhà trường tổ chức một số hội thảo liên quan nội dung kết nối nhà trường, doanh nghiệp.

(6.3.04. Một số chương trình, hội thảo giữa Nhà trường, doanh nghiệp, tư vấn nghề nghiệp các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Một số hình ảnh kèm theo về các hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng các năm 2022, 2023, 2024, 2025 được công khai trên website và fanpage trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Một số đường link, hình ảnh kèm theo về các hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng các năm 2022, 2023, 2024, 2025 được công khai trên website và fanpage trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

- Năm 2022:

<https://bci.edu.vn/co-hoi-nhan-hoc-bong-ky-thuat-vien-tai-nang-samsung-tiep-tuc-duoc-trao-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/bci-goertek-vina-trien-khai-nhung-buoc-dau-tien-trong-chuong-trinh-hop-tac-dao-tao.html>

<https://bci.edu.vn/hoi-thao-chuong-trinh-dao-tao-tai-doanh-nghiep-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/ki-ket-bien-ban-ghi-nho-hop-tac-dao-tao-giua-bci-va-so-cong-thuong-tinh-bac-ninh.html>

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-sinh-hoat-voi-chuyen-de-doi-moi-cong-tac-truyen-thong-va-tu-van-dinh-huong-nghe-nghiep-cho-thanh-nien-tao-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-phuc-vu-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-tinh-bac-ninh.html>

<https://bci.edu.vn/bci-goertekvina-ki-bien-ban-ghi-nho-hop-tac-dao-tao.html>

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-chia-se-thong-tin-ve-thi-truong-lao-dong-va-phong-van-tuyen-dung-danh-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/bci-va-cong-ty-tnhh-amkor-technology-viet-nam-ki-bien-ban-hop-tac.html>

<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-sinh-hoat-ngoai-khoa-chuyen-de-tu-duy-dinh-huong-nghe-nghiep-va-phat-trien-ky-nang-lam-viec-chuyen-nghiep-trong-thoi-ky-doi-moi.html>

<https://bci.edu.vn/doan-doanh-nghiep-nhat-ban-tham-va-lam-viec-tai-bci.html>

<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-tiep-tuc-nhan-hoc-bong-ky-thuat-vien-tai-nang-samsung.html>

- **Năm 2023:**

<https://bci.edu.vn/co-hoi-viec-lam-tai-goertek-vina-tiep-tuc-duoc-mo-ra-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-nang-cao-ky-nang-mo-rong-co-hoi-viec-lam.html>

- **Năm 2024:**

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-ky-nang-va-dinh-huong-nghe-nghiep-danh-cho-sinh-vien-bci-do-lq-display-viet-nam-to-chuc.html>

- **Năm 2025:**

<https://bci.edu.vn/bci-goertek-vina-nhin-lai-thanh-cong-mo-hinh-lien-ket-3-ben-va-vach-ra-ke-hoach-hop-tac-giai-doan-moi.html>

<https://bci.edu.vn/bci-va-cayi-technology-buoc-dau-trong-hop-tac-chien-luoc-ve-dao-tao-va-cung-ung-nhan-luc.html>

<https://bci.edu.vn/goertek-vina-va-bci-bat-tay-nang-tam-nhan-luc-cong-nghe-khoi-dong-chuong-trinh-dao-tao-1-1-1-nam-hoc-2025-2026.html>

<https://bci.edu.vn/truong-cao-dang-cong-nghiep-bac-ninh-va-cayi-technology-viet-nam-ky-ket-hop-tac-chien-luoc-dao-tao-nhan-luc.html>

Nhà trường thực hiện công tác lần vết, trong đó HSSV ra trường có tỷ lệ việc làm cao. Kết quả khảo sát sinh viên ngành TĐHCN sau khi tốt nghiệp, ra trường, tỷ lệ việc làm cao:

(6.3.05. Hồ sơ khảo sát việc làm, lần vết các năm 2022, 2023, 2024, 2025 đối với HSSV sau khi tốt nghiệp).

Các doanh nghiệp tham gia hợp tác với nhà trường trong nhiều năm gần đây luôn có sự gắn kết chặt chẽ, phối hợp với nhà trường thực hiện các nội dung như:

- Hợp tác nghiên cứu khoa học, thẩm định chương trình, giáo trình.
- Hợp tác tham quan, trải nghiệm thực tế, thực tập tại doanh nghiệp.
- Chương trình đào tạo kép.
- Chương trình 5S.
- Chương trình cấp học bổng khuyến khích học tập.
- Chương trình tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển dụng lao động...

(6.3.06. Hồ sơ tuyển dụng SV tốt nghiệp các năm 2022, 2023, 2024, 2025 (Các thông báo, công văn tuyển dụng của các doanh nghiệp; Báo cáo tổng hợp các doanh nghiệp tham gia các hoạt động hợp tác với trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh, kết quả hoạt động gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp các năm 2022, 2023, 2024).

Trong quá trình học tập tại trường, HSSV được tạo điều kiện tích cực tham gia

các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao:

- Các hoạt động văn hóa văn nghệ:

+ Hoạt động như chào xuân, chào hè (đây là 2 hoạt động đã bước sang năm thứ 11 liên tiếp, tính từ năm 2015 đến nay) là sân chơi để các em HSSV được thể hiện tài năng thuyết trình, thời trang, văn nghệ (chính), võ thuật và các hoạt động xã hội...

+ Các hoạt động biểu diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ khai giảng năm học mới, chương trình chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, chương Lễ bế giảng năm học, chương trình thi kỹ năng nghề, chương trình thi giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp các cấp...

+ Hội thi tiếng hát các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Các hoạt động thể thao: Các giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, kéo co, nhảy bao bố, đua thuyền trên cạn, đẩy gậy, đi xe đạp chậm...

- Các thông tin về tổ chức hoạt động:

+ Các hoạt động được tổ chức tại trường, cụ thể: Khu vực sân trường nhà C (phía trước nhà 5 tầng); khu vực sân nhà D (phía trước nhà 2 tầng); Hội trường B (diện tích 300 m²); trung tâm văn hóa thể thao BCI (diện tích 800 m²)

+ Các địa điểm đã tổ chức khác: Sân bóng đá sinh viên (ký túc xá sinh viên Y Na); Sân bóng đá Đại Phúc, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh...

- Các trang thiết bị phục vụ các hoạt động: Có hệ thống loa công suất lớn, âm ly, âm thanh tốt; 01 loa điện tử di động; loa cầm tay; 02 sân bóng chuyền; 01 sân bóng rổ; 03 sân cầu lông; 01 bàn bóng bàn.... Có đầy đủ các điều kiện tổ chức các môn như bóng chuyền, cầu lông, bóng đá...

(6.3.07. Báo cáo tổng hợp các thông tin về khu thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ các năm 2022, 2023, 2024).

Trong nhiều năm gần đây, sinh viên nghề TĐHCN rất tích cực tham gia các hoạt động và đạt thành tích cao, cụ thể:

- Năm 2022 đội bóng đá sinh viên trường đạt giải nhất bóng đá lần thứ VII do Đoàn khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh (trận chung kết thắng đội bóng đá sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Bắc Ninh với tỷ số 3-1).

- Năm 2023: Tổ chức giải bóng đá, cầu lông, bóng chuyền nhân dịp kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2023), chào mừng 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2023).

- Năm 2024: Tổ chức giải bóng đá nhân dịp kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2024), tham dự giải bóng đá Hội sinh viên tỉnh

Bắc Ninh; giải bóng đá chào mừng 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2024).

- Năm 2025: Tổ chức giải bóng đá, cầu lông nhân dịp kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2025); tổ chức giải chạy, cầu lông, kéo co, bóng chuyền nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập trường (1970-2025), kỷ niệm 43 năm ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2025).

(6.3.08. Hoạt động văn nghệ, thể thao các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các kế hoạch, quyết định, thể lệ, ảnh, đường link kèm theo hoạt động liên quan).

Hàng năm nhà trường đều tổ chức chương trình Hello Summer; đây là hoạt động thường niên, thu hút được đông đảo các em HSSV trong trường tham gia; các đội tham gia chương trình sẽ thể hiện các phần thi như: chào hỏi, trình diễn tài năng, hùng biện, các hoạt động xã hội. Tại vòng thi chung kết Hello Summer các năm, BTC có mời các ông/bà có nhiều kinh nghiệm và hoạt động sáng tạo nghệ thuật về làm BGK như: Bà Ngô Thị Kim Tiên, bà Nguyễn Thị Lan - PTP văn nghệ đài PTTH tỉnh Bắc Ninh, ông Nguyễn Lâm Hoàng – PTP văn nghệ đài PTTH tỉnh Bắc Ninh, NSUT Thu Hồng - PHT trường trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh, thầy Nguyễn Đức Lưu...

(6.3.09. Hoạt động Hello summer các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các kế hoạch, quyết định, link chương trình).

Từ năm 2020 đến nay, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã tổ chức chương trình ý tưởng khởi nghiệp, những sinh viên ngành TĐHCN đạt thành tích cao trong chương trình, cụ thể:

- **Năm 2023:** Có 20 dự án/ý tưởng tham dự vòng bán kết cấp trường, đã lựa chọn 10 dự án/ý tưởng tham dự vòng chung kết cấp trường, dự kiến tổ chức thi tháng 8/2023. Hiện tại nhà trường có thầy Trần Văn Thực – Phó Hiệu trưởng, hiện đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch CLB Đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh Bắc Ninh, trưởng ban vận động CLB đầu tư và khởi nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng, THCN, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- **Năm 2024:** Bước sang năm thứ 5 liên tiếp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức cuộc thi về “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN”; năm 2024 có 20 dự án tham dự vòng thi bán kết cấp trường, BTC đã lựa chọn 10 dự án tham dự vòng thi chung kết cấp trường, kết quả cụ thể:

+ 01 giải nhất: CLB Startup Kite IT BCi, dự án Xây dựng nền tảng thương mại điện tử “Chợ Bắc Ninh”.

+ 02 giải nhì: Lớp ĐCN CĐK13A1, dự án Chế tạo nồi hơi tự động điều chỉnh hơi, nhiệt, áp suất, tiết kiệm năng lượng; Lớp CGKL CĐK13A1, CGKL CĐK14A1 dự án Xưởng chế tạo khuôn.

+ 03 giải ba: Lớp KTCBMA K41B dự án Kinh doanh đồ uống tốt cho sức khỏe HEALTHY DRINK; Lớp CNTT CĐK13A1 dự án Kinh doanh, thiết kế và phục hồi các sản phẩm Decor online - RT Décor; Lớp Cơ ĐT CĐK13A2 dự án Xưởng sửa chữa thiết bị công nghiệp.

+ 04 giải khuyến khích thuộc về các lớp: TMĐT CĐK14A2, ĐTCN CĐK13A4, TMĐT CĐK13A2, CN CTM CĐK14.

- Kết thúc vòng thi chung kết khởi nghiệp cấp trường, với các dự án đạt giải cao được nhà trường đăng ký cuộc thi khởi nghiệp các cấp, cụ thể:

+ Có 03 dự án lọt vòng thi chung kết cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo thanh niên Bắc Ninh; có 01 dự án đạt giải nhì, 02 dự án đạt giải tiềm năng.

+ Các dự án tiếp tục đăng ký tham dự cuộc thi về khởi nghiệp các cấp: Cuộc thi **Vietfuture 2024**, cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo **Techfest 2024**, cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” toàn quốc 2024.

- Cũng trong năm 2024, nhà trường chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn về kiến thức khởi nghiệp cho HSSV nhà trường:

+ Phối hợp Sở công thương, tổ chức cho 60 sinh viên tham dự chương trình khởi nghiệp về thương mại điện tử tỉnh Bắc Ninh ngày 15/10/2024 tại trung tâm văn hóa Kinh Bắc.

+ Phối hợp Sở khoa học công nghệ Bắc Ninh tổ chức tập huấn cho 120 sinh viên về khởi nghiệp, ngày 25/10/2024 tại Hội trường B trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

+ Tổ chức tập huấn về khởi nghiệp cho HSSV vào các chương trình giảng dạy đầu khóa, các chuyên đề theo tháng, theo quý trong năm.

- Năm 2025: Bước sang năm thứ 6 liên tiếp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức cuộc thi về “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”; năm 2025 có 19 dự án tham dự vòng thi bán kết cấp trường, nhà trường đã lựa chọn 12 dự án tham dự vòng thi chung kết cấp trường, kết quả cụ thể:

+ 01 giải nhất: Lớp TĐHCN CĐK15A5.

+ 02 giải nhì: Lớp TMĐT CĐK15; Lớp CNOT CĐK16A2.

+ 03 giải ba: Lớp TMDT CĐK14; Lớp CNOT CĐK15A3; Lớp CNCTM CĐK15.

+ 06 giải khuyến khích: Lớp CGKL K41B, CĐT CĐK14A2, CGKL CĐK15A2; Lớp CDT CĐK16A1, ĐTCN CĐK15A2, TMĐT CĐK14, KTDN CĐK15A2; Lớp

TMĐT CĐK15; Lớp CGKL CĐK15A1; Lớp ĐTCN CĐK14A2; Lớp KTCBMA K41B, KTCBMA K43B2.

- Kết thúc vòng thi chung kết khởi nghiệp cấp trường, với các dự án đạt giải cao được nhà trường đăng ký cuộc thi khởi nghiệp các cấp, cụ thể:

+ Có 03 dự án lọt vòng thi chung kết cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo thanh niên Bắc Ninh”; có 01 dự án đạt giải ba, 02 dự án đạt giải khuyến khích.

+ Các dự án tiếp tục đăng ký tham dự cuộc thi về khởi nghiệp các cấp.

- Cũng trong năm 2025, nhà trường chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn về kiến thức khởi nghiệp cho HSSV nhà trường.

(6.3.10. Hoạt động khởi nghiệp (Startup kite) các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các quyết định, thông báo, biên bản, ảnh, đường link).

Bảng tổng hợp tóm tắt một số nội dung liên quan việc tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao:

Kế hoạch/QĐ/TB	Nội dung hoạt động	Kết quả thực hiện
Năm 2023		
KH số 01/KH-CĐCN, ngày 09/01/2023	Tổ chức chào xuân Quý Mão 2023	Có 05 tiết mục văn nghệ chào mừng
QĐ số 181/QĐ-CĐCN, ngày 18/4/2023	Thành lập đội văn nghệ tham gia Hội diễn các cơ sở GDNN năm 2023	Có 08 CBGV và 34 HSSV tham gia đội văn nghệ; kết quả đạt giải nhì toàn đoàn.
KH số 25/KH-CĐCN, ngày 28/3/2023	Tổ chức chương trình Hello summer 2023	Có 40 đội tham dự vòng sơ khảo chương trình thể hiện các phần: Hoạt động xã hội, tình nguyện; văn nghệ...
QĐ số 225/QĐ-CĐCN, ngày 15/5/2023	Công nhận KQ thi và chi hỗ trợ các đội tham dự chung kết Hello summer	38 đội tham dự vòng sơ khảo; chi hỗ trợ 33.500.000 đồng cho các đội dự vòng thi chung kết.
QĐ số 241/QĐ-CĐCN, ngày 19/5/2023	Công nhận kết quả thi, khen thưởng các đội dự thi chung kết Hello summer 2023	Có 10 đội tham dự vòng thi chung kết, có giải thưởng 12.000.000 đồng thưởng kèm theo.
QĐ số 288/QĐ-CĐCN, ngày 16/6/2023	Công nhận KQ thi và lựa chọn các dự án vào chung kết Startup kite.	Có 20 dự án, ý tưởng tham gia vòng bán kết; lựa chọn 10 dự án vào chung kết cấp trường.

QĐ số 455/QĐ-CĐCN, ngày 21/9/2023	Công nhận KQ thi, khen thưởng chung kết Startup kite 2023	Có 10 dự án tham dự chung kết; Tổng kinh phí khen thưởng là 8.100.000 đồng.
KH số 03/KH-HSV, ngày 22/6/2023; Báo cáo số 03/BC-HSV, ngày 23/8/2023	Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh	400 HSSV tham gia chiến dịch tình nguyện và tiếp sức mùa thi, các hoạt động chủ nhật xanh, mùa hè xanh năm 2023.
KH số 01/KH-ĐTN, ngày 17/02/2023	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đoàn	08 đội tham gia giải bóng đá.
Năm 2024		
Kế hoạch số 03/KH-HSV, ngày 11/01/2024	Tham dự giải bóng đá Hội sinh viên tỉnh	01 đội bóng đá sinh viên trường tham dự giải tại nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bắc Ninh.
Kế hoạch số 03/KH-ĐTN, ngày 02/3/2024	Tổ chức giải bóng đá kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn	12 đội tham gia giải bóng đá.
Kế hoạch 11 năm 2024	Tổ chức giải thi đấu bóng đá chào mừng 42 năm ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2024)	16 đội tham gia giải đấu
Năm 2025		
Kế hoạch số 71/KH-CĐCN, ngày 26/8/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.	Tổ chức hoạt động thể thao Chào mừng 80 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); 55 năm thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh (1970 - 2025); Lễ khai giảng năm học 2025 - 2026; Đại hội Thể dục thể	Tổ chức, thu hút nhiều HSSV các lớp tham dự

	thao cấp tỉnh Bắc Ninh lần thứ X, năm 2026	
Kế hoạch số 94/KH-CĐCN, ngày 03/11/2025	Tổ chức giải chạy việt dã “BCi hành trình 55 năm – Sức trẻ vươn xa” chào mừng kỷ niệm 55 năm ngày thành lập trường (1970 – 2025) và 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 – 20/11/2025)	
TB số 130/TB-CĐCN, ngày 07/11/2025	triệu tập HSSV và CBGV tham dự giải chạy việt dã “BCi hành trình 55 năm – Sức trẻ vươn xa” chào mừng kỷ niệm 55 năm ngày thành lập trường và 43 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam	Thu hút trên 500 vận động viên và trên 1500 cổ động viên cổ vũ giải chạy.

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ có liên quan.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.4. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.

Hàng năm nhà trường tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm (với các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng xin việc, kỹ năng viết CV xin việc, kỹ năng phỏng vấn xin việc, kỹ năng tìm kiếm việc làm...) giúp cho sinh viên cải thiện được việc học tập và khả năng có việc làm sau tốt nghiệp; các cuộc thi, ngoại ngữ ngoại khóa, cuộc thi về tin học,

chính trị Mác – Lê Nin... cho HSSV; có một số sinh viên chuyên ngành TĐHCN tích cực tham gia hoạt động:

(6.4.01. Hoạt động ngoại ngữ ngoại khóa, kỹ năng mềm các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các quyết định, kế hoạch, chương trình, đường link).

Hàng năm tất cả sinh viên các lớp Cao đẳng, trong đó có sinh viên ngành TĐHCN đều được Nhà trường phối hợp với trung tâm GDQP&AN – Đại học TĐTT (Tứ Sơn, Bắc Ninh) giảng dạy, học tập môn GDQP&AN; tại đây sinh viên các lớp ngành TĐHCN được học tập theo đúng quy chế đào tạo, các nội dung học tập như: tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao, bóng đá, sinh hoạt chính trị...

Đường link bài viết trên website trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc tổ chức tham gia học GDQP&AN:

- Năm 2023: <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-cao-dang-k14-tham-gia-khoa-dao-tao-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh.html>

- Năm 2024: <https://bci.edu.vn/hon-800-sinh-vien-cao-dang-k15-tham-gia-khoa-dao-tao-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh.html>

- Năm 2025: <https://bci.edu.vn/ket-thuc-thanh-cong-chuong-trinh-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh-nam-hoc-2025-2026-cho-hoc-vien-khoa-78.html>

Hàng năm nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác (tuyên truyền phổ biến pháp luật, tình nguyện, tuyên truyền an toàn giao thông, phòng chống ma túy...)

(6.4.02. Hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, tình nguyện, tuyên truyền phòng chống ma túy... trong các năm 2022, 2023, 2024, 2025)

Giáo dục truyền thống, giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho HSSV luôn được Đảng ủy, BGH nhà trường quan tâm, chỉ đạo; hàng năm tất cả HSSV nhà trường đều được định hướng, tổ chức đến thăm các địa chỉ cách mạng trong và ngoài tỉnh (Văn miếu Bắc Ninh, lăng Kinh Dương Vương, công viên tượng đài Nguyễn Văn Cừ, khu lưu niệm đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Đền Đô, đền thờ Lý Thường Kiệt, K9-Đá Chông, ATK.....)

(6.4.03. Chương trình, kế hoạch, quyết định thành lập Đoàn tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động GDTT hàng năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Hàng năm nhà trường đều tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện, bảo vệ môi trường, trồng mới, chăm sóc cây xanh; nhà trường chú trọng trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hiện tại trong khuôn viên nhà trường có nhiều ghế đá, ghế văng xích đu, có nhiều loại cây, hoa (Phượng, Bằng Lăng, Bạch Chanh, Đào, Tường Vy, Hồng, Cẩm Tú Cầu, Hồng Tú Cầu, Lan Hồ Điệp, Đỗ Quyên, Hải Đường, Sứ Quân Tử, Hoa Loa Kèn,

Én Hồng, Én Bạc, Mẫu Đơn, Bạch Trà, Trà Đỏ, Hoa Giấy, Lộc Vùng.....); môi trường cảnh quan sư phạm luôn được đầu tư, cải tạo... tạo niềm cảm hứng, tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học

(6.4.04. Các chương trình, kế hoạch, hình ảnh HSSV tham gia các hoạt động tình nguyện, trồng mới, chăm sóc cây xanh, hình ảnh liên quan việc môi trường, cảnh quan nhà trường được quan tâm, cải tạo, chăm sóc...)

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2022, 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	17.5/17.5 (100%)	Đạt
7.1	Tiêu chuẩn 1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2.5	Đạt
7.2	Tiêu chuẩn 2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến	2.5	Đạt
7.3	Tiêu chuẩn 3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu	2.5	Đạt

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
	của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.		
7.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng	2.5	Đạt
7.5	Tiêu chuẩn 5 Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng	2.5	Đạt
7.6	Tiêu chuẩn 6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng	2.5	Đạt
7.7	Tiêu chuẩn 7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2.5	Đạt

Là cơ sở đào tạo có uy tín của địa phương, Nhà trường luôn coi trọng vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo và khẳng định chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển. Với nhận thức trên Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã chủ động tự đánh giá chất lượng theo Thông tư 14/2024/TT-BLĐT BXH. Bên cạnh đó nhà trường chủ động tổ chức khảo sát tại các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người học nghề Tự động hóa công nghiệp sau tốt nghiệp cũng như khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, người học về công tác đào tạo cũng như các chính sách khác nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Công tác giám sát và đánh giá chất lượng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được vận hành đồng bộ theo nguyên tắc: Đo lường chính xác để cải tiến liên tục.

Về điểm mạnh: Nhà trường đã thiết lập được hệ thống quy trình pháp lý chặt chẽ và cơ chế kết nối doanh nghiệp hiệu quả, đảm bảo đầu ra thực tế với tỷ lệ có việc làm đạt trên 95%.

Những tồn tại: Nhà trường tổ chức khảo sát 100% tốt nghiệp nhưng số lượng phản hồi đạt khoảng 85%. Số lượng doanh nghiệp tham gia đóng góp xây dựng chương trình, giáo trình chỉ mới giới hạn trong một số doanh nghiệp có quan hệ mật thiết với trường.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trọng tâm trong giai đoạn tới là đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý dữ liệu và mở rộng mạng lưới kết nối cựu sinh viên.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm.

Khảo sát lấy ý kiến của 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người học đã tốt nghiệp, tổng hợp, phân tích, đánh giá các kết quả khảo sát làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của trường, của Khoa.

Duy trì, mở rộng và phát huy tốt hơn nữa mối quan hệ với các doanh nghiệp

Đây là những cơ sở then chốt để Nhà trường khắc phục hạn chế, tối ưu hóa quy trình và khẳng định vững chắc thương hiệu đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 7</i>	<i>17,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.1</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.2</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.3</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.4</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.5</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.6</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.7</i>	<i>2,5 điểm</i>

Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định chi tiết về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Tự động hóa công nghiệp tuân thủ quy trình khép kín (7.1.01 – QĐ ban hành quy trình xây dựng/điều chỉnh chương trình đào tạo); Các công cụ bảo đảm chất lượng bao gồm: hệ thống biểu mẫu, tiêu chí đánh giá, quy trình lấy ý kiến phản hồi và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định. Cơ chế rà soát, chỉnh sửa CTĐT được thiết lập định kỳ nhằm đảm bảo tính cập nhật

Sự tham gia đa chiều: Hội đồng thẩm định luôn có sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành và đại diện doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, đảm bảo CTĐT nghề Tự động hóa công nghiệp sát với thực tế sản xuất công nghiệp. (7.1.02 – Các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; 7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp/chuyên gia).

Vận hành thực tế: Trong năm học 2024-2025, Nhà trường đã thực hiện rà soát chương trình ngành Tự động hóa công nghiệp, cập nhật nội dung giảng dạy dựa trên các góp ý về công nghệ mới và kỹ năng nghề nghiệp (7.1.04 – Quyết định ban hành các CTĐT mới hoặc sửa đổi)

Ưu điểm: Hệ thống chính sách, quy trình đầy đủ, khoa học, dễ áp dụng và phù hợp với quy định hiện hành. Việc vận hành quy trình diễn ra nghiêm túc, minh bạch.

Hiệu quả: Công tác cải tiến CTĐT nghề Tự động hóa công nghiệp đã trở thành hoạt động thường xuyên, giúp nâng cao chất lượng đầu ra và đáp ứng tốt yêu cầu tuyển dụng.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo chất lượng của mọi hoạt động trong trường, hàng năm Trường đã lập kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, công tác cán bộ, công tác đánh giá phân loại viên chức... Nhà trường đã sử dụng nhiều loại phiếu khảo sát khác nhau để thu thập ý kiến nhằm đánh giá một cách khách quan nhất; Bên cạnh việc thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, Nhà trường còn lấy ý kiến từ người học nghề Tự động hóa công nghiệp để đánh giá chất lượng đào tạo và các chính sách liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá cao công tác đào tạo và phục vụ của nhà trường. Các chính sách của nhà nước đối với người học nghề Tự động hóa công nghiệp được nhà trường thực hiện đầy đủ và có nhiều chính

sách thiết thực khuyến khích và hỗ trợ người học bao gồm: Thư viện, Ký túc xá, Y tế, Căng tin và các khu thể thao, giải trí.

Quy trình giám sát, kiểm tra tình trạng cơ sở vật chất (CSVVC) tại giảng đường, xưởng thực hành và khu vực sinh hoạt chung được quy định cụ thể. Các bộ phận chức năng thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất tình trạng trang thiết bị, vệ sinh và an toàn tại các khu vực học tập, rèn luyện *(7.2.01 – Sổ nhật ký theo dõi, kiểm tra phòng học, xưởng thực hành)*

Có các kênh tiếp nhận phản hồi thường xuyên về chất lượng dịch vụ từ người học và giảng viên. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ không chỉ dựa trên báo cáo nội bộ mà còn dựa trên kết quả khảo sát sự hài lòng của người học hằng năm. *(7.2.02 – Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về CSVVC và dịch vụ)*

Dựa trên dữ liệu đánh giá, Nhà trường đã thực hiện bảo trì, nâng cấp kịp thời các tiện ích (đặc biệt là hệ thống máy móc tại xưởng thực hành và wifi khu giảng đường), đảm bảo môi trường học tập hiện đại, tiện nghi. *(7.2.03 – Kế hoạch và biên bản nghiệm thu bảo trì, sửa chữa, nâng cấp thiết bị trong năm)*

Ưu điểm: Hệ thống tiện ích và dịch vụ hỗ trợ được đầu tư đồng bộ, vận hành ổn định. Quy trình phản hồi và xử lý sự cố diễn ra nhanh chóng, kịp thời.

Hiệu quả: Mức độ hài lòng của sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp về CSVVC và thái độ phục vụ ngày càng tăng, tạo động lực tốt cho công tác học tập và rèn luyện.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mong muốn chương trình đào tạo được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, nhà trường đã chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động bằng sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp. Hàng năm, Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động về chất lượng đào tạo tại trường qua lấy phiếu khảo sát. Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa vào nội dung sửa đổi chương trình. Qua báo cáo kết quả khảo sát đào tạo được đánh giá là đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Hàng năm, Trường có lập kế hoạch và tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp nghề Tự động hóa công nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. Việc thu thập ý kiến nhận xét được Trường thực hiện thông qua hình thức khảo sát bằng phiếu khảo sát. Từ những nhận xét đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp nghề Tự động hóa công nghiệp được Nhà trường sử dụng để điều chỉnh giáo trình, bài giảng đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học. Kết thúc đợt khảo sát Trường có báo cáo kết quả khảo sát trong đó phân tích rõ những mặt được và chưa được của giáo trình nghề Tự động hóa công nghiệp, từ đó làm căn cứ để BGH, các khoa có căn cứ để điều chỉnh giáo trình tạo điều kiện thực hiện phương pháp dạy học tích cực (1.2.03 - Bộ hồ sơ khảo sát các năm 2019, 2020, 2021).

Nhà trường thiết lập quy trình khảo sát định kỳ hàng năm đối với đơn vị sử dụng lao động (doanh nghiệp) và cựu sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp. Dữ liệu phản hồi được thu thập chủ yếu từ các doanh nghiệp tại các KCN Bắc Ninh – nơi tiếp nhận phần lớn sinh viên, đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy cao. *(7.3.01 – Phiếu khảo sát doanh nghiệp và cựu sinh viên)*

Phương thức thu thập đa dạng: Khảo sát trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp tại ngày hội việc làm, và lấy ý kiến trong các đợt thực tập doanh nghiệp.

Nội dung khảo sát tập trung vào: Năng lực thực nghề, kỹ năng mềm, thái độ làm việc và mức độ phù hợp của CTĐT nghề Tự động hóa công nghiệp.

Các ý kiến về sự thay đổi công nghệ, yêu cầu kỹ năng mới được Ban Giám hiệu và Khoa Điện- Điện tử phân tích kỹ lưỡng. *(7.3.02 – Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025)*

Kết quả phân tích là căn cứ bắt buộc để điều chỉnh chuẩn đầu ra, cập nhật giáo trình nghề Tự động hóa công nghiệp và đổi mới phương pháp giảng dạy hàng năm, đảm bảo không bị lạc hậu so với sản xuất. *(7.3.03 – Biên bản họp rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo có trích dẫn ý kiến từ doanh nghiệp; 7.3.04- Danh sách các doanh nghiệp đối tác thường xuyên phản hồi)*

Như vậy, khi có sự thay đổi, điều chỉnh CTĐT nghề Tự động hóa công nghiệp, Nhà trường đã kịp thời biên soạn, lựa chọn giáo trình phù hợp đảm bảo sẵn sàng tổ chức đào tạo theo quy định. Khi thực hiện rà soát, cập nhật có sự thay đổi về CTĐT, trường đã thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp đảm bảo yêu cầu theo đúng quy định (4.2.05 - *Quyết định phê duyệt và ban hành CTĐT các năm 2017, 2018, 2019, 2021; 4.11.01 - Các kế hoạch biên*

soạn, chỉnh sửa/lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.11.02 - Các quyết định thành lập Ban biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.11.03 - Phiếu nhận xét của chuyên gia về cấu trúc, đề cương, nội dung giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.04 – Biên bản hội thảo xin ý kiến chuyên gia về giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.05 – Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.11.06 - Các phiếu đánh giá, thẩm định giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.07 – Phiếu tiêu chí và mức độ đánh giá giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.08 - Biên bản họp của hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.09 - Tờ trình đề nghị phê duyệt, ban hành giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.10 - Phiếu đánh giá tài liệu lựa chọn làm giáo trình năm 2017, 2019, 2021; 4.11.11 - Biên bản họp thẩm định (đối với giáo trình lựa chọn) năm 2017, 2019, 2021; 4.11.12 - Tờ trình về việc đề nghị lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.10.01 - Các Quyết định phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo năm 2017, 2019, 2021; 4.10.02 - Danh mục giáo trình của Trường).

Kênh thông tin hai chiều giữa Nhà trường và Doanh nghiệp vận hành hiệu quả, thực chất mang lại hiệu quả là CTĐT được cập nhật liên tục giúp thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và thực tế, tỷ lệ sinh viên được doanh nghiệp đánh giá "Đạt" và "Tốt" ngày càng cao.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá và thực hiện quy trình tự đánh giá CTĐT nghề Tự động hóa công nghiệp định kỳ theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Sau mỗi đợt đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để khắc phục các tồn tại và phát huy điểm mạnh. Các biện pháp cải tiến được triển khai đồng bộ đến từng Khoa, Phòng ban. ***(7.4.01 – QĐ thành lập Hội đồng tự đánh giá)***

Căn cứ kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm, Tổ KT&KĐCL phối hợp với các đơn vị tham mưu Ban giám hiệu lên kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng như cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về sư phạm nghề; cử giáo viên tham gia kỳ thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên; cử giáo viên tham gia học tập và bồi dưỡng tại nước ngoài; cử giáo viên thăm quan/thực tập tại doanh nghiệp; mua sắm trang thiết bị đào tạo; chỉnh trang cơ sở vật chất...

Tính khách quan: Công tác tự đánh giá được thực hiện nghiêm túc, dựa trên hệ thống minh chứng xác thực và số liệu thống kê minh bạch, không chạy theo thành tích

Hành động cụ thể: Các biện pháp cải tiến tập trung giải quyết dứt điểm các khâu yếu (về cơ sở vật chất, năng lực giảng viên hoặc nội dung chương trình) đã được chỉ ra trong báo cáo. (7.4.02 – Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các năm 2022,2023,2024). Ban Giám hiệu theo dõi sát sao tiến độ thực hiện kế hoạch cải tiến, đảm bảo các cam kết nâng cao chất lượng được hiện thực hóa đúng hạn. (7.4.03 – Kế hoạch khắc phục hạn chế và nâng cao chất lượng sau tự đánh giá; 7.4.04- Báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến)

Ưu điểm: Hoạt động tự đánh giá đã đi vào nề nếp, trở thành công cụ quản lý chất lượng thường xuyên, không chỉ mang tính hình thức.

Hiệu quả: Nhờ quy trình cải tiến liên tục, chất lượng đào tạo của trường được nâng lên rõ rệt qua từng năm, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kiểm định.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thống kê chi tiết 3 chỉ số chính qua từng năm học: Tỷ lệ tốt nghiệp, Tỷ lệ bỏ học và Thời gian tốt nghiệp trung bình.

Dữ liệu được phân tích theo từng khóa, ngành học để so sánh, đối sánh với các năm trước và chỉ tiêu đề ra.

Quy trình cảnh báo học vụ và hỗ trợ sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp được kích hoạt dựa trên các dữ liệu này nhằm giảm thiểu tỷ lệ thôi học.

Tỷ lệ tốt nghiệp: Nhờ chất lượng đào tạo ổn định, tỷ lệ sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp đủ điều kiện tốt nghiệp hằng năm luôn duy trì ở mức cao, đạt trung bình 72,7% trên tổng số sinh viên dự thi (7.5.01 – Báo cáo tổng kết năm học 2023,2024,2025)

Kiểm soát bỏ học: Công tác hỗ trợ, cố vấn học tập hoạt động hiệu quả giúp tỷ lệ bỏ học/thôi học nghề Tự động hóa công nghiệp hiện được kiểm soát tốt, gần đây nhất thì tỷ lệ sinh viên thôi học đang ở mức 13,6%/năm (chủ yếu do lý do cá nhân hoặc sức khỏe). (7.5.02 - Danh sách sinh viên thôi học và biên bản xử lý học vụ năm 2023,2024,2025)

STT	Tên ngành nghề đào tạo	Năm 2025				Năm 2024				Năm 2023			
		SL TS	Đủ ĐK TN	SL thôi học	TL thôi học	SL TS	Đủ ĐK TN	SL thôi học	TL thôi học	SL TS	Đủ ĐK TN	SL thôi học	TL thôi học
1	Tự động hóa công nghiệp	103	89	14	13,6%	68	44	24	35,3%	54	49	5	9,3%

Bảng tổng hợp tỷ lệ sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp thôi học các năm 2023,2024,2025

Thời gian hoàn thành: Tỷ lệ sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp tốt nghiệp đúng thời hạn thiết kế của chương trình đạt trên 95%. Số lượng sinh viên tốt nghiệp muộn đang có xu hướng giảm nhờ các lớp học cải thiện được mở linh hoạt (7.5.03-Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2023,2024,2025)

Ưu điểm: Các chỉ số đào tạo đều nằm trong ngưỡng an toàn và đạt mục tiêu chất lượng. Tỷ lệ tốt nghiệp cao phản ánh quy trình đào tạo và đánh giá đầu ra được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Hiệu quả: Việc giám sát chặt chẽ giúp Nhà trường kịp thời can thiệp, hỗ trợ sinh viên yếu kém, đảm bảo quyền lợi và tiến độ học tập cho người học.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của HSSV nghề Tự động hóa công nghiệp sau khi tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, Trường đã thực hiện tiến hành điều tra lần vết đối với học sinh, sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp

Nhà trường đã xây dựng bộ công cụ đánh giá chuẩn đầu ra (CĐR) toàn diện, bao gồm: Kiến thức (thi/kiểm tra), Kỹ năng (thao tác thực hành tại xưởng), Năng lực tự chủ (đánh giá rèn luyện) và các chứng chỉ bắt buộc (Tin học) cho từng môn học và kỳ thi tốt nghiệp.

Quy trình khảo sát mức độ hài lòng được thực hiện với 3 đối tượng trọng tâm:

1. Người tốt nghiệp (Cựu sinh viên).

2. Đơn vị sử dụng lao động
3. Cán bộ quản lý, giảng viên

Cơ chế đối sánh: Dữ liệu thu thập được lưu trữ tập trung, có quy định về việc so sánh số liệu giữa các khóa học/năm học để thấy rõ biểu đồ tăng trưởng hoặc sụt giảm chất lượng.

Đạt chuẩn đầu ra: Quy trình thi, kiểm tra được giám sát chặt chẽ. 100% sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp được công nhận tốt nghiệp đều phải đạt đầy đủ các tiêu chí về kỹ năng nghề và năng lực ngoại ngữ/tin học theo quy định. (7.6.01- Báo cáo khảo sát học sinh sinh viên, giảng viên các năm 2023,2024,2025; 7.6.02- Báo cáo khảo sát cựu học sinh sinh viên các năm 2023,2024,2025)

Năm khảo sát	Số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát
Năm 2023	16
Năm 2024	16
Năm 2025	10

Bảng tổng hợp số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát các năm

Mức độ hài lòng: Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên trường đạt trên 90% (đặc biệt về kỹ năng thực hành). Tỷ lệ sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp hài lòng về chất lượng đào tạo đạt trên 90% (7.6.03- Báo cáo khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025)

Các mức đánh giá	Ý nghĩa của từng mức đánh giá (ý nghĩa các mức đánh giá có thể hiểu theo nội dung câu hỏi)			
	1	2	3	4
1	Hoàn toàn không đáp ứng	Hoàn toàn không đồng ý	Hoàn toàn không phù hợp	Rất không tốt
2	Phần lớn không đáp ứng	Phần lớn không đồng ý	Phần lớn không phù hợp	Không tốt
3	Đáp ứng mức trung bình	Không ý kiến	Bình thường	Bình thường
4	Đáp ứng	Đồng ý	Phù hợp	Tốt
5	Hoàn toàn đáp ứng	Hoàn toàn đồng ý	Hoàn toàn phù hợp	Rất tốt

Các mức đánh giá	Ý nghĩa của từng mức đánh giá (ý nghĩa các mức đánh giá có thể hiểu theo nội dung câu hỏi)			
		ý		

Các mức đánh giá trong phiếu khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025

Đối sánh để cải tiến: Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả này với các năm học trước. Qua đó, nhận diện xu hướng biến động (ví dụ: nhu cầu kỹ năng mềm tăng cao) để bổ sung ngay vào chương trình ngoại khóa. **(7.1.02 – Các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; 7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp/chuyên gia;7.3.04- Danh sách các doanh nghiệp đối tác thường xuyên phản hồi; 7.4.04- Báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến)**

Nội dung khảo sát 2023	Mức độ %				
	Hoàn toàn phù hợp	Phù hợp	Bình thường	không phù hợp	Hoàn toàn không phù hợp
Kiến thức, lý thuyết nghề	4 /16 (25%)	10 /16 (62,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Kỹ năng thực hành nghề	6 /16 (37,5%)	9 /16 (56,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thái độ làm việc	8 /16 (50%)	7 /16 (43,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Kỹ năng nắm bắt công nghệ và SX	9 /16 (56,25%)	6 /16 (37,5%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Đạo đức nghề nghiệp	4 /16 (25%)	10 /16 (62,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Quản lý nguồn lực	0%	15 /16 (93,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Sức khỏe và an toàn lao động	4 /16 (25%)	9 /16 (56,25%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Kỹ năng làm việc theo nhóm	1 /16 (6,25%)	13 /16 (81,25%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%

Nội dung khảo sát 2023	Mức độ %				
	Hoàn toàn phù hợp	Phù hợp	Bình thường	không phù hợp	Hoàn toàn không phù hợp
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	0%	15 /16 (93,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thu thập, xử lý và quản lý thông tin	2 /16 (12,5%)	14 /16 (87,5%)	0%	0%	0%
Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm	0%	13 /16 (81,25%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	1 /16 (6,25%)	13 /16 (81,25%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp,có tham vọng, có động lực (tính cầu tiến)	0%	14 /16 (87,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%

Nội dung khảo sát 2024	Mức độ %				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
Kiến thức, lý thuyết nghề	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Kỹ năng thực hành nghề	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Thái độ làm việc	3 /16 (18,75%)	11 /16 (68,75%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Kỹ năng nắm bắt công nghệ và SX	3 /16 (18,75%)	11 /16 (68,75%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Đạo đức nghề nghiệp	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Quản lý nguồn lực	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%

Nội dung khảo sát 2024	Mức độ %				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
Sức khỏe và an toàn lao động	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Kỹ năng làm việc theo nhóm	3 /16 (18,75%)	12 /16 (75,00%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thu thập, xử lý và quản lý thông tin	2 /16 (12,50%)	10 /16 (62,50%)	4 /16 (25,00%)	0%	0%
Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm	1 /16 (6,25%)	12 /16 (75,00%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	1 /16 (6,25%)	14 /16 (87,50%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp, có tham vọng, có động lực (tính cầu tiến)	1 /16 (6,25%)	15 /16 (93,75%)	0 /16 (0,00%)	0%	0%

STT	Nội dung đánh giá năm 2025	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Tổng tỷ lệ
I	Kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học	40%	50%	10%	0%	100%
1	Kiến thức chuyên môn	40%	50%	10%	0%	100%
2	Kỹ năng nghề nghiệp	30%	60%	10%	0%	100%
3	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	50%	40%	10%	0%	100%
II	Thái độ của người học	50%	40%	10%	0%	100%
1	Tinh thần trách nhiệm	50%	40%	10%	0%	100%
2	Quan hệ với đồng nghiệp	50%	40%	10%	0%	100%
III	Chương trình đào tạo (CTĐT)	38%	47%	15%	0%	100%

STT	Nội dung đánh giá năm 2025	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Tổng tỷ lệ
1	Có sự tham gia xây dựng CTĐT của doanh nghiệp	30%	50%	20%	0%	100%
2	Thời gian, khối lượng kiến thức... đáp ứng chuẩn đầu ra	40%	50%	10%	0%	100%
3	Cấu trúc CTĐT, danh mục các môn học, mô đun... phù hợp	40%	40%	20%	0%	100%
4	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung	30%	50%	20%	0%	100%
5	CTĐT được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định	50%	40%	10%	0%	100%
6	CTĐT thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực	50%	40%	10%	0%	100%
7	CTĐT thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun	40%	50%	10%	0%	100%
8	CTĐT thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên	30%	50%	20%	0%	100%
9	CTĐT thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập	40%	50%	10%	0%	100%
10	CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước	40%	50%	10%	0%	100%
11	CTĐT đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo	30%	50%	20%	0%	100%
IV	Giáo trình đào tạo	40%	47%	13%	0%	100%
1	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong CTĐT	40%	50%	10%	0%	100%
2	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	30%	50%	20%	0%	100%
3	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	40%	40%	20%	0%	100%

STT	Nội dung đánh giá năm 2025	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Tổng tỷ lệ
4	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	40%	50%	10%	0%	100%
5	100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành...	50%	40%	10%	0%	100%
6	Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun...	40%	50%	10%	0%	100%
7	Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	40%	50%	10%	0%	100%

Ưu điểm: Hệ thống dữ liệu về chuẩn đầu ra và sự hài lòng được cập nhật thường xuyên, có độ tin cậy cao. Việc đối sánh giúp công tác cải tiến đi đúng hướng, sát nhu cầu thực tế.

Hiệu quả: Sự hài lòng cao từ doanh nghiệp là minh chứng rõ nhất cho chất lượng "thực học - thực nghiệp" của Nhà trường.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường vận hành quy trình theo dõi tình trạng việc làm sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp sau tốt nghiệp (gồm: làm việc tại doanh nghiệp, tự khởi nghiệp, hoặc học liên thông).

Hoạt động khảo sát được thực hiện tại thời điểm 3 tháng, 6 tháng và chốt số liệu chính thức vào thời điểm 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

ST T	Tên ngành nghề đào tạo	Năm 2025 (03 – 06 tháng)		Năm 2024		Năm 2023	
		SL	TL VL	S L	TL VL	S L	TL VL
1	Tự động hóa công nghiệp	89	89,9%	44	90,9%	44	90,9%

Bảng tổng hợp tỷ lệ sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp có việc làm các năm 2023,2024,2025

Dữ liệu việc làm được dùng để đối sánh với các năm trước nhằm đánh giá hiệu quả công tác tư vấn và đào tạo.

Tỷ lệ việc làm: Tận dụng lợi thế vị trí tại "thủ phủ công nghiệp" Bắc Ninh và mạng lưới kết nối doanh nghiệp sâu rộng, tỷ lệ sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp có việc làm ngay sau khi ra trường luôn ở mức cao.

Số liệu thực tế: Kết quả khảo sát khóa gần nhất cho thấy 89.9% (đạt yêu cầu >80%) người học nghề Tự động hóa công nghiệp có việc làm ổn định trong vòng 12 tháng. Số còn lại chủ yếu tiếp tục học liên thông hoặc tự kinh doanh nhỏ (**7.6.02- Báo cáo khảo sát cựu học sinh sinh viên các năm 2023,2024,2025**)

Chất lượng việc làm: Phần lớn sinh viên nghề Tự động hóa công nghiệp làm việc đúng chuyên ngành đào tạo với mức thu nhập khởi điểm ổn định, được doanh nghiệp đánh giá tốt về kỹ năng nghề. (**7.3.02 – Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025**)

Ưu điểm: Chỉ tiêu về giải quyết việc làm được hoàn thành xuất sắc, vượt xa mức quy định tối thiểu (80%). Đây là điểm mạnh cốt lõi khẳng định thương hiệu của Trường.

Hiệu quả: Việc giám sát chặt chẽ tỷ lệ này giúp Nhà trường chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh và nội dung đào tạo sát với biến động của thị trường lao động địa phương.

Với tiêu chuẩn này, Nhà trường đánh giá là: Đạt
Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn: 2,5 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu, quản lý và tài chính

Nhà trường hoạt động với phương pháp quản lý chuyên nghiệp, mọi quá trình được đánh giá và thực hiện theo tiêu chuẩn ISO;

Mạng lưới doanh nghiệp được kết nối tới HSSV trong toàn bộ thời gian thực tập tốt nghiệp và sau khi ra trường;

Nhà trường sẽ có tổ tuyển sinh, tiếp thị đào tạo chuyên nghiệp và năng động đi cùng với các hoạt động truyền thông đa chiều để quảng bá hình ảnh nhà trường tới địa phương và doanh nghiệp;

Các đơn vị trực thuộc trường hoạt động dựa trên các quy trình ISO, cơ cấu tổ chức bền vững, có kế thừa đảm bảo cho mọi hoạt động của nhà trường được ổn định, phát triển;

Các GV, BC, CNV xác định rõ vị trí làm việc và được đánh giá công việc theo năng lực thực tại của chuẩn ISO;

Nhà trường sẽ có một đội ngũ giảng viên dạy nghề đạt chuẩn ASEAN;

Đảm bảo chất lượng đầu ra và giải quyết trên 90% HSSV có việc làm đúng chuyên ngành ổn định.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đẩy mạnh các hoạt động tuyển sinh, liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để đảm bảo nguồn lực tài chính của đơn vị ngày càng vững mạnh và phát triển.

2. Hoạt động đào tạo

Trường sẽ phát huy những điểm mạnh và khắc phục dần những tồn tại. Từ năm 2024 trở đi Trường sẽ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện tổ chức các hoạt động về đào tạo liên thông các cấp học trong nhà Trường; tiếp tục hợp tác với các trường đại học tiến hành đào tạo các cấp trình độ cao hơn như: đại học, thạc sĩ.... Tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm đưa các học viên đi thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế. Tăng cường trang thiết bị, máy móc thực hành tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều làm việc thực tế. Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo và việc làm; tìm hiểu các cơ hội để hợp tác quốc tế về đào tạo, tiếp thu các phương thức đào tạo hiện đại và phù hợp.

3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên

Trong những năm tới Nhà trường tiếp tục rà soát các quy chế, quy định có liên quan đến công tác cán bộ. Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trẻ nhằm mục tiêu tạo nguồn lực và đội ngũ kế cận có chất

lượng tốt để chủ động đáp ứng các nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong năm 2024, nhà trường đã tuyển mới một số giảng viên cho các khoa như: Điện - Điện tử, Công nghệ cơ khí, Kinh tế - CNTT. Đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức cho giảng viên của Trường tham gia đánh giá kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu được quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017.

4. Chương trình, giáo trình

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo tốt nhất phục vụ cho người học. Tiếp tục mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động của Nhà trường.

6. Dịch vụ cho người học

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên

7. Giám sát, đánh giá chất lượng

Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV. Tổ chức các buổi tọa đàm với nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và thường xuyên đổi mới phương pháp đào tạo theo kỹ năng nghề.

PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Công tác tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Tự động hoá công nghiệp là một quá trình xem xét và đánh dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN do Bộ LĐTB-XH ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về GDNN và hoạt động của các trường Cao đẳng hiện nay.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự của một môi trường GDNN lành mạnh, phù hợp, phát triển, rất cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đi vào nề nếp và chuẩn hoá. Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí KĐCL GDNN, căn cứ vào thực tế Nhà trường xác định mục tiêu, chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đào tạo.

Đối với công tác tự kiểm định ngành Tự động hoá công nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh xác định là một nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm nhà trường căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đã và chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường, qua đó phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế.

2. KIẾN NGHỊ

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự kiểm định chất lượng, nhà trường thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng CTĐT: Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học và phù hợp với việc đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường hiện tại không có kiến nghị gì./.

Nơi nhận:

- Cục GDNN&GDTX (b/c);
- Sở GD&ĐT (b/c);
- BGH;
- Lưu VT, tổ BDCL.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Quang Khuê